

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐẠI CHỨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN

*Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0309966889
do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 4
năm 2010, cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 4 tháng 2 năm 2015*



*Trụ sở: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến
Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Điện thoại: +84 8 6256 3862

Fax: +84 8 3827 4115

Website: www.masangroup.com/masanresources

Đơn vị tư vấn:

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Bản Việt

Địa chỉ: Tòa nhà Bitexco Financial, Tầng 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại: +84 8 3914 3588

Số fax: +84 8 3914 3209

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Lê Thanh Tùng

Chức vụ: Phó Giám Đốc - Pháp Lý

Số điện thoại: +84 8 6256 3862

Số fax: +84 8 3827 4115

MỤC LỤC

	Trang
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	5
1. Các rủi ro kinh tế.....	5
2. Các rủi ro pháp lý.....	7
3. Rủi ro cụ thể đối với lĩnh vực hoạt động của Masan Tài Nguyên.....	8
II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHỨNG.....	14
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	16
1.1 Giới thiệu chung về công ty đại chúng.....	16
1.2 Quá trình hình thành và phát triển.....	17
1.3 Quá trình tăng vốn điều lệ.....	18
1.4 Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch.....	20
2. Cơ cấu tổ chức của Masan Tài Nguyên.....	23
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công Ty.....	24
3.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	24
3.2 Hội Đồng Quản Trị.....	25
3.3 Ban Kiểm Soát.....	26
3.4 Ban Giám Đốc.....	27
4. Danh sách các cổ đông lớn, các cổ đông sáng lập và cơ cấu cổ đông.....	28
4.1 Cơ cấu cổ đông.....	28
4.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn điều lệ của Công Ty.....	28
5. Danh sách các công ty mẹ và các công ty con của Công Ty, các công ty dưới sự kiểm soát của hoặc kiểm soát Công Ty.....	29
5.1 Công ty mẹ và các công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần kiểm soát trong Công Ty.....	29
5.2 Danh sách các công ty con và các công ty trong đó Công Ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần kiểm soát.....	29
6. Hoạt động kinh doanh.....	37
6.1 Sản phẩm, giá trị sản xuất/dịch vụ trong suốt những năm qua.....	37
6.2 Chi tiết doanh thu theo sản phẩm.....	41
6.3 Nguyên liệu.....	42
6.4 Trình độ công nghệ.....	43
6.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.....	46
6.6 Tình hình kiểm soát chất lượng sản phẩm/dịch vụ.....	47

6.7	Các hoạt động tiếp thị	48
6.8	Các nhãn hiệu, sáng chế được đăng ký và bản quyền	49
6.9	Các hợp đồng quan trọng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	50
6.10	Các Vấn Đề An Toàn Và Môi Trường	51
6.11	Trách nhiệm xã hội của Công Ty	52
7.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	53
7.1	Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh và sản xuất của Công Ty năm 2013-2014 và sáu tháng đầu năm 2015	53
7.2	Các yếu tố ảnh hưởng đến các hoạt động kinh doanh của Masan Tài Nguyên cho năm báo cáo	55
8.	Vị thế của Masan Tài Nguyên so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 55	
8.1	Vị thế của Masan Tài Nguyên trong ngành công nghiệp	55
8.2	Lợi thế cạnh tranh của Masan Tài Nguyên.....	63
9.	Chính sách đối với người lao động.....	66
9.1	Số lượng người lao động trong Dự Án Núi Pháo	66
9.2	Chính sách đào tạo, lương, thưởng, phụ cấp/phúc lợi	67
10.	Chính sách cổ tức.....	75
11.	Tình hình tài chính	75
11.1	Các chỉ tiêu cơ bản.....	75
11.2	Chỉ tiêu tài chính chủ yếu	80
12.	Tài sản.....	80
13.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	84
13.1	Cơ sở để đạt lợi nhuận và cổ tức dự kiến	84
13.2	Xác định kế hoạch đầu tư và dự án do HĐQT, Hội Đồng Quản Trị phê duyệt	85
13.3	Kế hoạch tăng vốn điều lệ (nếu có)	85
14.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Masan Tài Nguyên	85
15.	Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.....	85
15.1	Định hướng phát triển của Masan Tài Nguyên.....	85
15.2	Đánh giá sự phù hợp giữa định hướng phát triển của Masan Tài Nguyên trong bối cảnh định hướng của ngành công nghiệp, và với chính sách Nhà nước và xu hướng toàn cầu.....	86
16.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công Ty	87
III.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	89
1.	Hội Đồng Quản Trị.....	89
1.1	Danh sách Hội Đồng Quản Trị	89

1.2	Sơ yếu lý lịch Hội Đồng Quản Trị.....	89
1.3	Kinh nghiệm và chuyên môn của các thành viên Hội Đồng Quản Trị.....	96
2.	Ban Kiểm Soát.....	97
2.1	Danh sách thành viên Ban Kiểm Soát	97
2.2	Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Kiểm Soát.....	97
2.3	Kinh nghiệm và chuyên môn của các thành viên Ban Kiểm Soát.....	101
3.	Ban Giám Đốc	101
3.1	Danh sách thành viên Ban Giám Đốc.....	101
3.2	Sơ yếu lý lịch Ban Giám Đốc	101
3.3	Kinh nghiệm và chuyên môn của các thành viên Ban Giám Đốc	104
4.	Kế toán trưởng.....	104
5.	Cán bộ quản lý khác.....	105
6.	Kế hoạch tăng cường quản trị của Công Ty	105
7.	Thù lao	106
IV.	PHỤ LỤC	107
1.	Phụ Lục I: Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;.....	107
2.	Phụ Lục II: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014; và.....	107
3.	Phụ Lục III: Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015.....	107

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Việc đầu tư vào cổ phiếu của Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San ("**Công Ty**") có bao gồm các rủi ro. Các nhà đầu tư tiềm năng cần thận trọng xem xét các rủi ro mô tả dưới đây, cùng với tất cả thông tin khác được nêu trong Bản Thông Tin Tóm Tắt này, trước khi đưa ra quyết định đầu tư liên quan đến Cổ Phần. Các rủi ro được mô tả dưới đây là các rủi ro đáng lưu ý mà có thể ảnh hưởng đến Masan Tài Nguyên và giá trị Cổ Phần và không phải là các rủi ro duy nhất tồn tại. Các rủi ro khác mà hiện tại Masan Tài Nguyên chưa biết, hoặc cho rằng không đáng kể tại thời điểm hiện tại, cũng có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc triển vọng của Masan Tài Nguyên.

Bản Thông Tin Tóm Tắt này cũng bao gồm các tuyên bố về tương lai bao hàm rủi ro và biến động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế của Masan Tài Nguyên có thể thay đổi đáng kể so với kết quả hoạt động kinh doanh được dự đoán trong các tuyên bố về tương lai này vì một số yếu tố, bao gồm các rủi ro mà Masan Tài Nguyên phải đối mặt như được mô tả dưới đây và tại các phần khác trong Bản Thông Tin Tóm Tắt này.

1. Các rủi ro kinh tế

Thay đổi về điều kiện kinh tế, chính trị, pháp lý và chính sách ở Việt Nam có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Masan Tài Nguyên

Phần lớn toàn bộ doanh thu của Masan Tài Nguyên đều phát sinh từ, và hoạt động kinh doanh của Masan Tài Nguyên nằm trong phạm vi Việt Nam. Masan Tài Nguyên phụ thuộc vào các điều kiện kinh tế, chính trị, pháp lý và chính sách ở Việt Nam mà các điều kiện đó khác biệt so với điều kiện ở các nước có nền kinh tế phát triển hơn xét trên các khía cạnh quan trọng, bao gồm cả mức độ can thiệp của chính phủ, trình độ phát triển, tốc độ tăng trưởng, quản lý ngoại hối, kiểm soát lương và giá cả, và hạn chế đối với hàng hóa nhập khẩu. Mặc dù kể từ cuối những năm 1980 chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp chú trọng đến việc sử dụng tác động thị trường để cải cách kinh tế, việc giảm tỷ lệ sở hữu nhà nước đối với tư liệu sản xuất và việc thiết lập bộ máy quản lý cải tiến trong các doanh nghiệp, một phần đáng kể tư liệu sản xuất ở Việt Nam vẫn thuộc sở hữu của chính phủ Việt Nam. Công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Masan Tài Nguyên có thể bị ảnh hưởng bất lợi bởi những thay đổi chính sách và biện pháp đó.

Mặc dù nền kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng đáng kể trong những thập kỷ qua, tỷ lệ tăng trưởng vẫn không đồng đều, cả về mặt địa lý lẫn giữa các ngành khác nhau của nền kinh tế. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp khác nhau để khuyến khích tăng trưởng kinh tế và hướng dẫn phân bổ các nguồn lực. Một số trong các biện pháp này có thể mang lại lợi ích cho tổng thể nền kinh tế Việt Nam, nhưng có khả năng tác động tiêu cực đến Masan Tài Nguyên. Chẳng hạn, điều kiện tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Masan Tài Nguyên có thể bị ảnh hưởng bất lợi bởi việc tăng lãi suất để kiểm soát tốc độ tăng trưởng kinh tế. Các biện pháp đó có thể làm giảm hoạt động kinh tế ở Việt Nam, có thể ảnh hưởng bất lợi đến kết quả kinh doanh và hoạt động của Masan Tài Nguyên và cũng có thể làm tăng chi phí vốn vay của Masan Tài Nguyên.

Chính phủ Việt Nam có thể can thiệp vào nền kinh tế Việt Nam và đôi lúc tạo ra những thay đổi quan trọng về chính sách, bao gồm cả việc thay đổi về cơ chế kiểm soát lương và giá cả,

quản lý vốn và ngoại hối và hạn chế đối với hàng xuất khẩu và/hoặc nhập khẩu. Công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Masan Tài Nguyên có thể bị ảnh hưởng bất lợi từ những thay đổi chính sách đó.

Tình hình kinh tế Việt Nam cũng ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Masan Tài Nguyên. Các yếu tố đã và có khả năng tiếp tục ảnh hưởng bất lợi đến nền kinh tế Việt Nam bao gồm những đợt bùng phát virus Dịch Cúm A (H1N1), cúm gà, SARS hoặc các bệnh dịch truyền nhiễm khác xảy ra gần đây và có khả năng xảy ra trong tương lai; biến động tỷ giá; tỷ lệ lạm phát cao và việc Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam tăng lãi suất; thay đổi về thuế; các thiên tai, bao gồm cả sóng thần, hỏa hoạn, lũ lụt và các thảm họa tương tự khác; thay đổi giá dầu; sự phát triển về chính sách, chính trị hoặc kinh tế khác ở Việt Nam hoặc ảnh hưởng đến Việt Nam, và các xu hướng kinh tế toàn cầu mang tính tiêu cực bao gồm khủng hoảng kinh tế toàn cầu dẫn đến những đợt điều chỉnh trên thị trường bất động sản và chứng khoán, thiếu nguồn cung vốn, suy giảm mang tính hệ quả đối với hoạt động đầu tư nước ngoài và đình trệ tăng trưởng kinh tế.

Masan Tài Nguyên không thể đưa ra bất kỳ bảo đảm nào liên quan đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong tương lai. Một đợt suy thoái của nền kinh tế Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Masan Tài Nguyên.

Nền kinh tế Việt Nam vẫn phải chịu các rủi ro gắn liền với nền kinh tế mới nổi

Nền kinh tế Việt Nam vẫn phải chịu các rủi ro gắn liền với nền kinh tế mới nổi. Các nhà đầu tư tại các thị trường mới nổi, như Việt Nam, nên lưu ý rằng các thị trường mới nổi này có thể tiềm ẩn nhiều rủi ro hơn các nền kinh tế đã phát triển, trong một số trường hợp bao gồm rủi ro đáng kể về kinh tế và pháp lý. Hơn thế nữa, những thay đổi chính sách quản lý cũng như việc diễn giải về mặt pháp lý đối với pháp luật áp dụng có thể gây ra các hệ quả không lường trước mà có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh trong nước. Các nhà đầu tư cũng nên lưu ý rằng các nền kinh tế mới nổi như nền kinh tế Việt Nam thường biến đổi một cách nhanh chóng. Do đó, các nhà đầu tư nên thận trọng trong việc đánh giá các rủi ro có liên quan và từ đó đưa ra các quyết định đầu tư phù hợp có tính đến các rủi ro đó. Nhìn chung, hoạt động đầu tư ở các thị trường mới nổi chỉ phù hợp cho những nhà đầu tư có tổ chức và chuyên nghiệp và có khả năng đánh giá một cách toàn diện tầm quan trọng của các rủi ro có liên quan.

Xếp hạng tín dụng của Việt Nam và các công ty Việt Nam giảm có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến Masan Tài Nguyên và khả năng huy động vốn của Masan Tài Nguyên

Công ty xếp hạng tín dụng Standard & Poor's Financial Services và các cơ quan xếp hạng tín dụng khác có thể sẽ đánh tụt hạng xếp hạng tín dụng của Việt Nam hoặc của các công ty Việt Nam. Việc đánh tụt hạng như vậy có thể ảnh hưởng bất lợi đến tính thanh khoản trong các thị trường tài chính của Việt Nam, đến khả năng của chính phủ Việt Nam và các doanh nghiệp Việt Nam, bao gồm cả Masan Tài Nguyên, trong việc huy động vốn bổ sung, và có thể tác động đến lãi suất và những điều khoản thương mại khác mà việc huy động vốn bổ sung được thực hiện trên cơ sở lãi suất và những điều khoản thương mại khác đó. Tất cả các yếu tố đó có thể tác động bất lợi đáng kể đến Masan Tài Nguyên.

Việc công bố thông tin doanh nghiệp và các tiêu chuẩn kế toán, các tiêu chuẩn quản lý doanh nghiệp, cũng như các yêu cầu của luật chứng khoán và khung pháp lý, ở Việt Nam

không bắt buộc phải đạt đến mức độ và tần suất công bố thông tin như được áp dụng ở các nước có nền kinh tế phát triển

Khối lượng và chất lượng thông tin được công bố về Masan Tài Nguyên có thể theo tiêu chuẩn thấp hơn so với khối lượng và chất lượng thông tin được cung cấp đều đặn bởi các công ty ở các nước có nền kinh tế phát triển. Theo đó, khối lượng và chất lượng thông tin về Công Ty được cung cấp cho các cổ đông của Công Ty có thể không ngang bằng với, và có thể mang tính chất bảo vệ nhà đầu tư thấp hơn, khối lượng và chất lượng thông tin về một công ty ở một nước có nền kinh tế phát triển.

Ngoài ra, các tiêu chuẩn quản lý doanh nghiệp ở Việt Nam nhìn chung khác với các tiêu chuẩn quản lý doanh nghiệp ở các nước có nền kinh tế phát triển. Chẳng hạn, có thể có nhiều khác biệt ở mức độ giám sát của hội đồng quản trị, việc thiết lập và phạm vi của các cơ chế giám sát nội bộ, thiếu quy định về các ban mang tính bắt buộc như ban kiểm toán, phạm vi của các yêu cầu liên quan đến tính độc lập của các thành viên hội đồng quản trị và cổ đông không có khả năng kiện các thành viên hội đồng quản trị. Công Ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên, Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Đầu Tư Thái Nguyên, Công Ty Núi Pháo và Núi Pháo – H.C. Starck đều là các công ty chưa đại chúng và do vậy, yêu cầu về công bố thông tin và minh bạch hóa thông tin thậm chí còn ở mức độ thấp hơn.

2. Các rủi ro pháp lý***Hoạt động kinh doanh của Masan Tài Nguyên phụ thuộc vào khả năng có được, duy trì và cấp mới hoặc gia hạn các giấy phép và chấp thuận do chính phủ Việt Nam cấp***

Các hoạt động kinh doanh của Masan Tài Nguyên cần nhiều loại giấy phép và chấp thuận từ các cơ quan chính phủ có liên quan, chẳng hạn như giấy phép khai thác khoáng sản và các chấp thuận về môi trường khác do Bộ TNMT cấp, chấp thuận của BCT về thiết kế nhà máy, cũng như các giấy phép kinh doanh khác. Các giấy phép này cần được nộp hồ sơ xin cấp, sửa đổi, cấp mới hoặc gia hạn tùy từng trường hợp. Masan Tài Nguyên không thể bảo đảm với các nhà đầu tư tiềm năng rằng cơ quan nhà nước có liên quan sẽ cấp các giấy phép mới, giấy phép sửa đổi, cấp mới hoặc gia hạn đối với các giấy phép hiện có cũng như sẽ cấp các giấy phép nói trên trong thời hạn mà Masan Tài Nguyên dự đoán. Việc mất, hoặc không thể sửa đổi, xin cấp mới hoặc gia hạn bất kỳ giấy phép hoặc chấp thuận quan trọng nào cần phải có để thực hiện hoạt động kinh doanh của Masan Tài Nguyên đều có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Masan Tài Nguyên.

Giấy phép quan trọng nhất phải có đối với hoạt động khai thác mỏ của Masan Tài Nguyên là giấy phép khai thác khoáng sản do Bộ TNMT cấp, và các quyền khai thác và phát triển Dự Án Núi Pháo phụ thuộc vào khả năng đáp ứng các điều khoản của giấy phép đó của Masan Tài Nguyên, bao gồm việc trả cho chính phủ Việt Nam các khoản phí và thuế như quy định trong giấy phép, cũng như việc đáp ứng các điều kiện cấp phép khác liên quan đến yêu cầu về môi trường, y tế, an toàn và lao động. Nếu Masan Tài Nguyên không có khả năng đáp ứng các điều kiện cấp phép, quyền khai thác khoáng sản đối với Dự Án Núi Pháo của Masan Tài Nguyên có thể bị hạn chế hoặc thay đổi và từ đó có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Masan Tài Nguyên.

Pháp luật thuế Việt Nam thay đổi

Tất cả các luật và quy định về các khoản thuế chính ở Việt Nam (bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên và thuế xuất khẩu) đã thay đổi đáng kể kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 và vẫn đang tiếp tục được bổ sung và làm rõ để đáp ứng yêu cầu thực tiễn khi có các vấn đề phát sinh trong quá trình thu và nộp thuế. Các thay đổi về tình trạng thuế của bất kỳ công ty nào trong Masan Tài Nguyên hoặc luật thuế hoặc các cách diễn giải khác nhau về pháp luật và chính sách thuế ở Việt Nam nhìn chung có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của Công Ty và làm tăng nghĩa vụ thuế mà Công Ty phải chịu.

3. Rủi ro cụ thể đối với lĩnh vực hoạt động của Masan Tài Nguyên

Masan Tài Nguyên có một quá trình hoạt động còn giới hạn

Quá trình hoạt động của Dự Án Núi Pháo còn tương đối ngắn để có thể đánh giá được khả năng của Dự Án Núi Pháo trong tương lai. Masan Tài Nguyên, thông qua các công ty con thực hiện Dự Án Núi Pháo, được thành lập năm 2010 khi Tập Đoàn Masan tiếp quản khu mỏ. Mặc dù đội ngũ quản lý và người lao động của Masan Tài Nguyên có kinh nghiệm và chuyên môn trong lĩnh vực hoạt động khai thác mỏ và tài nguyên, Masan Tài Nguyên vẫn không thể bảo đảm sự tăng trưởng thành công và hoạt động trong tương lai của mình. Việc công ty thực hiện dự án của Masan Tài Nguyên không tạo ra doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động khai thác khoáng sản có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Masan Tài Nguyên.

Phần lớn dòng tiền và lợi nhuận kinh doanh của Masan Tài Nguyên đều phát sinh từ mỏ Núi Pháo và phần lớn tài sản và hoạt động khai thác mỏ của Masan Tài Nguyên đều tập trung tại mỏ Núi Pháo

Công Ty quản lý Dự Án Núi Pháo thông qua công ty con là Công Ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên và công ty con của Công Ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên, Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Đầu Tư Thái Nguyên, là các công ty nắm giữ lần lượt 85% và 15% vốn điều lệ của Công Ty Núi Pháo, công ty thực hiện Dự Án Núi Pháo. Doanh thu của Masan Tài Nguyên đã và sẽ tiếp tục phát sinh chủ yếu từ hoạt động kinh doanh của Công Ty Núi Pháo. Bất kỳ khó khăn đáng kể nào trong hoạt động vận hành hoặc khó khăn khác trong quá trình khai thác mỏ, chế biến, vận chuyển sản phẩm, hoặc thiệt hại đối với nhà máy, công trình, máy móc, thiết bị, nguyên liệu thô hoặc các tài sản và của cải khác của Dự Án Núi Pháo đều có thể ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Masan Tài Nguyên.

Rủi ro từ chương trình đền bù và tái định cư có thể làm gián đoạn hoạt động sản xuất

Diện tích đất cần thiết phục vụ cho hoạt động xây dựng và vận hành mỏ của Công Ty Núi Pháo trước đây bị các hộ gia đình và doanh nghiệp chiếm dụng. Tuy Công Ty Núi Pháo đã thu hồi toàn bộ diện tích đất cần ngay cho hoạt động xây dựng và vận hành mỏ và nhà máy, vẫn còn một số thửa đất xung quanh dự án nằm trong kế hoạch đền bù và tái định cư cần phải được thu hồi. Những người sống trên các thửa đất này cũng có thể bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của dự án. Do vậy, Công Ty Núi Pháo cần phải tái định cư cho các hộ gia đình và doanh nghiệp còn lại này đến một khu vực không dùng cho Dự Án Núi Pháo, và thực hiện đền bù

cho họ. Việc không thu hồi diện tích đất cần thiết theo kế hoạch đền bù và tái định cư một cách kịp thời và trong phạm vi ngân sách dự kiến sẽ ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Masan Tài Nguyên.

Các số liệu trữ lượng của Dự Án Núi Pháo chỉ là số liệu ước tính trữ lượng tài nguyên khoáng sản thực tế và dựa trên nhiều giả định mâu chốt khác nhau mà có thể thay đổi trong tương lai

Trữ lượng khoáng sản tiềm năng đã được chứng minh là những phán đoán dựa trên kiến thức, kinh nghiệm và thực tiễn trong nghề và bất kỳ thay đổi nào đối với trữ lượng khoáng sản tiềm năng đã được chứng minh ước tính đều có thể ảnh hưởng bất lợi đến các kế hoạch phát triển và hoạt động khai thác mỏ của Masan Tài Nguyên, từ đó ảnh hưởng đến giá trị khoản đầu tư của Masan Tài Nguyên. Trữ lượng khoáng sản của Dự Án Núi Pháo được nêu trong Bản Thông Tin Tóm Tắt này chỉ là số liệu ước tính về quy mô các vỉa khoáng sản nằm trong khu vực khai thác của Dự Án Núi Pháo. Tính chất của thân quặng, sự phân bố và phẩm cấp quặng cũng như tính chất của quặng trong quá trình khai thác và chế biến khoáng sản là những yếu tố không bao giờ có thể dự đoán đầy đủ, và các số liệu ước tính về trữ lượng không thể được lập mà không có biến động, vì cần thiết phải dựa vào nhiều giả định khác nhau chẳng hạn như các giả định liên quan đến điều kiện địa chất, lịch sử sản xuất của các mỏ tại vùng lân cận khu vực khai thác mỏ, ảnh hưởng của các yêu cầu luật định và chi phí hoạt động. Những giả định này có thể cần thay đổi, chẳng hạn, dựa trên kinh nghiệm sản xuất thực tế, khi có thông tin mới làm thay đổi những giả định cơ bản hoặc thay đổi trong cách phân loại trữ lượng thành loại “đã chứng minh” hoặc “tiềm năng”. Bên cạnh đó, chất lượng và đặc tính của khoáng sản thực tế khai thác được từ Dự Án Núi Pháo có thể thay đổi đáng kể so với ước tính của Masan Tài Nguyên hoặc có thể không đạt yêu cầu của khách hàng.

Do những số liệu ước tính về khối lượng, phẩm cấp và hàm lượng kim loại tổng thể của một vỉa khoáng sản không phải lúc nào cũng được tính toán chính xác, trữ lượng khoáng sản tiềm năng đã được chứng minh có thể cần được điều chỉnh và bất kỳ điều chỉnh nào như vậy đều có thể ảnh hưởng đến kế hoạch phát triển và khai thác mỏ và bất kỳ suy giảm đáng kể nào đối với khối lượng và phẩm cấp của trữ lượng thuộc Dự Án Núi Pháo có thể gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng kinh doanh của Masan Tài Nguyên.

Chi phí hoạt động tại Dự Án Núi Pháo tăng đáng kể có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến khả năng sinh lời và lợi ích kinh tế dự tính nhận được từ hoạt động khai thác mỏ của Masan Tài Nguyên

Chi phí hoạt động của Masan Tài Nguyên có thể thay đổi phụ thuộc vào một số yếu tố, chẳng hạn như những điều chỉnh trong kế hoạch khai thác mỏ của Dự Án Núi Pháo dựa trên những thông tin địa kỹ thuật thu được khi mỏ phát triển và thông tin về giá của hàng hóa đầu vào như nhiên liệu, điện, hoá chất, chất nổ, và sắt thép. Chi phí hàng hóa có thể chịu sự biến động giá thất thường, bao gồm cả việc tăng giá dẫn đến hoạt động kinh doanh ít sinh lời hơn, và phụ thuộc vào những thay đổi của pháp luật, quy chế và quy định ảnh hưởng đến giá cả, quá trình sử dụng và vận chuyển hàng hóa. Chi phí vốn cũng có thể tăng do những yếu tố nằm ngoài tầm kiểm soát của Masan Tài Nguyên, bao gồm giá nhiên liệu, sắt thép, các hàng hoá khác và chi phí nhân công.

Dự Án Núi Pháo có thể phải đối mặt với những thách thức về mặt vận hành và địa kỹ thuật mà các thách thức này có thể gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến các hoạt động khai thác khoáng sản của Dự Án Núi Pháo

Nhà máy Núi Pháo đi vào hoạt động và thực hiện sản xuất thương mại đối với sản phẩm đầu tiên ngày 1 tháng 3 năm 2014. Bất ổn địa kỹ thuật có thể khó dự đoán và thường bị ảnh hưởng bởi những rủi ro và nguy hiểm ngoài tầm kiểm soát của Masan Tài Nguyên, chẳng hạn như thời tiết khắc nghiệt và mưa lớn, có thể dẫn đến lũ lụt, sạt bùn, lở đất và vách móng không ổn định. Mỗi một hậu quả tiềm năng này đều có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Masan Tài Nguyên.

Khả năng vận hành hiệu quả của Masan Tài Nguyên có thể bị suy giảm nếu Masan Tài Nguyên mất đi nhân sự chủ chốt hoặc nếu xảy ra tình trạng thiếu hụt lao động có tay nghề cao

Hoạt động khoáng sản là ngành sử dụng lao động tập trung. Masan Tài Nguyên dựa vào một số nhân sự chủ chốt để quản lý hoạt động kinh doanh của mình, bao gồm các nhà quản lý, lao động có tay nghề cao, các nhà thầu và các nhân viên khác. Masan Tài Nguyên không thể bảo đảm việc tuyển dụng và duy trì các nhân sự chủ chốt đó hoặc bảo đảm rằng Masan Tài Nguyên có khả năng thu hút và giữ chân nhân sự có tay nghề và trình độ cao trong tương lai. Ngoài ra, một số thành viên điều hành của Masan Tài Nguyên là người nước ngoài và họ có thể sẽ chọn nơi sinh sống khác trong tương lai. Nếu Masan Tài Nguyên mất đi những nhân sự quản lý chủ chốt có thâm niên này hoặc phần lớn các lao động có tay nghề cao, Masan Tài Nguyên không thể bảo đảm rằng Masan Tài Nguyên có thể tuyển dụng được nhân sự thay thế phù hợp để vận hành mỏ. Bất kỳ khó khăn nào trong tương lai liên quan đến khả năng thu hút, tuyển dụng và giữ chân nhân sự có tay nghề và trình độ cao của Masan Tài Nguyên có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể và bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Masan Tài Nguyên. Ngoài ra, bất kỳ thiếu hụt lao động có tay nghề cao nào cũng có thể dẫn đến sự gia tăng chi phí sản xuất, điều đó có thể làm giảm đáng kể doanh thu thuần và khả năng sinh lời của Dự Án Núi Pháo.

Hoạt động khai thác và vận chuyển khoáng sản của Masan Tài Nguyên có thể gặp trở ngại ngoài dự kiến như thời tiết xấu, thiên tai, tai nạn và hồng hóc trong quá trình hoạt động không lường trước

Hoạt động khai thác khoáng sản của Masan Tài Nguyên có thể phụ thuộc vào các sự kiện và điều kiện vận hành mà các sự kiện và điều kiện vận hành đó có thể phá vỡ kế hoạch khai thác, sản xuất, bốc dỡ và vận chuyển vonfram, florit, đồng và bismut trong một thời gian dài. Những tổn thất này có thể bao gồm những thiệt hại hoặc phá hủy nghiêm trọng đối với tài sản và thiết bị, ô nhiễm, hủy hoại tài nguyên thiên nhiên hoặc thiệt hại khác về môi trường, trách nhiệm cải tạo, phục hồi môi trường, công tác điều tra và chế tài, đình chỉ hoạt động, thương tích nghiêm trọng hoặc thiệt hại tính mạng, gia tăng chi phí giám sát, chi phí khắc phục hậu quả hoặc thậm chí có thể dẫn đến đóng cửa các hoạt động khai mỏ của Masan Tài Nguyên.

Bảo hiểm của Masan Tài Nguyên có thể không đủ để chi trả tất cả các tổn thất hoặc trách nhiệm có thể phát sinh

Masan Tài Nguyên duy trì bảo hiểm đối với tất cả những rủi ro bao gồm tổn thất hoặc thiệt hại vật chất đối với mỏ, công trình, nhà máy, máy móc và cơ sở hạ tầng hỗ trợ của Dự Án

Núi Pháo. Ngoài ra, Masan Tài Nguyên duy trì bảo hiểm trách nhiệm cho bên thứ ba của các nhà thầu đối với những tổn thương hoặc thiệt hại. Masan Tài Nguyên không thể bảo đảm rằng phạm vi bảo hiểm này sẽ đủ để chi trả tất cả các tổn thất và trách nhiệm có thể phát sinh. Một số trách nhiệm và rủi ro về mặt kinh doanh, hoạt động và tài sản của Masan Tài Nguyên có thể không được bảo hiểm chi trả hoặc chi trả không đầy đủ vì nhiều nguyên nhân như thiệt hại do lỗi thiết kế, vật liệu hoặc tay nghề, nội tỳ hàng hóa, ẩn tỳ hàng hóa, sự giảm dần giá trị, gián đoạn nguồn nước, hệ thống khí đốt, điện hoặc nhiên liệu, hỏng hóc hệ thống xử lý chất thải ra và vào cơ sở, hiện tượng bốc cháy tự phát/lên men, xói mòn, sụp lún bờ biển hoặc bờ sông, chuyển dịch ngang nền đất và lở đất, dịch chuyển của trái đất, bắt cóc, nguy cơ đánh bom, nguy cơ dịch bệnh, lừa đảo, tổng tiền nhưng không loại trừ những tổn thất hệ quả, chiến tranh, xâm lược, hành động hoặc kẻ thù ngoại quốc, tình trạng chiến tranh hoặc các hành động hiếu chiến, nội chiến, bạo loạn, bạo động, leo thang quân sự, nổi dậy, nổi loạn, cách mạng, sức mạnh quân sự hoặc chiếm đoạt quyền lực, hành động khủng bố, hủy hoại tài sản theo lệnh của bất kỳ cơ quan nhà nước nào, vũ khí hạt nhân và bức xạ ion hoá hoặc nhiễm phóng xạ từ bất kỳ nhiên liệu hạt nhân hoặc từ bất kỳ chất thải hạt nhân nào. Những trường hợp phát sinh không được bảo hiểm, hoặc ngoài phạm vi được bảo hiểm, có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Masan Tài Nguyên. Nhà đầu tư tiềm năng xem Phần IV, Mục 8.1.5 (*Bảo Hiểm*) để biết thêm thông tin chi tiết về phạm vi bảo hiểm hiện nay của Masan Tài Nguyên.

Masan Tài Nguyên có thể phải chịu những chi phí bảo vệ môi trường đáng kể liên quan đến hoạt động khai thác mỏ, thay đổi pháp luật và quy định về môi trường hoặc cách giải thích pháp luật và quy định về môi trường, hoặc những ảnh hưởng không lường trước được đến môi trường từ hoạt động khai thác mỏ của Masan Tài Nguyên

Hoạt động của Dự Án Núi Pháo, cụ thể là nhà máy chế biến, tạo ra những chất thải nguy hại mà có thể ảnh hưởng bất lợi đến môi trường nếu chất thải đó không được kiểm soát và quản lý một cách phù hợp. Hoạt động thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản của Dự Án Núi Pháo phải tuân thủ pháp luật và quy định về môi trường, y tế và an toàn của Việt Nam. Những quy định này điều chỉnh nhiều phương diện khác nhau của hoạt động khai thác mỏ, chẳng hạn như việc xả thải vào không khí và nguồn nước, việc quản lý, lưu trữ và xử lý chất và chất thải nguy hại, vệ sinh công trường, chất lượng nước ngầm, cải tạo và phục hồi khu vực mỏ sau khi khai thác. Chi phí cho việc tuân thủ pháp luật và quy định này được dự kiến là sẽ ảnh hưởng đến chi phí hoạt động và vị thế cạnh tranh của Masan Tài Nguyên. Ngoài ra, bất kỳ vi phạm nào đối với, bất kỳ trách nhiệm nào theo, hoặc bất kỳ thay đổi nào của pháp luật về môi trường, y tế và an toàn có thể làm phát sinh các chi phí và chế tài đáng kể. Giấy phép và các chấp thuận phải có liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản cũng có thể bị đình chỉ hoặc thu hồi trong trường hợp không đáp ứng các tiêu chuẩn mà pháp luật yêu cầu. Masan Tài Nguyên không bảo đảm rằng Masan Tài Nguyên sẽ có khả năng tuân thủ các yêu cầu về môi trường trong hiện tại hoặc tương lai. Bên cạnh đó, các quy định trong tương lai có thể đặt ra nhiều yêu cầu nghiêm ngặt hơn về việc tuân thủ và phục hồi môi trường, từ đó có thể dẫn đến chi phí tuân thủ cao hơn và có thể ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Masan Tài Nguyên.

Mất hoặc giảm đáng kể đơn hàng từ các khách hàng lớn có thể ảnh hưởng đến khả năng sinh lợi của Masan Tài Nguyên

Sản lượng florit và bismut của Dự Án Núi Pháo chủ yếu được bán theo các hợp đồng bao tiêu. Đối với vonfram, Công Ty Núi Pháo đã ký hợp đồng với H.C. Starck để thành lập liên doanh sản xuất các sản phẩm APT, BTO và YTO từ tinh quặng vonfram do Công Ty Núi

Pháo sản xuất. Khoảng một nửa các sản phẩm của liên doanh sẽ được H.C. Starck bao tiêu. Nếu Công Ty Núi Pháo mất đi bất kỳ khách hàng nào trong số các khách hàng này hoặc nếu bất kỳ khách hàng nào trong số các khách hàng này không thể thực hiện đầy đủ các cam kết bao tiêu của họ với Công Ty Núi Pháo, thì tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Masan Tài Nguyên có thể bị ảnh hưởng bất lợi và đáng kể.

Giá khoáng sản toàn cầu mang tính chu kỳ và có thể biến động mạnh, do đó nếu giá khoáng sản sụt giảm thì sẽ ảnh hưởng bất lợi đến kết quả hoạt động kinh doanh của Masan Tài Nguyên

Thị trường vonfram, florit, đồng và bismut toàn cầu khá nhạy cảm với những thay đổi trong công suất và sản lượng khai thác khoáng sản. Do nhu cầu về vonfram, florit, đồng và bismut đến từ hầu hết các ứng dụng công nghiệp, giá của các khoáng sản này thường có mối liên hệ với sự tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Theo các hợp đồng bao tiêu và hợp đồng bán sản phẩm của Dự Án Núi Pháo đối với vonfram, florit, đồng và bismut, giá của các khoáng sản này nhìn chung sẽ được đàm phán và điều chỉnh định kỳ có tham chiếu giá thị trường hiện hành. Do vậy, sự sụt giảm và biến động đáng kể của giá các khoáng sản đã chế biến này trên thế giới, hoặc giá các thành phẩm đã qua chế biến đều có thể ảnh hưởng và tác động bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Masan Tài Nguyên.

Masan Tài Nguyên có thể không có khả năng nắm bắt các cơ hội để mua, hợp nhất hoặc đầu tư vào những công ty khai thác mỏ mới

Như một phần chiến lược kinh doanh của mình, Masan Tài Nguyên dự tính khám phá cơ hội mua, hợp nhất và đầu tư vào các công ty khác hoạt động trong lĩnh vực khai thác mỏ và khoáng sản tại Việt Nam. Sự tăng trưởng của Masan Tài Nguyên thông qua việc mua, hợp nhất và đầu tư như vậy sẽ phụ thuộc vào nhiều yếu tố nằm ngoài kiểm soát của Masan Tài Nguyên, chẳng hạn như khả năng tìm được mục tiêu đầu tư phù hợp, cạnh tranh trong việc mua và đầu tư, khả năng về nguồn lực tài chính để Masan Tài Nguyên thực hiện đầu tư thành công, cũng như các yếu tố về mặt pháp lý, chính sách, xã hội và chính trị tồn tại tại thời điểm của cơ hội đầu tư đó. Các yếu tố này có thể cản trở khả năng phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh của Masan Tài Nguyên thông qua việc đầu tư, hoặc thậm chí dẫn đến việc Masan Tài Nguyên mất cơ hội đầu tư vào các hoạt động kinh doanh khác, từ đó có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Masan Tài Nguyên.

Giá tăng chi phí vận chuyển và gián đoạn vận chuyển có thể ảnh hưởng bất lợi đến chi phí sản xuất và khả năng thực hiện hợp đồng đang có hiệu lực của Masan Tài Nguyên

Chi phí vận chuyển chiếm một phần đáng kể trong chi phí sản xuất của Masan Tài Nguyên và là một yếu tố quan trọng cần xem xét khi Masan Tài Nguyên thương lượng giá mua với khách hàng. Việc gia tăng chi phí vận chuyển có thể khiến sản phẩm của Masan Tài Nguyên đắt hơn và do đó hoạt động kinh doanh của Masan Tài Nguyên sẽ giảm tính cạnh tranh so với các nhà sản xuất khác. Hơn nữa, bất kỳ gián đoạn nào xảy ra trên hệ thống đường bộ hoặc đường sắt nối Tỉnh Thái Nguyên, nơi mỏ Núi Pháo tọa lạc, với các cảng gần nhất là Hải Phòng và Quảng Ninh, nơi sản phẩm được chuyển đi cho khách hàng, chẳng hạn như vì vấn đề thời tiết, tranh chấp lao động, bảo trì đường bộ và/hoặc đường sắt, đều có thể tạm thời hạn chế khả năng vận chuyển sản phẩm cho khách hàng đúng hạn của Masan Tài Nguyên. Bất kỳ

yếu tố nào kể trên đều có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Masan Tài Nguyên.

Masan Tài Nguyên dựa vào các dịch vụ khai thác mỏ do nhà thầu thứ ba cung cấp

Hiện tại, Masan Tài Nguyên thuê các nhà thầu để thực hiện hoạt động khai thác mỏ và tất cả các hoạt động hỗ trợ khai thác mỏ cho Dự Án Núi Pháo, như bảo trì và sửa chữa trang thiết bị và bảo trì đường bộ. Do đó, hoạt động của Dự Án Núi Pháo có thể bị ảnh hưởng bởi việc thực hiện dịch vụ của các nhà thầu thứ ba này. Mặc dù Masan Tài Nguyên giám sát công việc của các nhà thầu này để bảo đảm công việc được thực hiện phù hợp với kế hoạch khai thác mỏ, ngân sách và các chỉ dẫn kỹ thuật của mình, Masan Tài Nguyên không thể kiểm soát các tiêu chuẩn chất lượng, an toàn và môi trường đối với công việc do các nhà thầu thứ ba thực hiện với mức độ cần trọng như đối với công việc do nhân viên của chính Masan Tài Nguyên thực hiện. Nếu bất kỳ nhà thầu thứ ba nào không đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng, an toàn và môi trường của Masan Tài Nguyên, việc đó có thể ảnh hưởng đến việc Masan Tài Nguyên tuân thủ các quy định có liên quan và cũng có thể dẫn đến trách nhiệm đối với các bên thứ ba, từ đó có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, danh tiếng, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Masan Tài Nguyên.

Masan Tài Nguyên phụ thuộc vào các bộ phận trọng yếu của nhà máy, thiết bị và máy móc để thực hiện hoạt động khai thác mỏ

Hoạt động của Dự Án Núi Pháo phụ thuộc vào các bộ phận trọng yếu của nhà máy chế biến, thiết bị và máy móc, bao gồm nhà máy nghiền thô; kho dự trữ và thu hồi quặng nhỏ; quy trình nghiền tinh; quy trình tuyển nổi đồng, khử nước cho tinh quặng và đóng gói; quy trình tuyển nổi sunfua số lượng lớn; quy trình thu hồi, làm giàu tinh quặng, sấy và đóng gói vonfram trọng lực; quy trình tuyển nổi bismut, lọc và luyện bismut, và đóng gói bismut; quy trình xử lý chất thải từ quy trình lọc bismut; quy trình tuyển nổi florit, khử nước cho tinh quặng và lưu trữ; và quy trình trộn thuốc thử và lưu trữ. Việc bảo trì thiết bị và máy móc có liên quan hiện được thực hiện bởi các nhân viên của Masan Tài Nguyên hoặc, nếu cần thiết, bởi các nhà thầu thứ ba dưới sự giám sát của Masan Tài Nguyên. Bất kỳ thiệt hại đáng kể nào hoặc hỏng hóc đối với thiết bị, máy móc hoặc nhà máy đó đều có ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Masan Tài Nguyên.

II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Các Khái Niệm

Các công ty trong Tập Đoàn Masan

“Masan Tầm Nhìn”	:	Công Ty Cổ Phần Tầm Nhìn Masan
“MSN”	:	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Masan
“Tập Đoàn Masan”	:	MSN và các công ty con của MSN

Các công ty trong Masan Tài Nguyên

“Công Ty”	:	Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San
“Công Ty Núi Pháo”	:	Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo
“Masan Tài Nguyên”	:	Công Ty và các công ty con của Công Ty
“MRTN”	:	Công Ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên
“Núi Pháo – H.C. Starck”	:	Công Ty TNHH Tinh Luyện Vonfram Núi Pháo – H.C. Starck
“TNTI”	:	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Đầu Tư Thái Nguyên

Thuật ngữ khai thác mỏ

“APT”	:	Ammonium paratungstate
“BTO”	:	Oxit vonfram xanh (Blue tungsten oxide)
“Mã JORC”	:	Mã Báo Cáo Kết Quả Thăm Dò, Tài Nguyên Khoáng Sản Và Trữ Lượng Quặng của Australia (<i>Australasian Code for Reporting of Exploration Results, Mineral Resources and Ore Reserves</i>) do Ủy Ban Liên Tịch Trữ Lượng Quặng của Viện Khai Khoáng Và Luyện Kim Australia, Viện Các Nhà Nghiên Cứu Địa Chất và Hội Đồng Khoáng Sản Australia (<i>Joint Ore Reserves Committee of the Australasian Institute of Mining and Metallurgy, Australian Institute of Geoscientists and Mineral Council of Australia</i>), Ấn phẩm năm 2012
“YTO”	:	Oxit vonfram vàng

Định nghĩa chung

“Ban Kiểm Soát”	:	Ban kiểm soát của Công Ty
“BCT”	:	Bộ Công Thương Việt Nam
“Bộ TNMT”	:	Bộ Tài Nguyên Và Môi Trường Việt Nam
“Cổ Phần”	:	Cổ phần đã phát hành và đang lưu hành của Công Ty tại từng thời điểm
“Dự Án Núi Pháo”	:	Dự án mang tên “Dự án khai thác, chế biến khoáng sản Núi Pháo” theo Giấy Chứng Nhận Đầu Tư số 17121000026 ngày 21 tháng 7 năm 2010 (và các sửa đổi, bổ sung) do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Thái Nguyên cấp
“ĐHĐCĐ”	:	Đại hội đồng cổ đông của Công Ty
“Điều Lệ”	:	Điều lệ của Công Ty ngày 26 tháng 5 năm 2015 và các sửa đổi, bổ sung (nếu có)
“GDP”	:	Tổng Sản Phẩm Nội Địa
“H.C. Starck”	:	H.C. Starck GmbH
“Hội Đồng Quản Trị”	:	Hội đồng quản trị của Công Ty
“HNX”	:	Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội
“Luật Doanh Nghiệp”	:	Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
“Luật Chứng Khoán”	:	Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 ngày 26 tháng 6 năm 2006 như được sửa đổi bổ sung bởi Luật Sửa Đổi Luật Chứng Khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
“Người Có Liên Quan”	:	“Người Có Liên Quan” như được định nghĩa trong Luật Chứng Khoán
“Sổ Đăng Ký Cổ Đông”	:	Sổ đăng ký cổ đông của Công Ty
“UBCKNN”	:	Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam
“VCSC”	:	Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Bản Việt

“Vốn Điều Lệ” : Vốn điều lệ của Công Ty

Tiền tệ, đơn vị và thuật ngữ khác

“DMT” : Tấn khô

“DWT” : Tấn trọng tải, đơn vị đo khối lượng mà một con tàu đang chứa hoặc có thể chứa mà vẫn bảo đảm an toàn

“USD” : Đồng tiền hợp pháp của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ

“VNĐ” hoặc “Đồng” : Đồng tiền hợp pháp của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về công ty đại chúng

Tên tiếng Việt : Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San

Tên tiếng Anh : Masan Resources Corporation

Tên viết tắt : Masan Resources Corp.

Trụ sở : Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Vốn Điều Lệ đăng ký : 7.194.473.280.000 VNĐ (*bảy ngàn một trăm chín mươi bốn tỷ, bốn trăm bảy mươi ba triệu, hai trăm tám mươi ngàn Đồng*)

Vốn Điều Lệ thực góp : 7.194.473.280.000 VNĐ (*bảy ngàn một trăm chín mươi bốn tỷ, bốn trăm bảy mươi ba triệu, hai trăm tám mươi ngàn Đồng*)

Điện thoại : +84 8 6256 3862

Fax : +84 8 3827 4115

Website : www.masangroup.com/masanresources

Logo :



Ngày UBCKNN chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng : 29/7/2015

Người đại diện theo pháp luật : Nguyễn Đăng Quang – Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

Thành lập : Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0309966889 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2010, cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 4 tháng 2 năm 2015

Ngành nghề kinh doanh : - Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (chi tiết: dịch vụ nghiên cứu thị trường (CPC 864, trừ CPC 86402)); và
- Hoạt động tư vấn quản lý (chi tiết: dịch vụ tư vấn quản lý (CPC 865)).

1.2 Quá trình hình thành và phát triển

Công Ty được thành lập ngày 27 tháng 4 năm 2010 với mục tiêu thực hiện hoạt động khai thác khoáng sản và tài nguyên của Tập Đoàn Masan. Những mốc sự kiện quan trọng đối với hoạt động kinh doanh của Công Ty được trình bày dưới đây:

- 2010 Ngày 27 tháng 4 năm 2010, Công Ty được thành lập với tên là Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San.
- Tháng 7 năm 2010, Công Ty Núi Pháo được thành lập nhằm mục đích sở hữu và vận hành Dự Án Núi Pháo để khai thác và chế biến khoáng sản tại Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên.
- Ngày 23 tháng 9 năm 2010, Tập Đoàn Masan hoàn thành việc mua lại quyền kiểm soát Công Ty Núi Pháo.
- Công Ty Núi Pháo nhận được Giấy Phép Khai Thác Khoáng Sản số 1710/GP-TNMT ngày 21 tháng 9 năm 2010 do Bộ TNMT cấp.
- 2011 Thúc đẩy phát triển Dự Án Núi Pháo.
- Tháng 3 năm 2011, MRC Ltd., một công ty đầu tư của Mount Kellett Capital Management L.P., trở thành cổ đông nắm giữ 20% trong vốn điều lệ của Công Ty.
- Tháng 12 năm 2011, Hội Đồng Đánh Giá Trữ Lượng Khoáng Sản Quốc Gia công nhận kết quả chuyển đổi cấp trữ lượng và cấp tài nguyên cho Dự Án Núi Pháo.
- 2012 Tháng 2 năm 2012, Công Ty Núi Pháo nhận được chấp thuận chính thức của BCT đối với thiết kế cơ bản mở của Dự Án Núi Pháo.
- 2013 Tháng 1 năm 2013, Private Equity New Markets II K/S, một công ty đầu tư của BankInvest trở thành cổ đông nắm giữ 2,86% trong Công Ty thông qua phương thức chào bán riêng lẻ.

Tháng 6 năm 2013, MRC Ltd. tăng tỷ lệ sở hữu trong Công Ty lên 21% thông qua phương thức chào bán riêng lẻ và tỷ lệ sở hữu này giảm xuống còn 20,04% sau khi Công Ty hoàn thành việc phát hành Cổ Phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động vào ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Tháng 8 năm 2013, Công Ty nhận Giấy Chứng Nhận Đầu Tư số 41122000131 do Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

2014 Dự Án Núi Pháo bắt đầu sản xuất thương mại từ ngày 1 tháng 3 năm 2014 đối với vonfram và đồng, từ ngày 1 tháng 6 năm 2014 đối với florit và từ ngày 1 tháng 9 năm 2014 đối với bismut.

1.3 Quá trình tăng vốn điều lệ

Bảng dưới đây thể hiện các thay đổi về vốn điều lệ của Công Ty kể từ ngày thành lập:

Thời điểm	VĐL tăng thêm (Nghìn Đồng)	Thặng dư vốn cổ phần (Nghìn Đồng)	VĐL sau khi tăng (Nghìn Đồng)	Phương thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
7/2010	20.000		20.000	Vốn góp của cổ đông sáng lập	Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh Và Đăng Ký Thuế số 0309966889 cấp lần đầu ngày 27/4/2010
9/2010	1.892.855.000	962.909.296	1.892.875.000	Phát hành cho các cổ đông hiện hữu, trong đó: - Phát hành 151.428.400 Cổ Phần cho Masan Tâm Nhìn, góp vốn bằng quyền sở hữu đối với khoản vay đã chuyển đổi thành vốn góp tại Công Ty Núi Pháo; và - Phát hành 37.857.100 Cổ Phần cho Công Ty Tiberon Minerals Pte	- Quyết định ĐHĐCD số 0451/QĐ-ĐHĐCD ngày 14/9/2010; - Nghị quyết ĐHĐCD số 0459/QĐ-ĐHĐCD-10 ngày 22/9/2010; Biên bản họp HĐQT số 0624/BBH-HĐQT-10 ngày 23/9/2010; và - Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0309966889 đăng ký thay đổi

				Ltd, góp vốn bằng quyền sở hữu tài sản từ 70% vốn điều lệ của Công Ty Núi Pháo.	lần thứ 2 cấp ngày 23/9/2010.
3/2011	3.513.951.290	1.191.796.434	5.406.826.290	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hành 96.290.930 Cổ Phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (thặng dư vốn) cho cổ đông hiện hữu; - Phát hành 122.982.045 Cổ Phần cho Masan Tầm Nhìn, góp vốn bằng quyền sở hữu tài sản và quyền sở hữu khoản vay đã cấp cho Công Ty; - Phát hành 23.987.069 Cổ Phần cho Công Ty Tiberon Minerals Pte Ltd, góp vốn bằng quyền sở hữu tài sản; và - Phát hành 108.135.085 Cổ Phần cho MRC Ltd., góp vốn bằng tiền. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 00049/QĐ-HĐTV-11 ngày 15/3/2011; và - Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0309966889 đăng ký thay đổi lần thứ 4 cấp ngày 21/3/2011.
1/2013	159.024.300	1.381.452.967	5.565.850.590	<ul style="list-style-type: none"> Phát hành 15.902.430 Cổ Phần ưu đãi tức cho BI Private Equity New Market II K/S, góp vốn bằng tiền. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 293/NQ-ĐHĐCĐ-12 ngày 27/12/2012; và - Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0309966889

					đăng ký thay đổi lần thứ 8 cấp ngày 6/2/2013.
7/2013	1.286.029.830	2.185.992.327	6.851.880.420	-Phát hành 99.182.832 Cổ Phần cho cổ đông hiện hữu, góp vốn bằng tiền; và -Phát hành riêng lẻ 29.420.151 Cổ Phần cho MRC Ltd., góp vốn bằng tiền.	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 136/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/6/2013; - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 057/NQ-ĐHĐCĐ-13 ngày 18/2/2013; và - Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0309966889 đăng ký thay đổi lần thứ 11 cấp ngày 26/7/2013.
2/2015	342.592.860	1.944.327.323	7.194.473.280	Phát hành 34.259.286 Cổ Phần cho người lao động, góp vốn bằng tiền.	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 057/NQ-ĐHĐCĐ-13 ngày 18/2/2013; - Quyết định HĐQT số 121/2014/QĐ-HĐQT ngày 29/7/2014; và - Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0309966889 đăng ký thay đổi lần thứ 12 cấp ngày 2/4/2015.

1.4 Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

1.4.1 Giới thiệu chung về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán: **cổ phiếu phổ thông**;
- Mệnh giá: **10.000 VNĐ**;

- Mã chứng khoán: **MSR**;
- Số cổ phiếu lưu hành: **719.447.328**, trong đó:
 - Cổ phiếu phổ thông: 703.544.898; và
 - Cổ phiếu ưu đãi: 15.902.430;
- Số cổ phiếu đăng ký giao dịch: **703.544.898** (*bảy trăm lẻ ba triệu năm trăm bốn bốn nghìn tám trăm chín mươi tám*) cổ phần phổ thông;
- Giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch: **7.035.448.980.000 VND** (*bảy nghìn không trăm ba mươi lăm tỷ bốn trăm bốn mươi tám triệu chín trăm tám mươi nghìn Đồng*);
- Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật hoặc bởi công ty đại chúng: **Không có**;
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài: **49%** (bốn mươi chín phần trăm) tổng số Cổ Phần; và
- Cổ phiếu ưu đãi cổ tức:
 - Số lượng: **15.902.430** (*mười lăm triệu chín trăm lẻ hai nghìn bốn trăm ba mươi*) cổ phần;
 - Hạn chế chuyển nhượng: Không;
 - Quyền biểu quyết: Không;
 - Mức cổ tức ưu đãi: Các cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi cổ tức có quyền nhận cổ tức theo tỷ lệ sở hữu của họ cùng với số tiền cổ tức cố định là 3% một năm trên giá đặt mua cổ phần cho năm đầu tiên và 10% một năm trên giá đặt mua cổ phần cho thời hạn còn lại cho đến ngày chuyển đổi.
 - Thời hạn chuyển đổi: tự động chuyển thành cổ phần phổ thông vào ngày 25/1/2017 hoặc được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông trước thời điểm đó theo thỏa thuận giữa Công Ty và cổ đông; và
 - Tỷ lệ chuyển đổi: 1:1 (01 cổ phiếu ưu đãi cổ tức được chuyển thành 01 cổ phiếu phổ thông).

1.4.2 Thuế áp dụng (thuế thu nhập và các loại thuế khác liên quan đến Cổ Phần được đăng ký giao dịch)

Thuế áp dụng đối với nhà đầu tư cá nhân

Thu nhập từ cổ tức và thu nhập từ chuyển nhượng Cổ Phần phải chịu thuế thu nhập cá nhân với mức thuế suất như sau:

- (i) Thuế suất đối với thu nhập từ cổ tức:
- (A) trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%; và
- (B) trường hợp nhận cổ tức bằng Cổ Phần hoặc Cổ Phần thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận Cổ Phần, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số Cổ Phần này thì nhà đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp nhận cổ tức bằng tiền mặt và trường hợp chuyển nhượng Cổ Phần.
- (ii) Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng Cổ Phần: 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Thuế áp dụng đối với nhà đầu tư tổ chức

Thu nhập từ chuyển nhượng Cổ Phần phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất như sau:

- (i) Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên phần chênh lệch giá khi bán Cổ Phần như sau:

Thuế thu nhập doanh nghiệp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất

trong đó:

Thu nhập tính thuế: bằng Tổng giá trị Cổ Phần bán ra trong kỳ - Tổng giá mua Cổ Phần được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán Cổ Phần; và

Thuế suất: bằng 22% (hai mươi hai phần trăm) hoặc, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, bằng 20% (hai mươi phần trăm).

- (ii) Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam mà tổ chức này không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính như sau:

Thuế thu nhập doanh nghiệp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất

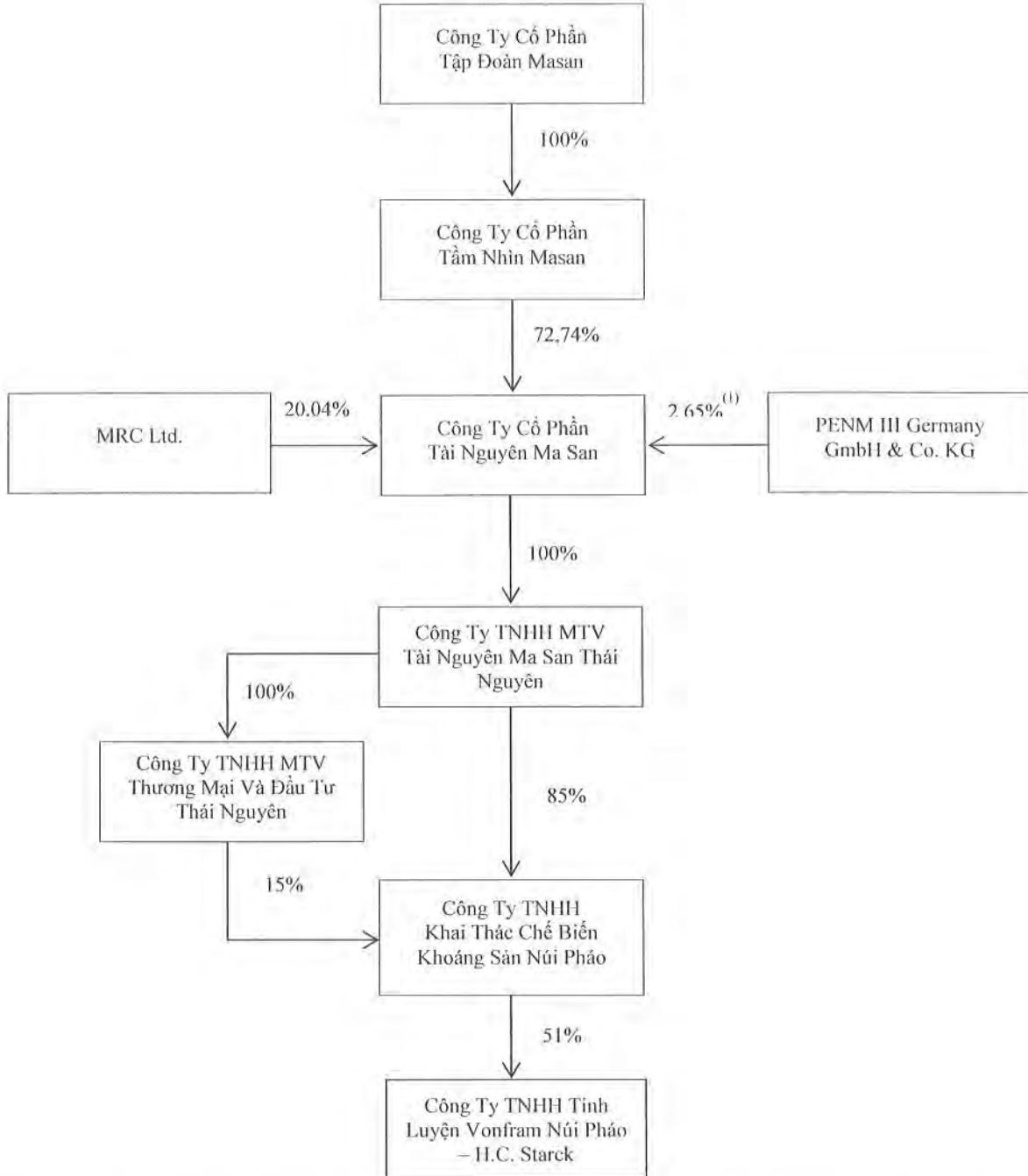
trong đó:

Thu nhập tính thuế: bằng tổng doanh thu bán Cổ Phần tại thời điểm chuyển nhượng; và

Thuế suất: bằng 0,1% (không phải một phần trăm).

2. Cơ cấu tổ chức của Masan Tài Nguyên

Tính đến ngày lập Bản Thông Tin Tóm Tắt này, cơ cấu tổ chức của Masan Tài Nguyên được trình bày trong sơ đồ dưới đây:



Ghi chú:

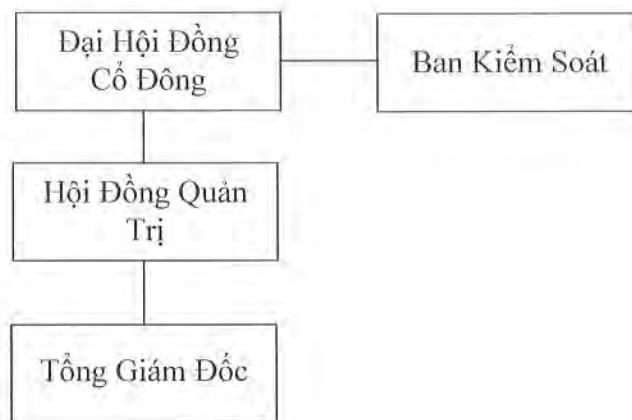
(1) PENM III Germany GmbH & Co. KG đang nắm giữ cổ phần ưu đãi cổ tức và cổ phần phổ thông

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công Ty

Tổ chức và hoạt động của Công Ty căn cứ vào các văn bản pháp lý sau đây:

- Luật Doanh Nghiệp;
- Luật Chứng Khoán;
- Điều Lệ; và
- Các văn bản pháp lý khác liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công Ty.

Tính đến ngày lập Bản Thông Tin Tóm Tắt này, cơ cấu quản lý của Công Ty được trình bày trong sơ đồ dưới đây:



3.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông

ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm. Địa điểm họp ĐHĐCĐ phải trên lãnh thổ Việt Nam. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên phải được triệu tập trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, hoặc có thể được gia hạn nhưng không quá sáu tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính nếu được cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận theo đề nghị của Hội Đồng Quản Trị. ĐHĐCĐ sẽ xem xét và quyết định các vấn đề sau:

- (i) Thông qua các báo cáo tài chính năm của Công Ty;
- (ii) Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh Nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội Đồng Quản Trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại ĐHĐCĐ;
- (iii) Quyết định số lượng thành viên của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát;
- (iv) Lựa chọn công ty kiểm toán;
- (v) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát;

- (vi) Quyết định tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát;
- (vii) Quyết định bổ sung và sửa đổi Điều Lệ;
- (viii) Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- (ix) Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công Ty;
- (x) Quyết định tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công Ty và chỉ định người thanh lý;
- (xi) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát gây tổn thất và thiệt hại cho Công Ty và các cổ đông của Công Ty;
- (xii) Quyết định đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản Công Ty, hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- (xiii) Quyết định việc Công Ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
- (xiv) Quyết định việc Tổng Giám Đốc đồng thời làm Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị;
- (xv) Quyết định việc Công Ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh Nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- (xvi) Quyết định việc Công Ty phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền; và
- (xvii) Quyết định các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ và các quy chế khác của Công Ty.

3.2 Hội Đồng Quản Trị

Hội Đồng Quản Trị gồm ba (3) đến mười một (11) thành viên do ĐHCĐ bầu. Hội Đồng Quản Trị chịu trách nhiệm điều hành và quản lý chung đối với Công Ty và giám sát Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý khác. Hội Đồng Quản Trị có thể có thành viên độc lập theo quy định của pháp luật. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể không mang quốc tịch Việt Nam và/hoặc không cư trú tại Việt Nam. Hội Đồng Quản Trị họp khi có yêu cầu, nhưng ít nhất mỗi quý một lần, để xem xét và giám sát tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công Ty.

Hội Đồng Quản Trị hiện tại bao gồm bốn (4) thành viên. Nhiệm kỳ của mỗi thành viên không quá năm năm, và có thể được bầu lại khi hết nhiệm kỳ với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội

Đồng Quản Trị có thể bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội Đồng Quản Trị bao gồm:

- (i) Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- (ii) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHCĐ thông qua;
- (iii) Bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm Tổng Giám Đốc; bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý khác theo đề nghị của Tổng Giám Đốc; quyết định mức lương và các lợi ích khác của Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý khác;
- (iv) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công Ty;
- (v) Giải quyết các khiếu nại của Công Ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công Ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;
- (vi) Đề xuất việc phát hành cổ phần mới, các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- (vii) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền để trình ĐHCĐ thông qua;
- (viii) Quyết định việc phát hành các loại trái phiếu khác và các hình thức khác để huy động vốn;
- (ix) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán khác;
- (x) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- (xi) Đề xuất việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công Ty;
- (xii) Bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm người đại diện theo ủy quyền của Công Ty để thực hiện quyền sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần của Công Ty trong các công ty khác, quyết định thù lao và các lợi ích khác của những người đại diện đó; chỉ định ứng cử viên cho các chức danh quản lý trong các công ty nêu trên; bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm các chức danh quản lý trong các công ty mà Công Ty nắm giữ 100% vốn điều lệ; và
- (xiii) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.

3.3 Ban Kiểm Soát

Ban Kiểm Soát chịu trách nhiệm giám sát hoạt động tài chính của Công Ty, tính hợp pháp trong hoạt động của thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Giám Đốc và những người giữ các chức danh quản lý, và quản lý mối liên hệ giữa Ban Kiểm Soát, Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám Đốc và các cổ đông.

Ban Kiểm Soát sẽ báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên và, trong phạm vi nhất định, UBCKNN hoặc các cơ quan nhà nước khác tại Việt Nam khi Ban Kiểm Soát phát hiện bất kỳ hành vi nào do thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, thành viên Ban Giám Đốc, hoặc những người giữ chức danh quản lý khác thực hiện mà có thể vi phạm pháp luật Việt Nam hoặc các quy định của Điều Lệ.

3.4 Ban Giám Đốc

Ban Giám Đốc chịu trách nhiệm đối với hoạt động kinh doanh và quản lý hàng ngày của Công Ty, thực hiện các chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ và Hội Đồng Quản Trị phê duyệt. Thành viên Ban Giám Đốc được Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm.

Người đứng đầu Ban Giám Đốc hiện tại là Tổng Giám Đốc. Tổng Giám Đốc có quyền hạn và nhiệm vụ như sau:

- (i) Thực hiện các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị và ĐHĐCĐ, và kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công Ty đã được Hội Đồng Quản Trị và/hoặc ĐHĐCĐ thông qua;
- (ii) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, bao gồm việc thay mặt Công Ty ký kết các hợp đồng mà Công Ty là một bên tham gia, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công Ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- (iii) Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công Ty cần tuyển dụng để Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm các cán bộ quản lý đó; tư vấn để Hội Đồng Quản Trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích khác và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- (iv) Tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của người lao động;
- (v) Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm hoặc một ngày khác được Hội Đồng Quản Trị quyết định, Tổng Giám Đốc phải trình Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm;
- (vi) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công Ty; và
- (vii) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều Lệ và các quy chế của Công Ty, các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị và quy định của pháp luật.

4. Danh sách các cổ đông lớn, các cổ đông sáng lập và cơ cấu cổ đông

4.1 Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông của Công Ty tại ngày 6 tháng 8 năm 2015 như sau:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số Cổ Phần	Giá trị (tính theo mệnh giá) (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	1.162	543.079.557	5.430.795.570.000	75,49%
	Tổ chức	5	524.911.270	5.249.112.700.000	72,96%
	Cá nhân	1.157	18.168.287	181.682.870.000	2,53%
II	Cổ đông nước ngoài	56	176.367.771	1.763.677.710.000	24,51%
	Tổ chức	2	163.249.200	1.632.492.000.000	22,69%
	Cá nhân	54	13.118.571	131.185.710.000	1,82%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
	Tổng	1.218	719.447.328	7.194.473.280.000	100,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công Ty

4.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn điều lệ của Công Ty

Danh sách các cổ đông nắm giữ từ ít nhất 5% Vốn Điều Lệ của Công Ty tại ngày 6 tháng 8 năm 2015 như sau:

Tên	Đăng Ký Kinh Doanh số	Địa chỉ	Số Cổ Phần	% Vốn Điều Lệ
Masan Tầm Nhìn	0309966871	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	523.355.270	72,74%
MRC Ltd.	WK-248413	Walkers Corporate Services Limited, Walker House, 87 Mary Street, George Town, Grand Cayman KY1-9005 Cayman Islands	144.166.284	20,04%
Tổng cộng:			667.521.554	92,78%

5. Danh sách các công ty mẹ và các công ty con của Công Ty, các công ty dưới sự kiểm soát của hoặc kiểm soát Công Ty**5.1 Công ty mẹ và các công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần kiểm soát trong Công Ty****5.1.1. Công Ty Mẹ**

Tên công ty	:	Công Ty Cổ Phần Tầm Nhìn Masan
Địa chỉ	:	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	:	+84 8 6256 3862
Fax	:	+84 8 3827 4115
Giấy CNĐKKD	:	Số 0309966871 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2010, cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 18 tháng 9 năm 2013
Vốn điều lệ đăng ký	:	2.873.314.880.000 VNĐ
Vốn điều lệ thực góp	:	2.873.314.880.000 VNĐ
Tỷ lệ góp vốn trong Công Ty	:	523.355.270 Cổ Phần, chiếm 72,74% Vốn Điều Lệ
Ngành nghề kinh doanh chính	:	<ul style="list-style-type: none">- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;- Hoạt động tư vấn quản lý (chi tiết: dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính, kế toán); và- Các dịch vụ hỗ trợ tài chính, chưa được phân vào đâu (chi tiết: hoạt động tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính, kế toán).

5.1.2. Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần kiểm soát trong Công Ty

Không có.

5.2 Danh sách các công ty con và các công ty trong đó Công Ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần kiểm soát**5.2.1. Công Ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên (MRTN)*****Thông tin chung***

Tên công ty	: Công Ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên
Địa chỉ	: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	: +84 8 6256 3862
Fax	: +84 8 3827 4115
Giấy CNĐKKD	: Số 0309960069 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 7 tháng 5 năm 2010, cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 12 tháng 7 năm 2013
Vốn điều lệ đăng ký	: 5.140.335.573.000 VNĐ
Vốn điều lệ thực góp	: 5.140.335.573.000 VNĐ
Tỷ lệ góp vốn của Công Ty	: 100% vốn điều lệ
Ngành nghề kinh doanh chính	: - Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (chi tiết: nghiên cứu thị trường); và - Tư vấn quản lý (chi tiết: dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính, kế toán).

5.2.2. Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Đầu Tư Thái Nguyên (TNTI)

Thông tin chung

Tên công ty	: Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Đầu Tư Thái Nguyên
Địa chỉ	: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	: +84 8 6256 3862
Fax	: +84 8 3827 4115
Giấy CNĐKKD	: Số 0310352925 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2010, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 17 tháng 4 năm 2014
Vốn điều lệ đăng ký	: 1.624.861.500.000 VNĐ

- Vốn điều lệ thực góp : 1.624.861.500.000 VNĐ
- Tỷ lệ góp vốn của Công Ty : 100% vốn điều lệ
- Ngành nghề kinh doanh chính : - Tư vấn quản lý (chi tiết: dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Quảng cáo;
 - Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (chi tiết: nghiên cứu thị trường);
 - Khai thác các khoáng sản hiếm (không hoạt động tại trụ sở chính);
 - Khai thác kim loại màu (không hoạt động tại trụ sở chính);
 - Xúc tiến thương mại; và
 - Các hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính, chưa được phân vào đầu (chi tiết: hoạt động tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).

TNTI được thành lập vào tháng 10 năm 2010 dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên để thực hiện hoạt động tư vấn (ngoại trừ tư vấn tài chính, kế toán), quảng cáo, nghiên cứu thị trường và xúc tiến thương mại. Nằm trong nhóm các công ty được thành lập để phát triển Dự Án Núi Pháo bao gồm MRTN, Công Ty Núi Pháo và TNTI, TNTI đóng vai trò là đơn vị quản lý tài chính và tư vấn đầu tư trong khi Công Ty Núi Pháo đóng vai trò là đơn vị sở hữu và vận hành Dự Án Núi Pháo.

5.2.3. Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo (Công Ty Núi Pháo)

Thông tin chung

- Tên công ty : Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo
- Địa chỉ : Xóm 2, Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
- Điện thoại : +84 4 37182490
- Fax : +84 4 37182491
- Giấy CNĐKKD : Số 4600864513 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 5 tháng 7 năm 2010, cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 24 tháng 10 năm 2014
- Vốn điều lệ đăng ký : 4.789.010.000.000 VNĐ

Vốn điều lệ thực góp : 4.789.010.000.000 VND

Tỷ lệ góp vốn của Công Ty : 100% vốn điều lệ

- Ngành nghề kinh doanh chính :
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm (khai thác, chế biến vàng, đồng, vonfram, florit và bismut);
 - Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
 - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (hoạt động thăm dò địa chất và nguồn nước (thăm dò khoáng sản));
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
 - Sản xuất kim loại màu và quặng kim loại;
 - Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kinh doanh mua, bán vàng miếng);
 - Hoạt động tư vấn quản lý;
 - Các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác;
 - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công Ty kinh doanh, v.v...

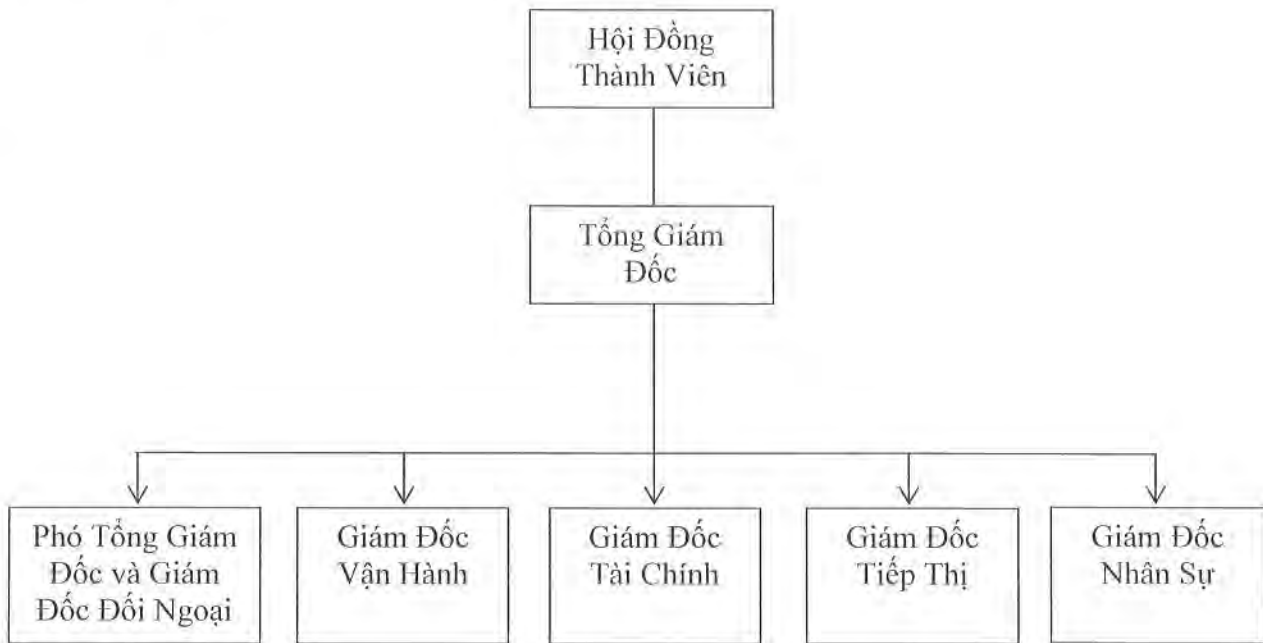
Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo (“**Công Ty Núi Pháo**”) trực tiếp vận hành Dự Án Núi Pháo để khai thác và chế biến khoáng sản tại Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên. Các sự kiện quan trọng trong quá trình hoạt động của Công Ty Núi Pháo và Dự Án Núi Pháo được trình bày dưới đây:

- | | |
|--------------|---|
| Tháng 2/2004 | Công Ty Liên Doanh Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo (“ Nuiphaovica ”), một công ty thành lập bởi các nhà đầu tư trước đây của Công Ty Núi Pháo, được thành lập theo Giấy Phép Đầu Tư số 2377/GP do Bộ Kế Hoạch Và Đầu Tư cấp để thực hiện dự án. |
| Tháng 2/2005 | Bộ TNMT phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự Án Núi Pháo. |
| Tháng 3/2008 | Bộ TNMT phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung của Dự Án Núi Pháo. |
| Tháng 4/2010 | Tập Đoàn Masan ký các thỏa thuận chính thức với các quỹ đầu tư do Dragon Capital sở hữu và quản lý để mua lại quyền kiểm soát trong Nuiphaovica. |
| Tháng 7/2010 | Công Ty Núi Pháo được thành lập nhằm mục đích sở hữu và vận hành Dự Án Núi Pháo. |

- Công Ty Núi Pháo được Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy Chứng Nhận Đầu Tư số 17121000026 ngày 21 tháng 7 năm 2010 để thực hiện Dự Án Núi Pháo, theo đó Công Ty Núi Pháo sẽ kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Nuiphaovica như được quy định trong Giấy Phép Đầu Tư số 2377/GP do Bộ Kế Hoạch Và Đầu Tư cấp.
- Tháng 9/2010 Công Ty Núi Pháo được Bộ TNMT cấp Giấy Phép Khai Thác Khoáng Sản số 1710/GP-BTNMT ngày 21 tháng 9 năm 2010.
- Tập Đoàn Masan hoàn thành giao dịch mua lại quyền kiểm soát trong Công Ty Núi Pháo từ các nhà đầu tư trước đây.
- Tháng 12/2011 Hội Đồng Đánh Giá Trữ Lượng Khoáng Sản Quốc Gia công nhận kết quả chuyển đổi cấp trữ lượng và cấp tài nguyên của Dự Án Núi Pháo.
- Tháng 2/2012 Công Ty Núi Pháo nhận được chấp thuận chính thức của BCT đối với thiết kế cơ bản mỏ của Dự Án Núi Pháo.
- Tháng 7/2013 Công Ty Núi Pháo và H.C. Starck, nhà sản xuất kim loại công nghệ cao hàng đầu thế giới, đã ký kết hợp đồng liên doanh để thành lập một công ty tinh luyện các sản phẩm vonfram giá trị gia tăng tại Việt Nam.
- Tháng 1/2014 Liên doanh giữa Công Ty Núi Pháo và H.C. Starck nhận được giấy chứng nhận đầu tư cho nhà máy của liên doanh để sản xuất APT, BTO và YTO.
- Tháng 3/2014 Dự Án Núi Pháo bắt đầu sản xuất thương mại vonfram và đồng.
- Tháng 6/2014 Dự Án Núi Pháo bắt đầu sản xuất thương mại florit.
- Tháng 9/2014 Dự Án Núi Pháo bắt đầu sản xuất thương mại bismut.

Vui lòng xem các phần có tiêu đề “*Giấy Chứng Nhận Đầu Tư*” và “*Giấy Phép Khai Thác Khoáng Sản*” để biết thêm thông tin chi tiết về giấy chứng nhận đầu tư và giấy phép khai thác khoáng sản.

Cơ cấu quản lý



Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Thành Viên, Chủ Tịch và Tổng Giám Đốc được quy định trong điều lệ của Công Ty Núi Pháo. Theo Điều Lệ, Hội Đồng Thành Viên là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty Núi Pháo và gồm tối đa 4 thành viên, trong đó tối đa 3 thành viên được MRTN bổ nhiệm và 1 thành viên được TNTI bổ nhiệm.

Hội Đồng Thành Viên

Hội Đồng Thành Viên chịu trách nhiệm quản lý hoạt động kinh doanh và bổ nhiệm nhân sự quản lý chủ chốt của Công Ty Núi Pháo. Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên do MRTN đề cử và được Hội Đồng Thành Viên bầu chọn. Nhiệm kỳ của Chủ Tịch là 5 năm, và có thể được bầu với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Bảng dưới đây thể hiện thông tin về Hội Đồng Thành Viên của Công Ty Núi Pháo:

Tên	Tuổi	Giấy tờ chứng minh nhân thân	Chức vụ
TS. Nguyễn Đăng Quang	52	022948090	Chủ Tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Thắng	58	090470619	Phó Chủ Tịch HĐQT
Ông Nguyễn Thiệu Nam	45	025222887	Thành Viên HĐQT
Ông Chetan Prakash Baxi	44	510734058	Thành Viên HĐQT

Kinh nghiệm và chuyên môn của các thành viên Hội Đồng Thành Viên

Các thông tin chi tiết khác về hoạt động kinh doanh và kinh nghiệm làm việc của các thành viên Hội Đồng Thành Viên được trình bày dưới đây:

TS. **Nguyễn Đăng Quang** nắm giữ vị trí Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên Công Ty Núi Pháo từ năm 2010.

Ông **Nguyễn Văn Thắng** là Phó Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên Công Ty Núi Pháo từ năm 2010. Ông Nguyễn Văn Thắng có bằng Cử nhân trường Đại Học Tài Chính Kế Toán, Việt Nam.

Ông **Nguyễn Thiệu Nam** là thành viên của Hội Đồng Thành Viên Công Ty Núi Pháo từ năm 2010.

Ông **Chetan Prakash Baxi** là thành viên của Hội Đồng Thành Viên Công Ty Núi Pháo từ năm 2014.

Tổng Giám Đốc Và Đội Ngũ Quản Lý

Tổng Giám Đốc của Công Ty Núi Pháo được chỉ định và bổ nhiệm bởi Hội Đồng Thành Viên và có trách nhiệm quản lý hàng ngày và thực hiện các quyết định do Hội Đồng Thành Viên ban hành. Tổng giám đốc có nhiệm kỳ không quá 3 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Bảng dưới đây thể hiện thông tin về các thành viên chủ chốt trong đội ngũ quản lý của Công Ty Núi Pháo:

Tên	Tuổi	Giấy tờ chứng minh nhân thân	Chức vụ
Ông Craig Bradshaw	44	E3080524	Tổng Giám Đốc và Giám Đốc Vận Hành
Ông Vũ Hồng	60	023509619	Phó Tổng Giám Đốc và Giám Đốc Đối Ngoại
Ông Wayne Frank Apted	47	E4080302	Giám Đốc Tài Chính
Bà Nguyễn Thị Hải Yên	43	011794969	Kế Toán Trưởng
Ông Russell Griffin	48	E3017319	Giám Đốc Tiếp Thị
Ông Eddie Arsyad	60	A8228397	Giám Đốc Nhân Sự

Kinh nghiệm và chuyên môn của các thành viên trong đội ngũ quản lý

Các thông tin chi tiết khác về hoạt động kinh doanh và kinh nghiệm làm việc của các thành viên trong đội ngũ quản lý của Công Ty Núi Pháo được trình bày dưới đây:

Ông **Craig Bradshaw** có gần 20 năm kinh nghiệm về thương mại và hành chính trong lĩnh vực khai khoáng. Trước đây ông từng là Giám Đốc Thương Mại Cao Cấp cho Mỏ Sepon của Lane Xang Minerals Ltd. Ông tốt nghiệp Đại học Southern Queensland, Úc.

Ông **Vũ Hồng** là Phó Giám Đốc và Giám Đốc Đối Ngoại của Công Ty Núi Pháo. Ông Hồng chịu trách nhiệm cho hoạt động quan hệ đối ngoại và tái định cư cho cộng đồng của Công Ty. Ông có hơn 30 năm kinh nghiệm phát triển dự án bao gồm sáu năm làm việc tại Ngân Hàng Thế Giới, mà công việc này đã đưa ông từ Việt Nam đến CHDCND Lào, Đông Timor, Trung Quốc và Philippines. Ông tốt nghiệp Đại học Thủy Lợi Hà Nội và có bằng Thạc Sĩ Thủy Văn của Đại Học Roorkee, Ấn Độ.

Ông **Wayne Frank Apted** có hơn 20 năm kinh nghiệm về tài chính trong lĩnh vực khai khoáng. Ông đã từng là giám đốc tài chính cho Glencore Plc and Xstrata Plc tại Châu Âu, Trung Đông và Đông Nam Á. Ông là Kế Toán Viên Giám Định (Chartered Accountant) và tốt nghiệp Đại Học Curtin, Úc.

Bà **Nguyễn Thị Hải Yến** có hơn 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán. Bà tốt nghiệp Đại học Kinh Tế Quốc Dân Hà Nội và Đại Học Ngoại Thương Hà Nội, Việt Nam.

Ông **Russell Griffin** có kinh nghiệm phong phú trong việc phát triển thị trường cho các mỏ mới khai thác và được mở rộng tại Úc và Đông Nam Á. Trước đó, ông đã làm việc cho OZ Minerals Company. Ông tốt nghiệp Đại học South Australia với bằng Cử Nhân Kinh Doanh (Marketing).

Ông **Eddie Arsyad** gia nhập Công Ty Núi Pháo sau khi rời PT Media Djaya Bersama (MDB Coal, Reswara Group, ABM Holding Group) nơi ông từng là giám đốc phát triển dự án. Ông Arsyad tốt nghiệp đại học công nghệ Sydney (UTS), Úc. Ông có hơn 30 năm kinh nghiệm phong phú trong ngành công nghiệp khai khoáng và luyện kim tại Indonesia, trong đó có 6 năm là thành viên hội đồng quản trị của International Company, 10 năm là Giám Đốc/Phó Chủ Tịch Nhân Sự, 8 năm kinh nghiệm chuyên sâu về kỹ thuật trong lĩnh vực cơ khí, quản trị vốn và hợp đồng, 5 năm kinh nghiệm chuyên sâu về giao tiếp trong lĩnh vực Quan Hệ Với Cơ Quan Nhà Nước, Truyền Thông, Công Chúng và Cộng Đồng. 7 năm trước đó, ông làm việc trong lĩnh vực công trình công cộng của nhà nước và tư vấn.

5.2.4. Núi Pháo – H.C. Starck

Thông tin chung

Tên công ty	: Công Ty TNHH Tinh Luyện Vonfram Núi Pháo – H.C. Starck
Địa chỉ	: Xóm 2, Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Điện thoại	: +84 4 37182490
Fax	: +84 4 37182491
Giấy chứng nhận đầu tư	: Số 171022000001 do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 15 tháng 1 năm 2014, cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 18 tháng 6 năm 2015
Vốn điều lệ đăng ký	: 789.060.360.000 VND

Vốn điều lệ thực góp : 789.060.360.000 VNĐ

Tỷ lệ góp vốn của Công Ty : 51% vốn điều lệ

Ngành nghề kinh doanh : - Sản xuất kim loại màu và kim loại quý hiếm (chế biến chính Vonfram để xuất khẩu hoặc bán trong nước).

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Sản phẩm, giá trị sản xuất/dịch vụ trong suốt những năm qua

6.1.1 Các sản phẩm của Masan Tài Nguyên

Vonfram, florit, đồng và bismut tại mỏ Núi Pháo là các kim loại chiến lược có ý nghĩa quan trọng đối với nhiều ngành công nghiệp trên thế giới hiện nay.

Vonfram

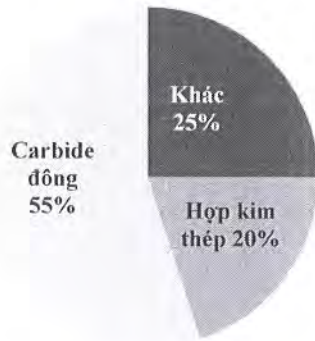
Vonfram là một kim loại rất cứng có điểm nóng chảy cao nhất trong tất cả các kim loại và nặng gần như bằng vàng. Vonfram cứng hơn gấp ba lần crom, cobalt và titanium và cứng hơn gấp năm lần nickel, sắt và platinum. Vonfram kết hợp tốt với các kim loại khác để tạo và vonfram có nhiệt độ nóng chảy cao nhất trong tất cả các kim loại và có khả năng chống mài mòn cao.

Vonfram được sử dụng chủ yếu trong sản xuất các hợp kim các-bua cứng hoặc các kim loại cứng, được dùng làm vật liệu chống mài mòn sử dụng trong các ngành công nghiệp gia công kim loại, khai thác mỏ, dầu khí và xây dựng. Vonfram là kim loại hầu như không thể thay thế trong một loạt các ứng dụng công nghiệp như sản xuất máy công cụ hiệu suất cao và các hợp kim thép, được sử dụng trong các ngành công nghiệp như ô tô, năng lượng, xây dựng, hàng không vũ trụ... Ngành thép là ngành tiêu thụ chính vonfram để sản xuất hợp kim thép không gỉ và siêu hợp kim. Vonfram cũng được sử dụng trong các ứng dụng quân sự, hàng không và sản xuất điện khác nhau.

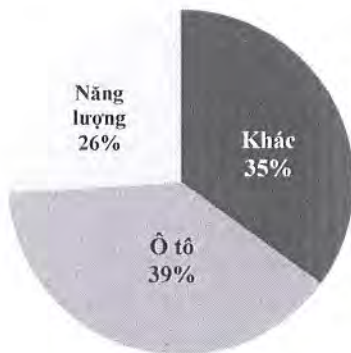
Vonfram là một kim loại chiến lược không thể thay thế

Tổng quan

Các sản phẩm vonfram



Các ngành công nghiệp sử dụng vonfram

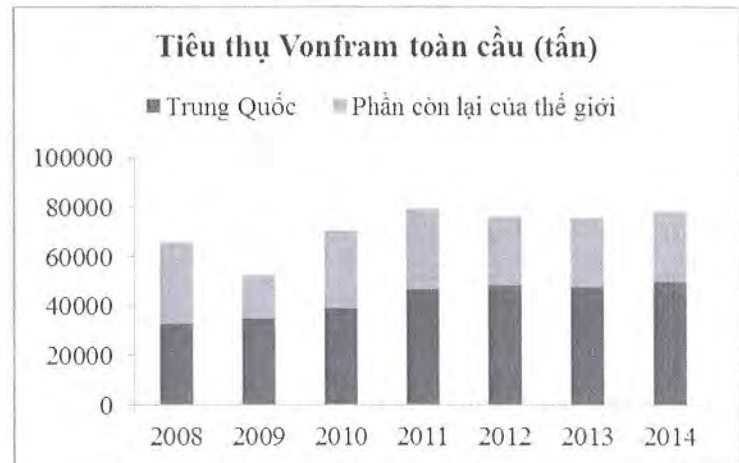


Nguồn: Hiệp Hội Công Nghiệp Vonfram Quốc Tế (ITIA); nghiên cứu nội bộ

Nhu cầu

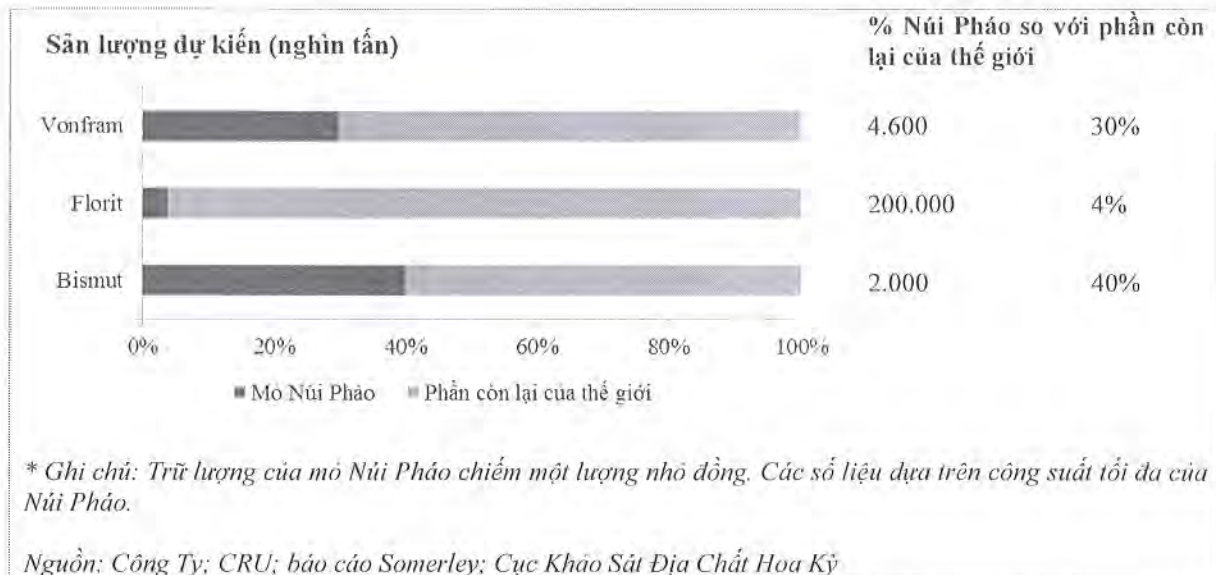
- Trung Quốc tiêu thụ khoảng 60% vonfram chính, tăng trưởng với tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) ở mức hơn 10% trong 10 năm qua. Tăng trưởng do đô thị hóa, công nghiệp hóa, và thúc đẩy ngành công nghiệp vonfram phát triển theo.

Tiêu thụ Vonfram toàn cầu (tấn)



- Nhu cầu vonfram toàn cầu dự kiến tăng nhanh trong năm năm tiếp theo do gia tăng nhu cầu từ các quốc gia đang phát triển.

Masan Tài Nguyên hiện nay là một trong các nhà sản xuất vonfram lớn nhất bên ngoài Trung Quốc, và là nhà sản xuất florit và bismut hàng đầu.



Florit (CaF₂)

Florit được sử dụng chính trong sản xuất axit flohydric và sản xuất nhôm thép. Florit được sản xuất thành 2 loại:

- Acidspar, chứa ít nhất 97% CaF₂. Chất này được dùng để sản xuất axit flohydric (HF), được sử dụng trong sản xuất nhôm và chất bán dẫn. HF cũng là một nguyên liệu để làm chất ga chuyên dụng cho máy điều hòa và tủ lạnh. Hiện tại mỏ Núi Pháo đang sản xuất acidspar; và
- Metspar, chứa ít nhất 60% CaF₂ và được sử dụng chủ yếu trong sản xuất thép để nâng cao chất lượng.

Tổng sản lượng florit của thế giới năm 2011 được ước tính là 7,5 triệu tấn, trong đó Trung Quốc sản xuất hơn 50%.

Bismut (Bi)

Bismut là nguyên tố không phát xạ tự nhiên nặng nhất. Đây là một kim loại quý trên trái đất với khối lượng tương tự như bạc, và hầu như không bao giờ xuất hiện ở dạng tinh khiết. Bismut có trong nhiều ứng dụng công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng. Gần đây, bismut đang được sử dụng để dần thay thế chì trong nhiều ứng dụng.

Trung Quốc là nước sản xuất bismut lớn nhất với hơn một nửa sản lượng là sản phẩm phụ của quá trình sản xuất vonfram. Trong tương lai, nhu cầu bismut được dự đoán là sẽ tăng. Theo Báo Cáo Thị Trường Vonfram, Florit, Bismut và Đồng được Somerley Limited lập, nhu cầu bismut của thế giới được ước tính tăng 4-5% một năm.

Đồng (Cu)

Đồng là kim loại quan trọng trong các ngành công nghiệp đang phát triển trên thế giới. Dây cáp và dây điện chiếm khoảng 75% nhu cầu đồng trên thế giới. Đồng cũng rất quan trọng trong các ứng dụng không dùng điện như hàn, tấm lợp, và khi kết hợp với kẽm, dùng để sản xuất đồng thau cho các ứng dụng công nghiệp và tiêu dùng. Hoạt động xây dựng chiếm 40% nhu cầu đồng trên thế giới.

Nhu cầu đối với đồng được ước tính sẽ tiếp tục tăng, do tăng trưởng kinh tế toàn cầu, đặc biệt là ở các nước đang phát triển.

6.1.2 Giá trị sản xuất

Vonfram

Bảng dưới đây thể hiện khối lượng vonfram được khai thác, chế biến và sản lượng của mỏ Núi Pháo cho các giai đoạn được thể hiện:

Chỉ tiêu	Năm 2014*	Sáu tháng đầu năm 2015
Quặng được khai thác (tấn)	2.531.124	1.839.016
Quặng được chế biến (tấn)	2.615.370	1.610.737
Sản lượng (tấn)	3.510	2.450

Nguồn: Công Ty.

Florit

Bảng dưới đây thể hiện khối lượng florit được khai thác, chế biến và sản lượng của mỏ Núi Pháo cho các giai đoạn được thể hiện:

Chỉ tiêu	Năm 2014*	Sáu tháng đầu năm 2015
Quặng được khai thác (tấn)	2.531.124	1.839.016
Quặng được chế biến (tấn)	2.615.370	1.610.737
Sản lượng (tấn)	84.563	86.989

Nguồn: Công Ty.

Đồng

Bảng dưới đây thể hiện khối lượng đồng được khai thác, chế biến và sản lượng của mỏ Núi Pháo cho các giai đoạn được thể hiện:

Chỉ tiêu	Năm 2014*	Sáu tháng đầu năm 2015
Quặng được khai thác (tấn)	2.531.124	1.839.016
Quặng được chế biến (tấn)	2.615.370	1.610.737
Sản lượng (tấn)	4.209	2.904

Nguồn: Công Ty.

Bismut

Bảng dưới đây thể hiện khối lượng bismut được khai thác, chế biến và sản lượng của mỏ Núi Pháo trong các giai đoạn được thể hiện:

Chỉ tiêu	Năm 2014*	Sáu tháng đầu năm 2015
Quặng được khai thác (tấn)	2.531.124	1.839.016
Quặng được chế biến (tấn)	2.615.370	1.610.737
Sản lượng (tấn)	637	753

Nguồn: Công Ty.

* Ghi chú: Sản xuất thương mại được bắt đầu vào ngày 1 tháng 3 năm 2014.

6.2 Chi tiết doanh thu theo sản phẩm

Bảng dưới đây thể hiện chi tiết doanh thu hợp nhất của Masan Tài Nguyên theo mỗi loại sản phẩm trong các giai đoạn được thể hiện:

Sản phẩm	Năm 2014*		Sáu tháng đầu năm 2015	
	Giá trị doanh thu (triệu VNĐ)	% Doanh thu	Giá trị doanh thu (triệu VNĐ)	% Doanh thu
Vonfram	2.065.693	70%	514.911	41,31%
Florit	447.303	15%	397.906	31,92%
Đồng	343.340	12%	331.760	26,61%
Bismut	89.893	3%	1.398	0,11%
Sản phẩm khác	-	-	656	0,05%
Tổng cộng	2.946.229	100%	1.246.631	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC sáu tháng đầu năm 2015 của Công Ty.

* Ghi chú: Sản xuất thương mại được bắt đầu vào ngày 1 tháng 3 năm 2014, do đó năm 2013 Công Ty chưa có doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

6.3 Nguyên liệu

6.3.1 Nguồn nguyên liệu thô

Nguyên liệu thô cần thiết cho hoạt động sản xuất của Masan Tài Nguyên bao gồm nguyên liệu thô cơ bản và hóa chất chuyên dùng trong hoạt động chế biến của Masan Tài Nguyên. Thông thường, Masan Tài Nguyên lấy nguồn nguyên liệu thô cơ bản từ các nhà cung cấp trong nước và hóa chất chuyên dùng từ các nhà cung cấp quốc tế.

Bảng dưới đây thể hiện thông tin về nguyên liệu thô và các nhà cung cấp chính của Masan Tài Nguyên, bao gồm cả khối lượng các nguyên liệu sử dụng cũng như nguồn của các nguyên liệu đó, trong năm 2014:

Nguyên liệu thô	Khối lượng (tấn/năm)	Nhà cung cấp trong nước	Nhà cung cấp quốc tế
Sodium Carbonate	3.501	100%	-%
Đá vôi	3.130	100%	-%
Than đá	2.829	100%	-%
Sodium Hydroxide	1.496	-%	100%
Bi nghiền quặng	1.064	96%	4%
PAX	911	2%	98%
Phụ gia	687	-%	100%
Sodium Sulphite	670	-%	100%
Copper Sulphate	209	100%	-%
Chất tập hợp	190	100%	-%
Sodium Cyanide	189	100%	-%
Chất tạo váng/bọt	130	-%	100%
Sodium Silicate	128	-%	100%
Sodium Chloride	107	100%	-%
Chất tăng xúc tác	90	-%	100%
Hydrogen Peroxide	36	-%	100%
Chất làm đông	28	-%	100%

6.3.2 Tính ổn định của các nguồn cung cấp

Nguyên liệu thô lấy từ các nhà cung cấp trong nước (như natri cacbonat, đá vôi và than đá) nhìn chung là những nguyên liệu thô cơ bản có sẵn các nhà cung cấp và thương nhân khác để thay thế nguồn cung cấp. Masan Tài Nguyên tin rằng điều này làm giảm các rủi ro trong chuỗi cung ứng trong trường hợp có bất kỳ gián đoạn nào trong việc cung cấp hoặc bất kỳ biến động nào về chất lượng các nguyên liệu thô. Nguyên liệu thô lấy từ các nhà cung cấp quốc tế (như sodium hydroxide) nhìn chung là những hóa chất chuyên dùng được sản xuất bởi các nhà sản xuất công nghiệp danh tiếng trên thị trường quốc tế.

Masan Tài Nguyên đã ký kết các hợp đồng dài hạn, thông thường với thời hạn từ hai đến ba năm, với cả nhà cung cấp trong nước và quốc tế để đảm bảo nguồn cung nguyên liệu thô dự kiến phù hợp với tiến độ giao hàng như đã thỏa thuận. Để giảm thiểu rủi ro về nguồn cung nguyên liệu thô, Masan Tài Nguyên thường xuyên xem xét các nhà cung cấp thay thế tiềm năng khác mà có thể đáp ứng các yêu cầu về chất lượng và giao nhận cần thiết cho hoạt động kinh doanh của Masan Tài Nguyên.

Nguyên liệu dự trữ được duy trì để đảm bảo đủ để phục vụ hoạt động sản xuất, có tính đến thời gian hoàn thành việc sản xuất, giao hàng, thanh toán, thông quan nội địa bao gồm cả các thủ tục hải quan và vận chuyển đến khu vực dự án. Đối với các nhà cung cấp địa phương, Masan Tài Nguyên chú trọng duy trì mức dự trữ nguyên liệu hợp lý trong nước để sẵn sàng cung cấp. Ngoài ra, Masan Tài Nguyên cũng duy trì danh sách các nhà cung cấp thay thế được chấp thuận để giảm thiểu rủi ro về nguồn cung này.

6.3.3 Ảnh hưởng của giá nguyên liệu đối với doanh thu và lợi nhuận

Trong giai đoạn mười tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, chi phí nguyên liệu thô chiếm khoảng 45% chi phí bán hàng của Masan Tài Nguyên. Để giảm ảnh hưởng của biến động giá nguyên liệu thô đối với kết quả hoạt động kinh doanh của mình, Masan Tài Nguyên đã ký kết các hợp đồng dài hạn, nhìn chung có thời hạn từ hai đến ba năm, với giá cố định. Trước khi các hợp đồng này hết hạn, Masan Tài Nguyên tiến hành quy trình đấu thầu để có được giá tốt nhất trên thị trường và hoàn thiện các hợp đồng mới trên cơ sở đó. Đối với bất kỳ nguyên liệu nào không có hợp đồng dài hạn, đấu thầu cạnh tranh sẽ được thực hiện và dựa trên chi phí, chất lượng và thời gian giao hàng, các đơn hàng giao ngay sẽ được đưa ra với giá thị trường mang hiệu quả kinh tế cao nhất có được trong trường hợp hợp đồng dài hạn không được ký kết.

6.4 Trình độ công nghệ

Sau đây là mô tả tóm tắt về thiết kế của nhà máy chế biến hiện nay của Masan Tài Nguyên. Nhà máy được thiết kế để chế biến 3,5 triệu tấn quặng một năm và sản xuất tinh quặng đồng, tinh quặng vonfram trọng lực, tinh quặng florit cấp axit, và bismut tinh luyện. Nhà máy bao gồm các giai đoạn vận hành sau:

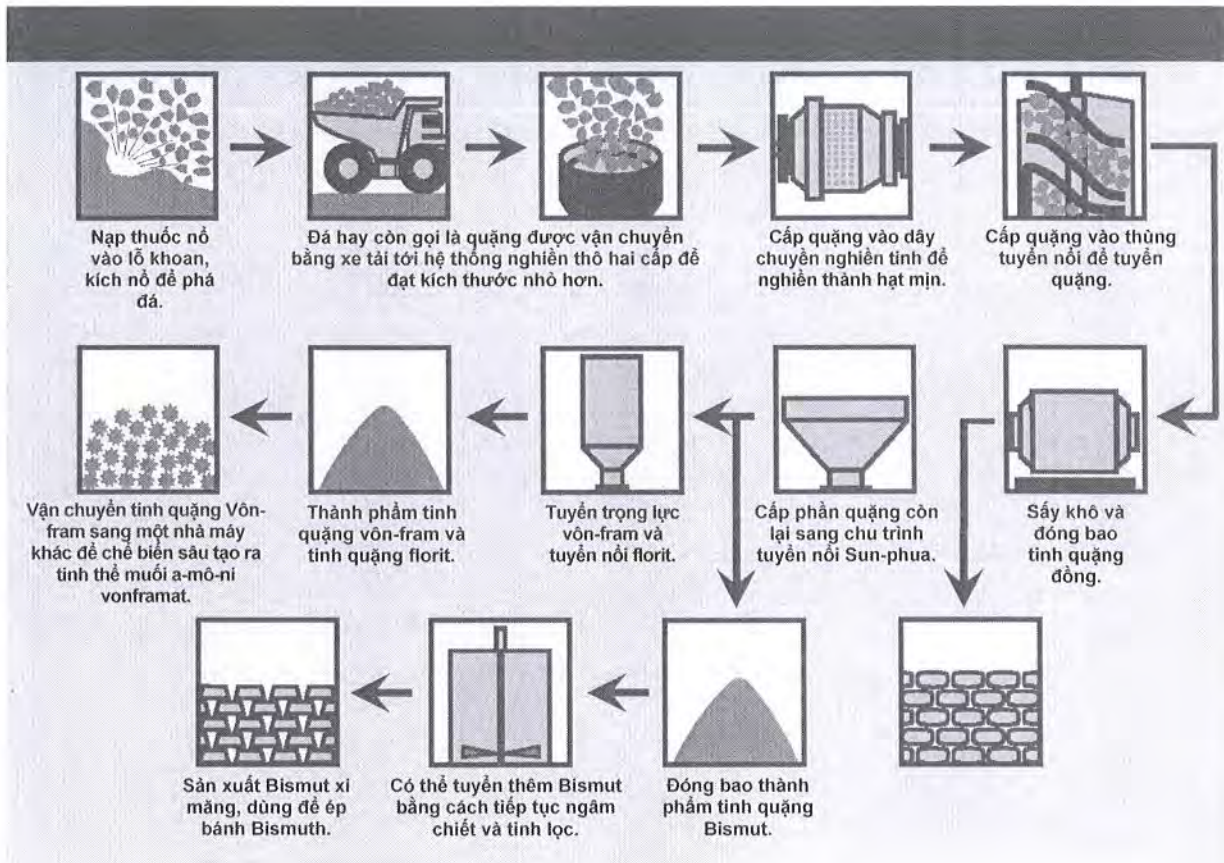
- Nhà máy nghiền thô hai giai đoạn – nhà máy nghiền thô biến quặng mỏ thành quặng nhỏ thông qua một quá trình nghiền nhiều giai đoạn;
- Kho dự trữ và thu hồi quặng nhỏ – Quặng mịn từ nhà máy nghiền thô được đưa vào một kho dự trữ hình nón mở. Quặng nhỏ được thu hồi từ kho dự trữ thông qua băng chuyền, đưa vào băng tải nghiền và chuyển quặng đến quy trình nghiền tinh;
- Quy trình nghiền tinh bằng thanh nghiền hai giai đoạn – Nhà máy nghiền tinh được thiết kế để xử lý 444 tấn/giờ từ quặng khô thành sản phẩm được nghiền mịn;
- Quy trình tuyển nổi đồng, khử nước cho tinh quặng và đóng gói – Quy trình tuyển nổi đồng được thiết kế để tách đồng sunfua từ sản phẩm được nghiền mịn. Tinh quặng đồng cuối cùng sau khi tuyển nổi được bơm vào một bể lắng có tốc độ đồng tụ nhanh tại khu vực đầu ra của tinh quặng. Tinh quặng cô đặc được tách nước bằng cách sử dụng một bộ đại lọc chân không. Bánh lọc được đóng gói vào bao lớn loại 2 tấn tại trạm băng chuyền và đóng gói;

- Quy trình tuyển nổi sunfua số lượng lớn – Quy trình tuyển nổi sunfua số lượng lớn (BSF) được thiết kế để tách khoáng chất sunfua, có chứa bismut và sắt, từ oxit vonfram và khoáng chất florit;
- Quy trình thu hồi, làm giàu tinh quặng, sấy và đóng gói vonfram trọng lực – quy trình trọng lực được thiết kế để thu hồi các khoáng chất vonfram, Silit chủ yếu, từ chất thải BSF. Sau quy trình làm giàu tinh quặng, tinh quặng vonfram được tách nước được đưa vào máy sấy chạy bằng dầu diesel để loại bỏ hơi ẩm còn lại. Sau khi làm mát, thành phẩm tinh quặng vonfram được đóng gói vào bao lớn loại 1 tấn tại trạm đóng gói;
- Quy trình tuyển nổi bismut, lọc và luyện bismut, và đóng gói bismut – quy trình tuyển nổi bismut được thiết kế để tách các khoáng chất giàu bismut từ tinh quặng BSF và đuôi quặng đồng được làm sạch. Tinh quặng bismut cuối cùng sau khi tuyển nổi được bơm vào một bể lắng có tốc độ đồng tụ nhanh tại khu vực xử lý tinh quặng. Tinh quặng cô đặc được tách nước bằng cách sử dụng một bộ đai lọc chân không. Bánh lọc sau đó được chuyển bằng băng chuyền xoắn ốc đa chiều đến giai đoạn lọc hoặc đóng gói vào bao lớn loại 2 tấn để bán dưới dạng tinh quặng bismut hoặc được dự trữ để sau đó làm sạch lại và chuyển đến giai đoạn lọc. Tinh quặng bismut tuyển nổi được lọc bằng phương pháp sử dụng muối (NaCl) và axit sulphuric (H₂SO₄) trong quy trình lọc hai giai đoạn. Chất thải từ quy trình luyện bismut có chứa H₂SO₄ và NaCl còn lại được tái sử dụng để lọc bismut. Quy trình luyện bismut được tiến hành trên cơ sở hàng loạt trong một lò phản ứng dao động đơn. Sản phẩm bismut tinh luyện được lọc và rửa trong một bộ lọc áp lực nhỏ trước khi cân và đóng gói để giao hàng;
- Quy trình xử lý chất thải từ quy trình lọc bismut – xử lý chất thải từ quy trình lọc bismut được yêu cầu để trung hòa axit và kết tủa kim loại nặng chứa trong chất thải trước khi thải ra ngoài;
- Quy trình tuyển nổi florit, khử nước cho tinh quặng và lưu trữ – quy trình tuyển nổi florit được thiết kế để thu hồi tinh quặng calcium florit (CaF₂) phẩm cấp cao cuối quy trình trọng lực vonfram. Sau khi chế biến, tinh quặng cuối cùng được bơm vào một bể lắng tại khu vực đầu ra của tinh quặng. Tinh quặng florit cuối cùng được tách nước bằng quy trình lọc và lắng cặn tiêu chuẩn. Tinh quặng được thu hồi từ kho dự trữ bằng máy xúc gàu ngược và được vận chuyển đến cảng bằng đường bộ và xả lan;
- Quy trình trộn thuốc thử và lưu trữ – Có tổng cộng mười tám thuốc thử quan trọng được nhận và lưu trữ trong khu vực dự án. Các thiết bị trộn, lưu trữ và định lượng chuyên dụng được cung cấp cho mỗi thuốc thử.

Quá trình sản xuất của các sản phẩm của Masan Tài Nguyên được trình bày trong các biểu đồ dưới đây:

Biểu đồ quy trình chế biến





6.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Masan Tài Nguyên tiếp tục tìm cách trích xuất các chất khoáng có giá trị kinh tế phụ trội từ quặng, cải thiện tỷ lệ thu hồi khoáng sản hiện có và giảm chi phí sản xuất. Một số dự án quan trọng mà Masan Tài Nguyên tiến hành nhằm nâng cao hơn nữa hiệu suất nhà máy bao gồm:

- Giảm Thiểu Phát Sinh Mảnh Vỡ – tăng năng suất và tỷ lệ thu hồi; Nghiên Cứu Tối Ưu Hóa Nổ Mìn kết hợp với Chất Nổ của Orica – để giảm kích cỡ phần đầu và giảm kích cỡ phần đáy của mẫu quặng bị nổ cho sản phẩm bị nổ đồng nhất hơn, giảm tiêu hao nguyên liệu trong quy trình nghiền và cải thiện năng suất và tỷ lệ thu hồi quặng.
- Cải Tiến Công Đoạn Phân Loại Trong Quy Trình Nghiền Tinh – tăng năng suất và tỷ lệ thu hồi; lắp đặt hệ thống hút bụi trong quy trình nghiền tinh để tránh nghiền quá mức cần thiết đối với các khoáng chất oxide dễ vỡ từ đó tăng tỷ lệ thu hồi quặng chung trong toàn quy trình.
- Tiên Tinh Luyện Vonfram – tăng năng suất và tỷ lệ thu hồi; khảo sát vận hành một giai đoạn tiên tinh luyện trong quy trình trọng lực để thu thêm vonfram thô hiện đang nằm trong phần quặng đuôi trong quy trình tinh luyện một giai đoạn hiện đang được sử dụng.

- Dự Án Chất Lượng Florit – tăng chất lượng, giảm các chi phí và cải thiện tỷ lệ thu hồi; vận hành giai đoạn rửa bổ sung trong quy trình florit để giảm tạp chất bằng cách rửa và giảm các phụ gia hóa chất.
- Dự Án Tái Chế – phát triển sản phẩm mới; Tái chế chất thải quặng đuôi oxit để thu hồi lượng sắt phẩm cấp thấp và giải phóng silica để phân loại và sử dụng trong xây dựng.

6.6 Tình hình kiểm soát chất lượng sản phẩm/dịch vụ

6.6.1 Hệ thống quản lý chất lượng hiện tại

Việc sản xuất ra sản phẩm chất lượng cao và đồng nhất là một trong những ưu tiên hàng đầu của Masan Tài Nguyên. Để đảm bảo đạt được mục tiêu này, một số chương trình và chiến lược đang được thực hiện đối với toàn bộ nhà máy chế biến.

Nhà máy chế biến phục vụ hoạt động của Núi Pháo bao gồm các hệ thống đang được sử dụng rộng rãi trong ngành công nghiệp chế biến khoáng sản để thu hồi các sản phẩm đồng, bismut, vonfram và florit phẩm cấp cao.

- Để đảm bảo rằng nhà máy chế biến được tối ưu hóa, các quy trình hoạt động chi tiết từ vận hành thiết bị cho đến chuẩn bị mẫu thử đều được tuân thủ theo các chiến lược vận hành được thiết lập sẵn. Quy trình đảm bảo chất lượng này cũng được lồng ghép vào;
- Lấy mẫu thử thường xuyên trong suốt quy trình từ quặng đến thành phẩm;
- Sử dụng công nghệ Mobile XRF để giám sát việc phân tích các quy trình chế biến quan trọng trong thời gian thực tế. Điều này cho phép phát hiện sớm bất kỳ bất thường nào trong quá trình chế biến;
- Thường xuyên tiến hành phân tích toàn diện quy trình chế biến đối với toàn bộ nhà máy chế biến trên cơ sở mỗi 4 giờ trong đó việc phân tích được hoàn thành tại các phòng thí nghiệm độc lập được công nhận được Công Ty TNHH SGS Việt Nam (“SGS”) điều hành mà các phòng thí nghiệm này được đặt trong khu vực dự án của Núi Pháo;
- Trung bình khoảng ~700 mẫu thử được lấy và được kiểm tra tại phòng thí nghiệm của SGS mỗi ngày;
- Phòng kiểm soát quy trình – luôn có người điều khiển, tất cả các quy trình đều được giám sát và mọi hoạt động được ghi lại trong hệ thống kiểm soát phân phối ABB;
- Toàn bộ nhà máy chế biến được kiểm soát và giám sát từ một phòng điều khiển trung tâm sử dụng một Hệ Thống Điều Khiển Phân Tán ABB tích hợp. Phòng điều khiển luôn có người điều khiển tại mọi thời điểm để đảm bảo rằng thiết bị đang hoạt động phù hợp với các chiến lược vận hành được thiết lập sẵn;

- Các thông số thời gian thực và thay đổi quy trình được thực hiện bằng cách sử dụng Hệ Thống Điều Khiển Phân Tán được lưu trữ và dễ dàng được cung cấp để phân tích bằng cách sử dụng phần mềm thu thập dữ liệu Quản Lý Tri Thức ABB;
- Nhân sự vận hành có kinh nghiệm chuyên môn được bố trí khắp nhà máy để tăng cường giám sát quy trình và liên lạc bằng vô tuyến với phòng điều khiển trung tâm. Các nhân sự này cũng hoàn thành việc kiểm tra định kỳ và lập sổ ghi chép đối với tất cả các thiết bị và các thông số quan trọng của quá trình;
- Quản lý/giám sát có mặt trong nhà máy 24/7; và
- Sử dụng các chuyên gia của bên thứ ba để kiểm tra thường xuyên quá trình và quy trình được sử dụng bởi Masan Tài Nguyên.

6.6.2 Bộ phận kiểm soát chất lượng của Masan Tài Nguyên

Việc phân tích các mẫu thử được thực hiện bằng cách sử dụng phòng thí nghiệm tại chỗ của SGS, là một công ty cung cấp dịch vụ phân tích và chứng nhận độc lập. SGS được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO1705 và do đó có chương trình QA/QC nghiêm ngặt riêng của họ tại chỗ. Hơn nữa SGS được công nhận đạt tiêu chuẩn VILAS bởi Văn Phòng Công Nhận Chất Lượng của Bộ Khoa Học và Công Nghệ Việt Nam và do đó được công nhận để chứng nhận tất cả các sản phẩm mà Masan Tài Nguyên bán. Ngoài ra, SGS cung cấp trên cơ sở hàng quý các chứng nhận đối với sản phẩm mà Masan Tài Nguyên sản xuất.

Nhà máy chế biến của Masan Tài Nguyên được vận hành bởi một đội ngũ quản lý quốc tế là các chuyên gia công nghiệp với hơn 80 năm kinh nghiệm chế biến khoáng sản. Yếu tố này kết hợp với thiết kế nhà máy tinh vi và trình độ giám sát trực tuyến và tự động hóa quy trình chế biến cao cũng như chương trình đào tạo quan trọng cho nhân viên vận hành đảm bảo nhà máy chế biến luôn được vận hành phù hợp với quy trình đã được thống nhất để luôn sản xuất các sản phẩm chất lượng cao và đồng nhất như khách hàng của Masan Tài Nguyên yêu cầu.

Nếu có bất kỳ xáo trộn quy trình nào xảy ra, nguyên nhân gốc rễ được xác định và giải quyết nhanh chóng trong khi bất kỳ thành phẩm nào mà có thể bị ảnh hưởng sẽ được cách ly để lấy mẫu thử bổ sung. Nếu có bất kỳ nghi ngờ nào về chất lượng của thành phẩm, thành phẩm đó sẽ được lưu trữ riêng biệt và xử lý phù hợp có tham vấn với Bộ Phận Bán Hàng.

Bộ Phận Bán Hàng Và Tiếp Thị làm việc chặt chẽ với đội ngũ Quản Lý Chuỗi Cung Ứng để giao thành phẩm cho khách hàng của Masan Tài Nguyên theo các loại hợp đồng miễn trách nhiệm trên boong tàu nơi đi (FOB) và hợp đồng giá thành, bảo hiểm và cước phí vận chuyển (CIF) và các phương thức bán hàng nội địa mà thông thường được bán trên cơ sở giá xuất xưởng (EXW) tại địa điểm của Công Ty Núi Pháo. Là một phần chương trình bảo đảm chất lượng, các công ty khảo sát độc lập, bao gồm AH Knight, được thuê để thực hiện thăm tra trọng tải và các kết quả phân tích để giao nhận và vận chuyển hàng hóa. Tất cả dữ liệu về chất lượng sản phẩm và sản lượng đều được quản lý bằng phần mềm hoạch định nguồn lực doanh nghiệp của Masan Tài Nguyên để đảm bảo tính toàn vẹn và minh bạch của dữ liệu.

6.7 Các hoạt động tiếp thị

Đối với năm kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, hơn 80% sản phẩm của Masan Tài Nguyên đã được xuất khẩu cho các khách hàng khắp Châu Á, Bắc Mỹ, Châu Âu và Trung

Đồng, và phần còn lại được tiêu thụ nội địa tại Việt Nam. Bộ Phận Bán Hàng Và Tiếp Thị của Công Ty Núi Pháo được đặt tại Hà Nội và duy trì mối quan hệ với mạng lưới các khách hàng quan trọng trong các khu vực này và thị trường nội địa. Nhu cầu đối với các sản phẩm của Masan Tài Nguyên bắt nguồn từ chất lượng sản phẩm và do Việt Nam gần về địa lý với các thị trường chính mà Masan Tài Nguyên cung cấp sản phẩm. Hơn nữa, vonfram, florit, đồng và bismut là các nguyên liệu thiết yếu được sử dụng cho nhiều sản phẩm tiêu dùng hiện đại.

Sản phẩm của Masan Tài Nguyên được bán cho khách hàng trải rộng trên nhiều phân khúc người dùng cuối khác nhau và nhiều châu lục để đảm bảo đáp ứng đa dạng nhu cầu của người dùng cuối. Chẳng hạn như florit do Masan Tài Nguyên sản xuất được bán cho các nhà sản xuất tất cả các hạng mục các sản phẩm chính có fluoropolymers, fluorochemicals và nhôm florua khắp các khu vực tiêu thụ lớn tại Châu Á, Bắc Mỹ và Châu Âu. Một ví dụ khác là vonfram do Masan Tài Nguyên sản xuất, được sử dụng chính yếu trong đa dạng các ngành công nghiệp bao gồm công nghiệp ô tô, hàng không vũ trụ, hàng tiêu dùng, khai thác khoáng sản, thăm dò và sản xuất dầu và khí đốt.

Masan Tài Nguyên thường bán sản phẩm cho khách hàng quen thuộc theo các hợp đồng cung cấp đã ký kết với thời hạn từ một tháng đến hơn năm năm. Trong mọi trường hợp, giá quốc tế được sử dụng để làm cơ sở định giá theo các công thức trong hợp đồng nhằm xác định phí bảo hiểm chất lượng sản phẩm, các điều khoản giao hàng và thanh toán cuối cùng.

Bộ Phận Bán Hàng Và Tiếp Thị của Công Ty Núi Pháo làm việc chặt chẽ với Bộ Phận Tài Chính để kiểm tra tài liệu tín dụng và thường xuyên xem xét hạn mức tín dụng cho tất cả các bên đối tác. Trong một số trường hợp, bên đối tác được yêu cầu phải thanh toán trước hoặc có thư tín dụng; tuy nhiên các điều khoản thanh toán thường dưới 30 ngày kể từ ngày lập hóa đơn, để đảm bảo dòng tiền kịp thời.

Chiến lược quản lý quan hệ khách hàng của Masan Tài Nguyên là mở rộng quan hệ với khách hàng trọng yếu tại nhiều vị trí trong tổ chức của mỗi khách hàng chủ chốt. Masan Tài Nguyên khuyến khích trao đổi kỹ thuật với khách hàng nhằm chia sẻ thông tin quan trọng, bao gồm các kỹ thuật phân tích và phát triển sản phẩm. Hơn nữa, Giám Đốc Điều Hành của Công Ty đóng một vai trò tích cực trong việc phát triển mối quan hệ cấp cao với các khách hàng lớn, đặc biệt trong các ngành công nghiệp florit, bismut và vonfram.

6.8 Các nhãn hiệu, sáng chế được đăng ký và bản quyền

Tính đến ngày lập Bản Thông Tin Tóm Tắt này, Masan Tài Nguyên đã đăng ký bảo hộ cho các nhãn hiệu sau:

- Nhãn hiệu Masan Resources theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Nhãn Hiệu số 198943 do Cục Sở Hữu Trí Tuệ Việt Nam cấp ngày 18 tháng 1 năm 2013; và
- Nhãn hiệu “Nuiphao Mining” và hình theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Nhãn Hiệu số 170797 do Cục Sở Hữu Trí Tuệ Việt Nam cấp ngày 31 tháng 8 năm 2011.

Công Ty không có sáng chế hoặc bản quyền nào được đăng ký.

6.9 Các hợp đồng quan trọng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

6.9.1 Hợp đồng bao tiêu florit

Công Ty Núi Pháo và CMC Cometals đã ký hợp đồng bao tiêu florit (“**Hợp Đồng Bao Tiêu Florit**”) ngày 19 tháng 12 năm 2012, theo đó CMC Cometals cam kết sẽ mua 200.000 tấn khô đầu tiên (“**DMT**”) của tinh quặng florit cấp axit (“**Sản Phẩm Florit**”) với hàm lượng CaF₂ không thấp hơn 97%. Nếu Công Ty Núi Pháo có thể sản xuất và giao trên 200.000 DMT Sản Phẩm Florit một năm, Công Ty Núi Pháo sẽ có quyền chọn để bán sản lượng vượt mức cho CMC Cometals hoặc cho khách hàng CMC Cometals theo mức giá thỏa thuận giữa các bên.

Hợp Đồng Bao Tiêu Florit có thời hạn ban đầu là 6 năm tính từ ngày đạt công suất đầy đủ, là ngày mà Công Ty Núi Pháo sản xuất tinh quặng florit cấp axit ít nhất 12.000 mt/tháng trong 3 tháng liên tiếp. Thời hạn sáu năm sẽ tự động gia hạn thêm bốn năm trừ khi, không muộn hơn 180 ngày trước khi kết thúc thời hạn ban đầu, Công Ty Núi Pháo và CMC Cometals không đồng ý gia hạn. Việc gia hạn này sẽ tiếp tục được tự động gia hạn thêm các giai đoạn một năm tiếp theo, trừ khi một trong hai bên lựa chọn khác đi.

Không muộn hơn 90 ngày trước ngày giao hàng dự kiến mỗi năm, Công Ty Núi Pháo sẽ gửi cho CMC Cometals bảng ước tính giá Sản Phẩm Florit sẽ được bán trong năm đó. Dựa trên bảng ước tính này, CMC Cometals sẽ tiến hành thảo luận và thương lượng với các khách hàng tiềm năng và cung cấp cho Công Ty Núi Pháo các đề xuất của CMC Cometals về giá cho mỗi DMT Sản Phẩm Florit (“**Giá Florit**”) mà các khách hàng này đã đưa ra hoặc chấp nhận. Giá Florit sẽ được điều chỉnh phù hợp với các tính toán biên giá như được quy định trong Hợp Đồng Bao Tiêu Florit.

6.9.2 Hợp đồng bao tiêu bismut

Công Ty Núi Pháo và 5N Plus Inc đã ký hợp đồng bao tiêu bismut (“**Hợp Đồng Bao Tiêu Bismut**”) ngày 10 tháng 1 năm 2013. Trong hợp đồng này, Công Ty Núi Pháo đồng ý bán và giao cho 5N Plus Inc., và 5N Plus Inc. đồng ý nhận và thanh toán, tối đa 2.500mt bismut chứa trong sản phẩm bismut mỗi năm (“**Sản Lượng Tối Thiểu**”). Việc bao tiêu bắt đầu khi mỏ Núi Pháo bắt đầu đi vào sản xuất. Nếu việc sản xuất thực tế của Sản Phẩm Bismut được Núi Pháo dự đoán cao hơn Sản Lượng Tối Thiểu trong bất kỳ năm nào (“**Sản Phẩm Dư Thừa**”), khối lượng sản phẩm bismut mà 5N Plus Inc. sẽ mua có thể được điều chỉnh theo thỏa thuận giữa 5N Plus Inc. và Núi Pháo. Nếu 5N Plus Inc. không đồng ý mua Sản Phẩm Dư Thừa trong vòng 30 ngày kể từ ngày Núi Pháo thông báo cho 5N Plus Inc. bằng văn bản về Sản Phẩm Dư Thừa, Núi Pháo có thể bán Sản Phẩm Dư Thừa này cho một hoặc nhiều bên thứ ba.

Hợp Đồng Bao Tiêu Bismut có thời hạn ban đầu là năm năm kể từ khi bắt đầu giao các sản phẩm bismut và kể từ khi tổng sản lượng 10.000mt bismut trong Sản phẩm Bismut đã được Núi Pháo giao cho 5N Plus Inc. Thời hạn ban đầu sẽ được tự động gia hạn cho các giai đoạn năm năm tiếp theo, trừ khi một bên thông báo cho bên còn lại ý định chấm dứt hợp đồng bằng cách gửi thông báo ít nhất 12 tháng trước khi kết thúc thời hạn năm năm của hợp đồng.

Giá phải thanh toán dựa trên mức giá trung bình hàng tháng của các báo giá thấp trên thị trường tự do bằng USD được Metal Bulletin công bố tại London. Các chi phí gia công và tinh luyện tiêu chuẩn cũng như các khoản phạt sẽ được áp dụng cho giá cuối cùng.

6.9.3 Hợp đồng bao tiêu vonfram

Ngày 29 tháng 7 năm 2013, H.C. Starck, nhà sản xuất kim loại công nghệ cao hàng đầu thế giới và một trong những công ty lớn nhất trong ngành công nghiệp vonfram toàn cầu, và Công Ty Núi Pháo đã công bố việc ký kết các thỏa thuận chính thức để thành lập liên doanh tinh luyện các sản phẩm vonfram giá trị gia tăng tại Việt Nam.

Công Ty Núi Pháo và H.C. Starck lần lượt sở hữu 51% và 49% trong liên doanh, Núi Pháo – H.C. Starck, mà liên doanh này sẽ chế biến tất cả tinh quặng vonfram của Công Ty Núi Pháo thành các sản phẩm vonfram giá trị gia tăng cao như APT, BTO và YTO. Liên doanh này sẽ có khả năng chế biến sâu trên 10.000 tấn tinh quặng vonfram mỗi năm. H.C. Starck sẽ điều hành liên doanh và đã cam kết mua phần lớn sản phẩm để sử dụng cho nhu cầu nội bộ của H.C. Starck. H.C. Starck cũng sẽ hỗ trợ tiếp thị sản phẩm còn lại ra thị trường cho liên doanh.

Ngày 15 tháng 1 năm 2014, Núi Pháo – H.C. Starck nhận được giấy chứng nhận đầu tư cho nhà máy của Núi Pháo – H.C. Starck. Việc xây dựng các nhà máy tích hợp đang được tiến hành cùng với việc vận hành thử bắt đầu tháng 12 năm 2014 và sản xuất thương mại dự kiến sau quý II năm 2015.

6.9.4 Hợp đồng mua bán đồng

Công Ty Núi Pháo hiện đang bán sản lượng tinh quặng đồng của Dự Án Núi Pháo tại Việt Nam và cho các khách hàng ở Châu Á.

6.10 Các Vấn Đề An Toàn Và Môi Trường

6.10.1 Các vấn đề sức khỏe, an toàn và môi trường

Masan Tài Nguyên đã chuẩn bị và thực hiện chính sách y tế, an toàn và môi trường toàn diện để xây dựng và phát triển dự án mỏ và cũng đã ban hành các quy trình để đảm bảo tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường của Việt Nam, cũng như tuân thủ các kiến nghị được quy định trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và xã hội và các quy định trong quyết định phê duyệt báo cáo này do Bộ TNMT ban hành. Masan Tài Nguyên đang áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về y tế và an toàn công nghiệp và yêu cầu các tiêu chuẩn đó đối với tất cả nhà thầu của mình trong khu vực dự án.

Quản lý chất thải chủ yếu liên quan đến việc lưu trữ đá thải và đất phủ bề mặt. Đá thải và đất phủ bề mặt không tạo ra axit được chứa trong một số bãi thải gần các mỏ lộ thiên. Tất cả đá thải có khả năng tạo ra axit sẽ được lưu trữ trong khu chứa đuôi quặng cho đến khi quá trình khai thác mỏ hoàn thành, sau đó lượng đá thải này sẽ được trả về các mỏ lộ thiên. Tất cả chất thải nguy hại sẽ được xử lý theo các kế hoạch quản lý mà sẽ đòi hỏi sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có liên quan.

6.10.2 Cải tạo và phục hồi

Theo pháp luật Việt Nam, một công ty tiến hành thăm dò khoáng sản như Công Ty Núi Pháo phải ký quỹ một khoản tiền vào Quỹ Bảo Vệ Môi Trường Việt Nam thuộc Bộ TNMT hoặc một quỹ địa phương liên quan để bảo đảm cho việc phục hồi môi trường, sinh thái và đất đai. Khoản tiền ký quỹ phải ít nhất bằng chi phí thực tế để phục hồi môi trường sau khi hoàn thành khai thác mà chi phí thực tế này sẽ được tính dựa trên quy mô của hoạt động khai thác,

tác động bất lợi đối với môi trường của hoạt động khai thác, đặc thù của khu vực khai thác sau khi hoạt động khai thác được tiến hành, và các chi phí cần thiết để tiến hành công việc phục hồi môi trường. Công Ty Núi Pháo được yêu cầu thanh toán một khoản tiền ký quỹ là 52.266 triệu VND, bao gồm một khoản ký quỹ ban đầu 7.840 triệu VND và các đợt thanh toán hàng năm 1.931.569.565 VND. Khoản ký quỹ ban đầu đã được thanh toán vào ngày 14 tháng 1 năm 2010. Tính đến ngày lập Bản Thông Tin Tóm Tắt này, Công Ty Núi Pháo đã thực hiện 5 đợt thanh toán hàng năm, trong đó đợt đầu tiên 1.931.569.565 VND ngày 27 tháng 1 năm 2011, đợt thứ hai 1.931.570.000 VND được thanh toán vào ngày 19 tháng 1 năm 2012, đợt thứ ba 1.931.570.000 VND vào ngày 25 tháng 1 năm 2013, đợt thứ tư 1.931.570.000 VND vào ngày 23 tháng 1 năm 2014 và đợt thứ năm 1.931.570.000 VND vào ngày 29 tháng 1 năm 2015. Mục tiêu của chương trình đóng cửa mỏ và cải tạo là để phục hồi đất khai khoáng trở về địa hình an toàn và ổn định, tương thích với mục đích sử dụng đất xung quanh. Việc cải tạo song song các rối loạn đất sẽ được thực hiện như kế hoạch dự án cho phép, và kế hoạch đóng cửa mỏ và cải tạo cuối cùng sẽ được thực hiện vào cuối kỳ dự án. Một kế hoạch ban đầu về đóng cửa mỏ đã được phát triển để cụ thể hóa các ý tưởng về đóng cửa mỏ và cải tạo như được trình bày trước đó trong mục này. Các kế hoạch chi tiết và chi phí được cập nhật để đóng cửa dự án và cải tạo sẽ được phát triển trước khi dự án thực sự kết thúc. Như một phần nỗ lực cải tạo và phục hồi của Công Ty Núi Pháo, đất bề mặt sẽ được đào và lưu trữ cho việc phục hồi khu vực dự án trong tương lai. Các khoảnh đất lưu trữ sẽ được bố trí xung quanh khu vực dự án trong giai đoạn khai thác mỏ để có thể phù hợp với môi trường tự nhiên và ổn định với thảm thực vật bản địa. Một rãnh chu vi, hoặc các thiết bị kiểm soát trầm tích phù hợp khác, sẽ được xây dựng xung quanh chân của mỗi khoảnh đất lưu trữ. Khi đóng cửa mỏ, lượng đất dự trữ này sẽ được đào và sử dụng làm vật liệu che phủ trong quá trình cải tạo đất.

6.11 Trách nhiệm xã hội của Công Ty

6.11.1 Bồi thường và tái định cư

Công trình của Công Ty Núi Pháo cách khoảng 2 km về phía Đông Bắc của thị trấn Đại Từ với các cánh đồng lúa và một số đồn điền chè nằm trong vùng lân cận của dự án. Việc phát triển dự án đặt ra nhu cầu thu hồi đất cho hoạt động khai thác mỏ và cho các khu tái định cư và sẽ ảnh hưởng đến hơn 3.500 hộ gia đình, trong đó hơn 1.350 hộ gia đình sẽ cần được tái định cư.

Kế hoạch bồi thường và tái định cư cho dự án đã được phát triển theo quy định của Việt Nam về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cũng như tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế. Chính quyền địa phương, các tổ chức phi chính phủ, cộng đồng địa phương cũng như các bên có liên quan khác đã được tham vấn trong quá trình lập kế hoạch. Kế hoạch bồi thường và tái định cư bao gồm bồi thường đất và hỗ trợ tái định cư và các chương trình khôi phục kinh tế với mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong khu vực bằng cách tạo việc làm, phát triển đào tạo và cơ sở hạ tầng và hỗ trợ thêm cho các nhóm dễ tổn thương bị tác động như các dân tộc thiểu số, các hộ gia đình mẫu hệ và hộ gia đình nghèo.

Quá trình bồi thường và tái định cư đã được bắt đầu vào năm 2005 và có nhiều tiến triển vượt bậc từ khi Masan Tài Nguyên mua lại dự án. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, khoảng 99,2% hộ gia đình sống trong khu vực đã được giải tỏa. Trong khoảng 1.350 hộ gia đình cần được tái định cư, có khoảng 1.000 hộ gia đình đã chọn di chuyển đến các khu vực tái định cư và số còn lại đã lựa chọn tự tái định cư. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, chi phí đã phát sinh liên quan đến bồi thường và tái định cư là khoảng 2.245 triệu VND.

6.11.2 Chính sách trách nhiệm xã hội của Công Ty

Vào tháng 3 năm 2013, Dự Án Núi Pháo đã nhận “Giải thưởng Doanh Nghiệp Thực Hiện Tốt Trách Nhiệm An Sinh Xã Hội Và Phát Triển Cộng Đồng” từ Bộ Kế Hoạch Và Đầu Tư cho các đóng góp của Công Ty Núi Pháo đối với người dân Tỉnh Thái Nguyên. Bên cạnh việc tuân thủ các tiêu chuẩn cao trong hoạt động xã hội và môi trường, Công Ty Núi Pháo cũng đã tạo khoảng 950 việc làm cho cộng đồng địa phương và hỗ trợ các dự án của địa phương thông qua Các Dự Án Phát Triển Cộng Đồng như thành lập các trường tiểu học, các trung tâm y tế và ngành nghề kinh doanh nhỏ cho người dân địa phương.

Công Ty Núi Pháo vinh hạnh khi những nỗ lực của mình trong năm 2014 được công nhận thông qua việc Công Ty Núi Pháo nhận được một số giải thưởng uy tín, bao gồm:

- Vào tháng 2 năm 2014, Công Ty Núi Pháo đã nhận được Cúp Vàng do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Thái Nguyên phối hợp với Sở Lao Động, Thương Binh Và Xã Hội Tỉnh Thái Nguyên trao tặng mà giải thưởng này vinh danh các doanh nghiệp và doanh nhân xuất sắc trong tỉnh. Công Ty Núi Pháo được vinh danh vì đóng góp đáng kể cho sự tăng trưởng kinh tế và xã hội của Tỉnh Thái Nguyên, nhờ đưa khoảng 18 triệu USD vào kinh tế địa phương, tạo gần 2.000 việc làm, và trả lương bình quân trên 500 USD mỗi tháng.
- Vào tháng 10 năm 2014, Công Ty Núi Pháo nhận giải thưởng “doanh nghiệp tiêu biểu” (một trong số 40 doanh nghiệp tại Việt Nam và là công ty khai thác khoáng sản duy nhất) tại Giải thưởng Doanh Nghiệp Xuất Sắc Châu Á - Thái Bình Dương năm 2014. Giải thưởng này vinh danh đóng góp của Công Ty Núi Pháo đối với sự phát triển kinh tế - xã hội quốc gia.
- Vào tháng 11 năm 2014, Công Ty Núi Pháo là doanh nghiệp duy nhất của Tỉnh Thái Nguyên vinh dự nhận được Giải thưởng Tôn Vinh Thương Hiệu Xanh. Giải thưởng Tôn Vinh Thương Hiệu Xanh được trao bởi Trung Tâm Nghiên Cứu Giáo Dục Và Phát Triển Môi Trường, Viện Khoa Học Công Nghệ Miền Nam, và tạp chí Thương Hiệu Việt cho công tác bảo vệ môi trường tích cực.
- Công Ty Núi Pháo cũng được công nhận nằm trong 1.000 doanh nghiệp dẫn đầu về đóng góp thuế (V1000), nhận giải thưởng Doanh Nghiệp Tiêu Biểu Tỉnh Thái Nguyên lần thứ 6 năm 2014.
- Ngày 4 tháng 6 năm 2015, Công Ty Núi Pháo nhận giải thưởng “Đổi Mới Công Nghệ, Hướng Tới Phát Triển Kinh Tế Xanh” của Bộ TNMT cho sự phát triển bền vững tích cực của Công Ty Núi Pháo.

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh và sản xuất của Công Ty năm 2013-2014 và sáu tháng đầu năm 2015

Bảng dưới đây thể hiện một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh và sản xuất của Công Ty trong năm 2013 - 2014 và 6 tháng đầu năm 2015:

Đơn vị tính: triệu VNĐ

Chỉ tiêu	Hợp nhất			Sáu tháng đầu năm 2015
	Năm 2014	Năm 2013	% Tăng/ giảm	
Tổng giá trị tài sản	25.106.294	21.197.968	18,4%	26.017.960
Vốn chủ sở hữu	11.132.945	10.970.995	1,5%	11.237.032
Doanh thu thuần	2.825.732	-	-	1.200.626
Lợi nhuận gộp	739.419	-	-	355.892
Thu nhập khác	268.334	97.175	176,1%	371.770
Lợi nhuận trước thuế	7.722	22.969	-66,4%	22.965
Lợi nhuận sau thuế	35.653	10.772	231,0%	35.792
Lợi ích của cổ đông thiểu số	-11.023	-	-	-68.294
Lợi nhuận của cổ đông công ty mẹ	46.676	10.772	333,3%	104.086
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	0,4%	0,1%		0,9%
Giá trị sổ sách 1 Cổ Phần (VNĐ)	15.474	15.705	-1,5%	15.619

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC 6 tháng đầu năm 2015 của Công Ty.

Đơn vị tính: triệu VNĐ

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			
	Năm 2014	Năm 2013	% Tăng/ giảm	6 tháng đầu năm 2015
Tổng giá trị tài sản	11.141.743	11.036.155	1,0%	11.100.970
Vốn chủ sở hữu	9.401.372	9.383.455	0,2%	9.376.442
Doanh thu thuần	-	-	-	-
Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh	-45.355	-1.377	-	-
Thu nhập khác	-	48.219	-	-
Lợi nhuận trước thuế	-45.853	46.842	-	-24.930
Lợi nhuận sau thuế	-37.351	34.788	-	-24.930
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	-0,4%	0,4%		-0,3%
Giá trị sổ sách 1 Cổ Phần (VNĐ)	13.067	13.432	-2,7%	13.033

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC 6 tháng đầu năm 2015 của Công Ty.

7.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến các hoạt động kinh doanh của Masan Tài Nguyên cho năm báo cáo

7.2.1. Thuận lợi

Nhà máy Núi Pháo được vận hành thử và bắt đầu sản xuất thương mại đối với sản phẩm chính của nhà máy Núi Pháo vào ngày 1 tháng 3 năm 2014. Trong năm 2014, việc vận hành tiếp tục được cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và vận hành. Vui lòng xem các phần có tiêu đề “*Lợi thế cạnh tranh của Masan Tài Nguyên*” để biết thêm thông tin chi tiết về các thuận lợi chung của Masan Tài Nguyên.

7.2.2. Khó khăn

Trong năm 2014, các yếu tố sau đã ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh của Masan Tài Nguyên:

- (i) Masan Tài Nguyên chỉ sản xuất thương mại trong 10 tháng cuối năm;
- (ii) ở giai đoạn đầu sản xuất thương mại, tỷ lệ thu hồi khoáng chỉ đạt từ 38% đến 90% so với tỷ lệ thu hồi tối ưu;
- (iii) mặc dù lãi suất cho vay đã có xu hướng giảm từ cuối năm 2013, nhưng lãi suất cho vay trung bình năm 2014 vẫn cao hơn lãi suất áp dụng vào ngày lập Bản Thông Tin Tóm Tắt này khoảng 1,0% đến 1,5%;
- (iv) giá khoáng sản toàn cầu chững lại hoặc giảm dần trong năm 2014, đặc biệt là giá vonfram giảm thêm do nguồn cung ngắn hạn tăng (vì mỏ Núi Pháo và mỏ Hemerdon ở Anh bắt đầu sản xuất thương mại) và việc Trung Quốc dỡ bỏ hạn ngạch xuất khẩu và thuế xuất khẩu vonfram dưới sức ép của các thành viên khác trong Tổ Chức Thương Mại Thế Giới; và
- (v) giá dầu giảm đột ngột vào quý cuối năm 2014 gây ảnh hưởng bất lợi đến giá vonfram do lo ngại việc các công ty dầu mỏ cắt giảm hoạt động sản xuất để hạn chế nguồn cung. Tuy nhiên, các động thái gần đây của Tổ Chức Các Nước Xuất Khẩu Dầu Lửa (OPEC) và Mỹ cho thấy sản lượng dầu của các quốc gia này vẫn không bị ảnh hưởng.

8. Vị thế của Masan Tài Nguyên so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của Masan Tài Nguyên trong ngành công nghiệp

8.1.1 Mô tả sự tham gia của Masan Tài Nguyên trong Dự Án Núi Pháo

Masan Tài Nguyên là nhà sản xuất vonfram lớn nhất bên ngoài Trung Quốc. Mỏ Núi Pháo, tọa lạc tại Tỉnh Thái Nguyên thuộc miền Bắc Việt Nam, là mỏ vonfram mới đầu tiên được phát triển khai thác và sản xuất thành công trong 15 năm qua. Mỏ đã được các nhà phân tích hàng đầu trong ngành công nghiệp khai khoáng bao gồm Roskill và Argus Media Ltd đánh giá là một trong những mỏ vonfram lớn nhất được xác định bên ngoài Trung Quốc, với trữ lượng quặng tiềm năng đã được chứng minh là 66 triệu tấn. Masan Tài Nguyên tin rằng với đội ngũ quản lý giàu kinh nghiệm của mình, thuận lợi trong việc tiếp cận mỏ, khả năng thực

hiện dự án vượt trội, các đối tác quốc tế và khả năng huy động vốn, Masan Tài Nguyên đã phát triển nền tảng thích hợp để hợp nhất các nguồn lực này và xây dựng Công Ty Núi Pháo thành công ty khai thác khoáng sản hàng đầu tại Việt Nam.

Công Ty Núi Pháo sở hữu một mỏ lộ thiên tại Tỉnh Thái Nguyên thuộc miền Bắc Việt Nam có các vỉa khoáng sản vonfram, florit, bismut và đồng. Kể từ khi tiếp quản Dự Án Núi Pháo, Masan Tài Nguyên đã tập trung vào những lĩnh vực then chốt để hoàn tất các yêu cầu đầu tư đối với dự án và hỗ trợ sự phát triển thành công của dự án. Trong năm 2010, Masan Tài Nguyên tập trung vào các hoạt động cần thiết để triển khai dự án, đặc biệt là hoàn tất các yêu cầu pháp lý cho dự án, bố trí nguồn vốn, tái cơ cấu đội ngũ quản lý và thúc đẩy hoạt động bồi thường và tái định cư. Trong năm 2011 và 2012, Masan Tài Nguyên tiếp nối thành công này và tập trung thúc đẩy phát triển dự án, nhờ đó cuối cùng mỏ Núi Pháo bắt đầu sản xuất thương mại trong quý đầu năm 2014. Trong suốt năm 2014, Masan Tài Nguyên tập trung tăng công suất và hoạt động sản xuất của Masan Tài Nguyên đã đạt được trạng thái ổn định trong suốt quý IV năm 2014, dẫn đến kết quả là tỷ lệ thu hồi và năng suất chế biến ổn định hơn.

Bảng dưới đây tóm tắt tiến trình giảm rủi ro và tài trợ vốn liên quan đến Dự Án Núi Pháo kể từ khi Masan Tài Nguyên sở hữu:

Giảm rủi ro đáng kể cho Dự Án Núi Pháo		
	Tình trạng trước khi mua lại	Tình trạng sau khi mua lại
Các Giấy Phép & Chấp Thuận	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Giấy phép khai thác khoáng sản ban đầu được cấp vào năm 2005; và ▪ Tháng 8 năm 2009, tình trạng của giấy phép khai thác khoáng sản bị xem xét lại do không triển khai trong vài năm. 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Trước khi hoàn thành việc mua lại Dự Án Núi Pháo, Tập Đoàn Masan đã xin được giấy chứng nhận đầu tư mới cho Dự Án; và ▪ Giấy Phép Khai Thác Khoáng Sản số 1710/GP-BTNMT ngày 21 tháng 9 năm 2010 được Bộ TNMT cấp lại để gia hạn ngày bắt đầu sản xuất của dự án.
Bồi thường & Tái định cư	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Quá trình bồi thường và tái định cư đối mặt với nhiều sự chậm trễ dẫn đến gia tăng chi phí; ▪ Mặc dù đã chi trả 20 triệu USD, việc giải tỏa đất ít tiến triển; và ▪ Trước khi Masan tham gia, chỉ 2% diện tích đất đã được giải tỏa. 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ 99.3% đất cần cho các hoạt động khai khoáng và 69.8% vùng đệm đã được thu hồi; ▪ 96.6% kế hoạch bồi thường cho các gia đình bị ảnh hưởng được chấp thuận bởi UBND Tỉnh Thái Nguyên; và ▪ Các hoạt động khai thác nhận được hỗ trợ rất tích cực từ cộng đồng.

**Thực hiện Dự
Án**

- Dự án đã bị đình trệ mặc dù gần 5 năm kể từ khi giấy phép khai thác khoáng sản ban đầu được cấp.

Huy động vốn

- Không tiến triển và không có khả năng huy động tài chính dẫn đến đình trệ dự án; và
- Hoạt động trên một ngân sách eo hẹp, với nguồn tài trợ hàng tháng từ chủ sở hữu.
- Ngay lập tức tái khởi động dự án với việc chỉ định nhà thầu EPSA;
- Xây dựng đội ngũ và làm việc với các nhà thầu trong nước và quốc tế để xây dựng dự án; và
- Dự án được vận hành trong vòng 20 tháng.
- Việc xây dựng mở được tài trợ vốn đầy đủ mà không yêu cầu thêm về vốn;
- MSN đầu tư 105 triệu USD vốn chủ sở hữu của riêng mình và huy động khoảng 150 triệu USD vốn từ Mount Kellett Capital Management L.P. và các nhà đầu tư khác;
- Khoản tín dụng 1.780 tỷ VNĐ từ Techcombank; và
- 6.800 tỷ VNĐ từ trái phiếu do TNTI phát hành.

Tạo ra tài sản giá trị cao làm nền tảng cho Dự Án Núi Pháo

Chỉ tiêu	Chi tiết
Các tài sản có giá trị	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tổng tài sản cố định cơ bản khoảng 20.533 tỷ VNĐ tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.
Nhà máy chế biến chất lượng	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Nhà máy chế biến Núi Pháo là một dây chuyền phức hợp kết hợp nhiều kỹ thuật chế biến tiêu chuẩn được sử dụng để trích xuất và tinh luyện khoáng sản trên toàn thế giới. Dây chuyền chế biến được thiết kế và phát triển sau các thí nghiệm nghiêm ngặt và các thử nghiệm mang quy mô thí điểm để đảm bảo tối đa hóa tỷ lệ thu hồi các kim loại mục tiêu. ▪ Việc xây dựng nhà máy chế biến cuối cùng được hoàn thành bởi một đội ngũ kỹ sư dày dặn kinh nghiệm với tính kỷ luật cao sử dụng thiết bị có nguồn gốc từ các nhà cung cấp danh tiếng trên thế giới bao gồm ABB, FLSmidth, CPG Resources, Atlas Copco, Derrick Corporation, Delkor và Terex Jacques và các nhà cung cấp khác. ▪ Nhà máy chế biến kiên cố và được xây dựng theo tiêu chuẩn chất lượng để đảm bảo rằng nhà máy có khả năng sản xuất sản phẩm liên tục trong suốt thời hạn của dự án.
Giá trị tiềm năng	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Dự án đã đi vào sản xuất thương mại và có nguồn khách hàng ổn định.

8.1.2 Dự Án Núi Pháo

Mô tả

Mỏ Núi Pháo là một mỏ đa kim nằm tại ba xã (Hùng Sơn, Hà Thượng, và Tân Linh) của Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên. Mỏ nằm khoảng 24 km về hướng Tây-Bắc của Thành Phố Thái Nguyên, 3,4 km từ Thị Trấn Đại Từ theo hướng Đông-Bắc. Mỏ cách Hà Nội khoảng 80 km, và có thể tiếp cận thông qua các đường cao tốc, đường bộ và đường sắt nối với các cảng gần nhất của Hải Phòng và Quảng Ninh, từ đó các sản phẩm có thể được giao đến các khách hàng quốc tế. Mỏ Núi Pháo là một trong các mỏ vonfram lớn nhất thế giới, với các vỉa khoáng sản florit, bismut và đồng lớn. Trữ lượng quặng tiềm năng đã được chứng minh của mỏ Núi Pháo được ước tính khoảng 66 triệu tấn với thời hạn khai thác mỏ dự kiến là 20 năm.



Trữ lượng

Mỏ Núi Pháo có quá trình hoạt động thăm dò và khai thác khoáng sản lâu dài. “Báo cáo các kết quả thăm dò chi tiết mỏ vonfram-đa kim Núi Pháo” được phê duyệt bởi Hội Đồng Đánh

Giá Trữ Lượng Khoáng Sản Quốc Gia xác nhận tổng trữ lượng quặng của mỏ Núi Pháo là 110.260.000 tấn, trong đó trữ lượng Cấp 111 là 30.500.000 tấn, trữ lượng Cấp 122 là 52.720.000 tấn (hàm lượng WO₃ khả thi để khai thác tương đương 0,2% tính tại thời điểm năm 2003), và trữ lượng Cấp 333 là 27.040.000 tấn.

Trữ lượng của mỏ Núi Pháo ban đầu được ước tính bởi AMEC và được ước tính lại vào năm 2011 và năm 2014 bởi Cube Consulting phù hợp với Mã JORC. Tổng cộng đã có 376 lỗ được Cube Consulting khoan nhằm phục vụ cho việc ước tính trữ lượng năm 2014, trong đó 78 lỗ với chiều dài 8.762 mét được khoan từ lần ước tính lại trước đó năm 2011.

Các bảng dưới đây thể hiện thông tin về trữ lượng và ước tính đối với mỏ Núi Pháo:

Quặng					
Loại	Tấn ('000)	Vonfram (%)	Florit (%)	Đồng (%)	Bismut (%)
Được Đo + Được Thể Hiện (M+I)	73.751	0,17	7,80	0,16	0,08
Dự Đoán (I)	22.724	0,14	7,00	0,16	0,08
M+I+I	96.475	0,16	7,61	0,16	0,08

Trữ lượng quặng có hàm lượng WO₃ khả thi để khai thác tương đương 0,123% tính đến tháng 11 năm 2014

Quặng					
Loại	Tấn ('000)	Vonfram (%)	Florit (%)	Đồng (%)	Bismut (%)
Được chứng minh	24.700	0,24	8,19	0,23	0,10
Tiềm năng	41.300	0,14	7,33	0,13	0,06
Được chứng minh + Tiềm năng	66.000	0,18	7,65	0,17	0,08

Nguồn: Công Ty.

Với những kết quả trên, mỏ Núi Pháo được xem là một trong các mỏ vonfram lớn nhất được xác định bên ngoài Trung Quốc, có trữ lượng 66 triệu tấn WO₃ với tỷ lệ trung bình là 0,18%.

8.1.3 Đầu tư vào Dự Án Núi Pháo

Sau khi được mua lại bởi Tập Đoàn Masan, Dự Án Núi Pháo đã tái khởi động quá trình phát triển và xây dựng vào tháng 10 năm 2010. Masan Tài Nguyên, thông qua các nhà thầu và đội ngũ quản lý của mình, đã tiến hành thiết kế, lập kế hoạch, mua sắm và xây dựng nhà máy chế

biển khoáng sản theo tiêu chuẩn quốc tế để đảm bảo nhà máy hoạt động lâu dài. Trong suốt quý đầu năm 2014, mỏ Núi Pháo đã bắt đầu sản xuất thương mại.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, 20.533 tỷ VNĐ đã được đầu tư vào Dự Án Núi Pháo để xây dựng nhà máy, cơ sở hạ tầng địa phương, thực hiện hoạt động, bồi thường và tái định cư, cũng như các chi phí tài chính khác. Masan Tài Nguyên đã thuê các nhà tư vấn và nhà thầu quốc tế như Jacobs Engineering Group, Golders Associates và SGS để thiết kế và xây dựng dự án.

Đơn vị tính: tỷ VNĐ

Các tài sản cố định (tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014)	Số tiền
Các công trình và kiến trúc	947
Máy móc, nhà máy và thiết bị	9.082
Trữ lượng khoáng sản và tài nguyên	4.867
Công trình đang xây dựng	3.186
Đập chứa đuôi quặng	985
Tài sản khai thác mỏ được giữ lại	739
Các quyền khai thác khoáng sản	583
Khác	144
Tổng cộng	20.533

Cung cấp điện

Một đường dây 35 kV hiện có đã được di dời để phục vụ cho việc bắt đầu hoạt động khai thác mỏ và xây dựng nhà máy chế biến. Các cơ quan điện lực địa phương, Công Ty Điện Lực Thái Nguyên và Công Ty Điện Lực 1 (PC1) đã nâng cấp và mở rộng một đường dây 110 kV hiện có đến khu vực khai thác, mà đường dây này nằm khoảng 5 km về phía nam của khu vực khai thác, để đáp ứng các nhu cầu trong tương lai của dự án trước khi bắt đầu hoạt động.

Cung cấp nước

Nước cho dự án khai khoáng được cung cấp từ một hồ chứa nước ngọt đã được xây dựng và các nhu cầu nước của nhà máy chế biến chủ yếu được cung cấp từ hồ chứa nước ngọt này, nước tái chế từ các khu chứa đuôi quặng và từ hoạt động tách nước của mỏ. Một nhà máy xử lý nước sạch cũng đã được xây dựng để xử lý nước tự nhiên và nước sạch được phân phối đến nhiều khu phức hợp khác nhau trong khu vực mỏ.

Cơ sở hạ tầng giao thông

Khoảng 4 km đường cao tốc, mà trước đó chạy qua các khu vực phát triển mỏ lộ thiên dự kiến, đã được di dời. Phần đường cao tốc được di dời hiện nay đi qua phía nam của khu vực mỏ.

Các con đường mới trong khu vực mỏ và đường vận chuyển vật liệu từ mỏ đến trạm nghiền chính và đến khu chứa đuôi quặng đã được xây dựng bằng cách sử dụng đá thải nghiền lấy từ mỏ và các khu vực xung quanh.

8.1.4 Các hoạt động khai thác và chế biến

Khu vực Dự Án Núi Pháo được bao phủ với một lớp đất phủ bao gồm đất sét, mạch quặng lộ và đá phong hóa, khác nhau về độ dày từ vài mét đến hơn 100 mét, mà có thể đào tự do. Bên dưới đất phủ, công việc khai thác yêu cầu phải khoan và nổ mìn đối với quặng và đá thải. Tất cả nguyên liệu được khai thác bằng máy xúc gầu ngược định hình. Quặng được chuyển đến các kho dự trữ không phân loại theo kích cỡ và chất thải được chuyển đến bãi thải hoặc được sử dụng để xây dựng bờ kè của đập chứa đuôi quặng.

Thời hạn cho kế hoạch khai thác

Thời hạn khai thác của Dự Án Núi Pháo dự kiến gia hạn hơn 20 năm với công suất hàng năm khoảng 3,5 triệu tấn quặng, sẽ bao gồm việc khai thác mỏ lộ thiên và chế biến khoảng 66 triệu tấn trữ lượng với tỷ lệ trung bình 0,18% vonfram, 7,65% florit, 0,17% đồng và 0,08% bismut. Tỷ lệ trung bình của chất thải so với quặng hiện nay được ước tính là khoảng 1,78:1. Sản lượng hàng năm trong suốt thời hạn khai thác được dự tính trung bình khoảng 5.400 tấn vonfram trioxide, 206.000 tấn florit, 6.000 tấn đồng và 2.300 tấn bismut. Nhà máy chế biến dự kiến sẽ chế biến lên đến 3,5 triệu tấn quặng mỗi năm trong thời hạn 20 năm.

Các nhà thầu khai thác

Masan Tài Nguyên đang tiến hành tất cả các hoạt động khai thác mỏ của mình, bao gồm cung cấp tất cả thiết bị khai thác và vận chuyển, bảo trì đường bộ, cũng như nhân sự cần thiết để vận hành và bảo trì thiết bị, thông qua các nhà thầu. Các nhà thầu của Masan Tài Nguyên tiến hành hoạt động khai thác theo chỉ thị của Masan Tài Nguyên phù hợp với kế hoạch khai thác. Masan Tài Nguyên làm việc chặt chẽ với các nhà thầu của mình, xác định các thông tin chi tiết như công suất của các thiết bị được sử dụng, và tiến hành các cuộc họp thường xuyên với các nhà thầu, kể cả kiểm tra an toàn định kỳ. Tất cả các hoạt động hỗ trợ khai thác dự kiến được thực hiện bởi các nhà thầu trong khi được các nhân sự của Masan Tài Nguyên giám sát. Các hoạt động này bao gồm sửa chữa và bảo trì thiết bị, và bảo trì đường bộ. Vào tháng 12 năm 2011, nhà thầu khai thác, Công Ty CP Thịnh Cường, được chỉ định ban đầu cho thời hạn ba năm và hợp đồng đã được gia hạn thêm một thời hạn ba năm nữa vào tháng 12 năm 2014.

Chế biến và vận chuyển khoáng sản

Các hoạt động chế biến tại nhà máy chế biến bao gồm nghiền thô và nghiền mịn, tuyển nổi đồng, tuyển nổi sulfide số lượng lớn để tách các khoáng chất sulfide nặng còn lại khỏi các khoáng chất phi sulfide, thu hồi vonfram bằng quy trình trọng lực từ đuôi quặng của quy trình tuyển nổi sulfide, và tuyển nổi florit từ đuôi quặng của quy trình tuyển trọng lực. Tinh quặng bismut được thu hồi bằng cách tuyển nổi chọn lọc, được lọc và luyện, để sản xuất ra sản phẩm bismut tinh luyện. Sản phẩm cuối cùng bao gồm tinh quặng vonfram, florit cấp axit, tinh quặng đồng, và bismut tinh luyện. Tinh quặng vonfram được xử lý hóa học thêm thành sodium tungstate tại một nhà máy chuyên biệt trong khu vực dự án. Masan Tài Nguyên dự kiến rằng việc sản xuất APT và BTO sẽ được bắt đầu trong quý II năm 2015.

Nước thải từ nhà máy chế biến sẽ được trung hòa. Kim loại nặng được kết tủa dưới dạng bùn mật độ cao và được làm đặc, nước tràn từ bể lắng được thải qua hồ khử thải và sau đó thải ra môi trường, còn phần lắng còn nằm lại sẽ được giữ ở khu chứa đuôi quặng.

8.1.5 Bảo hiểm

Đối với việc phát triển và xây dựng ban đầu của dự án khai thác, Masan Tài Nguyên hiện đang duy trì tất cả các bảo hiểm rủi ro trong xây dựng, trong đó bao gồm tất cả các rủi ro tổn thất vật chất hoặc thiệt hại đối với mỏ, các công trình, nhà máy, máy móc, thiết bị, cơ sở hạ tầng hỗ trợ và vật liệu xây dựng, bao gồm cả công trình tạm thời, thiết bị của nhà thầu và trách nhiệm của nhà thầu đối với bên thứ ba, trong đó bao gồm trách nhiệm của bên được bảo hiểm đối với bên thứ ba đối với thương tích hoặc thiệt hại phát sinh trong quá trình xây dựng, thử nghiệm, vận hành thử hoặc bảo trì dự án khai thác mỏ.

Masan Tài Nguyên đã mua bảo hiểm khác liên quan đến giai đoạn vận hành thương mại chủ yếu bao gồm tất cả các rủi ro tổn thất vật chất hoặc thiệt hại đối với mỏ, các công trình, nhà máy, máy móc, thiết bị, hệ thống, cơ sở hạ tầng hỗ trợ và vật liệu xây dựng do bất kỳ nguyên nhân (trừ sự cố điện hoặc cơ khí của nhà máy và máy móc).

8.1.6 Giấy chứng nhận đầu tư

Giấy chứng nhận đầu tư của Dự Án Núi Pháo

Vào ngày 21 tháng 7 năm 2010, Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Thái Nguyên đã cấp cho Công Ty Núi Pháo Giấy Chứng Nhận Đầu Tư số 17121000026 để khai thác và chế biến vonfram, florit, bismut, đồng và vàng trên 9,211 km² diện tích dự án tại Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên.

Thời hạn của giấy chứng nhận đầu tư này là 30 năm kể từ ngày 3 tháng 2 năm 2004. Trong giấy chứng nhận sửa đổi bổ sung lần thứ hai ngày 6 tháng 2 năm 2013 đối với giấy chứng nhận đầu tư này, tổng vốn đầu tư được tăng lên khoảng 10.019 tỷ VNĐ (khoảng 477 triệu USD).

Giấy chứng nhận đầu tư để đầu tư và xây dựng nhà máy tinh luyện các sản phẩm vonfram công nghệ cao

Vào ngày 15 tháng 1 năm 2014, Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Thái Nguyên đã cấp cho Núi Pháo – H.C. Starck giấy chứng nhận đầu tư để xây dựng nhà máy công nghệ cao tại mỏ đa kim Núi Pháo để sản xuất APT/BTO/YTO giá trị cao theo công nghệ tiên tiến.

Thời hạn của giấy chứng nhận đầu tư này là 15 năm kể từ ngày cấp.

8.1.7 Giấy Phép Khai Thác Khoáng Sản

Vào ngày 17 tháng 6 năm 2005, Bộ TNMT đã cấp Giấy Phép Khai Thác Khoáng Sản số 1484/GP-BTNMT cho Nuiphaovica (“**Giấy Phép Khai Thác 1484**”). Do việc tái cấu trúc năm 2010, Giấy Phép Khai Thác Khoáng Sản mới số 1710/GP-BTNMT của Bộ TNMT ngày 21 tháng 9 năm 2010 (“**Giấy Phép Khai Thác Mới**”) đã được cấp cho Công Ty Núi Pháo, theo đó cho phép Công Ty Núi Pháo khai thác và chế biến vonfram, florit, bismut, vàng và đồng từ mỏ vonfram – đa kim Núi Pháo tại các Xã Hà Thượng, Hùng Sơn và Tân Linh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên. Giấy Phép Khai Thác 1484 đã được Bộ TNMT thu hồi theo Quyết Định số 1709/QĐ-BTNMT ngày 21 tháng 9 năm 2010.

Thời hạn của dự án khai thác mỏ lộ thiên của Công Ty Núi Pháo theo Giấy Phép Khai Thác Mới là 17,5 năm kể từ ngày được cấp Giấy Phép Khai Thác Mới trong đó giai đoạn 1,5 năm đầu tiên (nhưng không vượt quá tháng 3 năm 2012) để xây dựng cơ bản mỏ và thời hạn còn lại dành cho các hoạt động khai thác mỏ. Tổng diện tích khai thác mỏ là 90 hecta, trữ lượng khai thác là 83.220.000 tấn quặng vonfram – đa kim; và sản lượng khai thác là 3.500.000 tấn quặng vonfram – đa kim mỗi năm. Giấy Phép Khai Thác Mới có thể được gia hạn.

8.1.8 Cơ sở hạ tầng giao thông vận tải

Vị trí và hoạt động cảng

Các cảng của Hải Phòng và Quảng Ninh cách khu vực Dự Án Núi Pháo khoảng 200 km. Cả hai cảng đều thích hợp và đều được sử dụng để vận chuyển các thiết bị chính yếu cần cho việc xây dựng dự án và vật tư nội địa dùng cho nhà máy (chủ yếu là thuốc thử và bi nghiền quặng) vào Việt Nam, mà sau đó được vận chuyển đến khu vực dự án bằng đường bộ. Cảng Quảng Ninh được sử dụng để xuất khẩu florit và, nếu được xuất khẩu, tinh quặng đồng, mặc dù các cảng thay thế như cảng Cửa Lò và cảng Nghi Sơn có thể được sử dụng tùy thuộc vào hiệu quả kinh tế của tuyến đường vận chuyển và món nước của tàu thay thế. Các sản phẩm vonfram và bismut được bao gói và đóng thùng và có thể được chuyển đi từ các cảng đa năng. Tất cả các sản phẩm được vận chuyển giữa khu vực khai thác mỏ và mỗi cảng bằng đường bộ hoặc kết hợp giữa đường bộ và đường sắt.

Masan Tài Nguyên đang theo dõi tiến độ các dự án phát triển hạ tầng khác nhau mà các dự án này sẽ tăng cường hơn nữa khả năng vận chuyển và giảm chi phí. Các dự án này bao gồm việc nâng cấp để tăng giới hạn trọng tải tại các cảng trên bờ biển phía Bắc được nêu trong Kế Hoạch Phát Triển Tổng Thể Cảng Việt Nam đến năm 2020.

Cảng Hải Phòng và Cảng Quảng Ninh

Cảng Quảng Ninh có món nước 11m và có thể tiếp nhận các tàu 35.000 DWT với bảy cầu cảng có sẵn, đường sắt khổ đôi đang được xây dựng, nhà kho, bãi container và một trạm cân chịu tải trọng 10 tấn trên một mét vuông. Cảng này khá lợi thế so với Cảng Hải Phòng nơi có món nước 6,5m và có thể tiếp nhận các tàu từ 6.000 đến 9.000 DWT và phù hợp với hàng hóa vận chuyển bằng container hơn.

8.2 Lợi thế cạnh tranh của Masan Tài Nguyên

Masan Tài Nguyên, thông qua công ty thực hiện dự án của mình là Công Ty Núi Pháo, thực hiện Dự Án Núi Pháo, là mỏ vonfram mới đầu tiên được phát triển khai thác và sản xuất thành công trong 15 năm qua. Mỏ Núi Pháo là một trong những mỏ có trữ lượng vonfram tiềm năng đã được chứng minh cao nhất bên ngoài Trung Quốc. Trữ lượng florit và bismut của Dự Án Núi Pháo cũng là cao nhất thế giới xét về mặt trữ lượng có trong từng dự án riêng lẻ cũng như trong ngành công nghiệp sản xuất florit và bismut mang tính phân tán cao. Các sản phẩm chính của Dự Án Núi Pháo, gồm vonfram, florit và bismut, là các kim loại chiến lược cần cho ngành công nghiệp nhôm thép, cũng như nhiều ứng dụng công nghiệp và sản phẩm tiêu dùng khác trên thế giới hiện nay.

Masan Tài Nguyên tin rằng, so với các công ty trong cùng ngành công nghiệp, thành công tính đến ngày hôm nay và tiềm năng phát triển trong tương lai của Masan Tài Nguyên là nhờ tổng hòa các lợi thế sau đây:

Masan Tài Nguyên là một trong những nhà sản xuất vonfram, florit và bismut hàng đầu thế giới bên ngoài Trung Quốc

Masan Tài Nguyên tin rằng Dự Án Núi Pháo là một trong những mỏ có trữ lượng vonfram tiềm năng được chứng minh cao nhất bên ngoài Trung Quốc, chiếm hơn 60% trữ lượng vonfram của thế giới. Trong ngành công nghiệp sản xuất florit và bismut toàn cầu mang tính phân tán cao, trữ lượng florit và bismut của mỏ Núi Pháo cũng là cao nhất thế giới xét về mặt trữ lượng có trong từng dự án riêng lẻ. Căn cứ vào kết quả sản xuất của Masan Tài Nguyên và thông tin về sản lượng toàn cầu của Cục Khảo Sát Địa Chất Hoa Kỳ năm 2015, Masan Tài Nguyên dự kiến sản phẩm của mình chiếm 20% thị phần vonfram bên ngoài Trung Quốc và 4% thị phần vonfram toàn cầu.

Dựa trên các ước tính trữ lượng hiện tại và điều kiện thị trường hiện nay, Masan Tài Nguyên dự kiến Dự Án Núi Pháo sẽ tiếp tục là một trong những nguồn sản xuất vonfram, florit cấp axit và bismut hàng đầu thế giới bên ngoài Trung Quốc. Ngoài ra, nhà máy chế biến sâu của Masan Tài Nguyên chế biến tinh quặng vonfram thành sodium tungstate, một sản phẩm giá trị gia tăng, và liên doanh của Masan Tài Nguyên với H.C. Starck, một trong những nhà sản xuất sản phẩm vonfram hàng đầu thế giới, sẽ tiếp tục nâng cao năng lực chế biến và đa dạng hóa các loại sản phẩm của Masan Tài Nguyên.

Các nền tảng trung và dài hạn bên vững đối với vonfram

Theo Cục Khảo Sát Địa Chất Hoa Kỳ, Trung Quốc đang thống lĩnh ngành sản xuất vonfram, florit và bismut, ước tính cung ứng lần lượt 82,5%, 64% và 90,5% sản lượng vonfram, florit và bismut toàn cầu, trong năm 2014. Những năm gần đây, Trung Quốc duy trì chính sách công sử dụng những kim loại và khoáng sản này cho nhu cầu tiêu thụ nội địa đang tăng và hạn chế xuất khẩu. Đây là một trong những yếu tố dẫn đến tăng giá khoảng 57% đối với vonfram và 24% đối với florit, là hai kim loại tạo nguồn doanh thu lớn nhất của Masan Tài Nguyên, kể từ ngày mua lại Dự Án Núi Pháo đến ngày 30 tháng 6 năm 2013. Masan Tài Nguyên tin rằng vì Trung Quốc sẽ tiếp tục chính sách công hạn chế xuất khẩu để đáp ứng nhu cầu trong nước, nhu cầu đối với các kim loại và khoáng sản mà Dự Án Núi Pháo sản xuất sẽ tăng.

Mỏ Núi Pháo và các khu vực lân cận có trữ lượng lớn để hỗ trợ kế hoạch tăng trưởng của Masan Tài Nguyên trong tương lai

Dựa trên trữ lượng được ước tính ban đầu bởi AMEC và ước tính lại năm 2011 và năm 2014 bởi Cube Consulting phù hợp với Mã JORC, mỏ Núi Pháo được xem là một trong các mỏ vonfram lớn nhất được xác định bên ngoài Trung Quốc, với trữ lượng quặng tiềm năng đã được chứng minh là 66 triệu tấn. Về bản chất, mỏ Núi Pháo là mỏ lộ thiên nơi có thể tìm thấy các vỉa khoáng sản hoặc đá có giá trị thương mại gần bề mặt, do đó chi phí khai thác thấp hơn so với chi phí khai thác mỏ dưới lòng đất. Thời hạn khai thác của Dự Án Núi Pháo được dự kiến kéo dài hơn 16 năm. Hơn nữa, Masan Tài Nguyên tin rằng khả năng mở rộng dự án thông qua việc mua lại các mỏ lân cận để khai thác và chế biến sẽ cho phép Masan Tài Nguyên tăng sản lượng trong sự tăng trưởng bền vững và dài hạn, tùy thuộc vào khả năng

chuyển đổi các mỏ được mua lại trong tương lai thành trữ lượng quặng có thể thu hồi một cách hợp pháp và có hiệu quả kinh tế.

Mạng lưới khách hàng ổn định toàn cầu

Masan Tài Nguyên tin rằng Masan Tài Nguyên đã phát triển mạng lưới khách hàng lớn ổn định trên phạm vi toàn cầu. Masan Tài Nguyên bán phần lớn các sản phẩm của mình cho các khách hàng theo các hợp đồng bao tiêu dài hạn. Sản phẩm florit được bán cho các khách hàng tiêu thụ lượng florit cấp axit lớn nhất thế giới thông qua CMC Cometals theo một hợp đồng có thời hạn 6 năm được tự động gia hạn lần đầu thêm thời hạn 4 năm và sau đó gia hạn thêm các thời hạn 1 năm. Sản phẩm bismut được bán cho 5N Plus Inc. theo hợp đồng bao tiêu có thời hạn 5 năm được tự động gia hạn thêm các thời hạn 5 năm. Giá theo các hợp đồng này thông thường được tính theo công thức xác định trong ít nhất 12 tháng có tham chiếu đến mức giá tham chiếu trên thị trường quốc tế của sản phẩm có liên quan. Masan Tài Nguyên tin rằng nền tảng khách hàng ổn định của mình và các hợp đồng dài hạn đã chứng minh mối quan hệ chặt chẽ với khách hàng, chất lượng sản phẩm và trình độ cung ứng dịch vụ mà Masan Tài Nguyên đã đạt được.

Nhà sản xuất vonfram, florit và bismut với chi phí thấp với tiềm năng cải thiện và nâng cao hiệu quả

Masan Tài Nguyên tin rằng Masan Tài Nguyên là nhà sản xuất vonfram, florit và bismut với chi phí thấp so với các đối thủ cạnh tranh của mình nhờ điều kiện địa chất thuận lợi của các quặng sắt trong vỉa khoáng sản của Masan Tài Nguyên. Mỏ Núi Pháo là mỏ lộ thiên nên dẫn đến chi phí khai thác thấp hơn và hệ số bóc đất đá tương đối thấp so với khai thác mỏ dưới lòng đất. Masan Tài Nguyên tin rằng chi phí sản xuất của mình thấp hơn các đối thủ cạnh tranh chính bên ngoài Trung Quốc, cụ thể là các nhà sản xuất tại Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Úc, do các dự án khai thác mỏ dưới lòng đất của nhà sản xuất này đòi hỏi chi phí sản xuất cao, chẳng hạn như quy trình khai thác nghiêm ngặt, chi phí cơ sở hạ tầng và chi phí nhân công cao hơn.

Masan Tài Nguyên đã tập trung đặc biệt vào thiết kế và xây dựng Dự Án Núi Pháo để đảm bảo rằng thiết kế và xây dựng được tiến hành theo tiêu chuẩn quốc tế. Nhà máy Núi Pháo được xây dựng có tuổi thọ và khối lượng chế biến tương xứng với thời hạn của Dự Án và sức tăng trưởng và khả năng sản xuất dự kiến. Hơn nữa, Masan Tài Nguyên tin rằng sự kết hợp các nhà máy chế biến của mình, cụ thể là nhà máy chế biến hiện tại, nhà máy chế biến sâu tích hợp và nhà máy chế biến sodium tungstate trong liên doanh với H.C. Starck, sẽ tăng hiệu quả của các nhà máy này và vì vậy mang lại chi phí sản xuất thấp hơn.

Đội ngũ quản lý và điều hành giàu kiến thức và kinh nghiệm đã được kiểm chứng

Nhiều nhân sự quản lý và điều hành cấp cao của Masan Tài Nguyên có kinh nghiệm đã được kiểm chứng trong các ngành công nghiệp phát triển hạ tầng tài nguyên và khai thác khoáng sản, cả quốc tế lẫn tại Việt Nam. Ông Dominic John Heaton, Tổng Giám Đốc của Công Ty, có hơn 20 năm kinh nghiệm trong việc phát triển và quản lý các dự án khai thác khoáng sản trong khu vực Đông Nam Á. Ông Vũ Hồng, Phó Tổng Giám Đốc của Công Ty Núi Pháo, có hơn 30 năm kinh nghiệm, trong đó có kinh nghiệm làm việc cho Ngân Hàng Thế Giới, chủ yếu làm việc trong khu vực Đông Nam Á tại các dự án phát triển và hạ tầng cơ sở. Masan Tài Nguyên tin rằng bí quyết trong quy trình kỹ thuật, trình độ kinh nghiệm và chuyên môn cao của đội ngũ quản lý và điều hành Masan Tài Nguyên đã thúc đẩy đáng kể sự phát triển và

quản lý Dự Án Núi Pháo phù hợp với các thông lệ quốc tế tốt nhất, và sẽ tiếp tục duy trì hoạt động hiệu quả của Masan Tài Nguyên. Vui lòng xem phần có tiêu đề “*Quản Trị Công Ty*” để biết thêm thông tin chi tiết về đội ngũ quản lý.

Thành tựu mang tính đột phá trong hoạt động kinh doanh

Sau khi tiếp quản Dự Án Núi Pháo vào tháng 9 năm 2010, với sự hỗ trợ từ MSN, công ty mẹ duy nhất của mình, Masan Tài Nguyên đã tập trung vào các hoạt động cần thiết để hoàn tất các yêu cầu pháp lý, bảo đảm nguồn vốn và thúc đẩy phát triển của Dự Án Núi Pháo. Do đó, trong vòng ba năm, Masan Tài Nguyên đã biến đổi Dự Án Núi Pháo từ một dự án bị đình trệ do không triển khai dưới sự quản lý của chủ sở hữu trước đó trở thành dự án hoạt động quy mô lớn bắt đầu sản xuất thương mại vào năm 2013. Masan Tài Nguyên tin rằng các thành tựu của mình đối với Dự Án Núi Pháo đã chứng minh các công ty trọng Masan Tài Nguyên, nhân sự quản lý và điều hành của Masan Tài Nguyên có khả năng triển khai hiệu quả các dự án tài nguyên mới khi xuất hiện các cơ hội mới để sáp nhập hoặc mua lại.

Cơ cấu vốn vững mạnh

Kể từ khi khởi động Dự Án Núi Pháo, Masan Tài Nguyên đã chủ động đảm bảo tài chính, quản lý các chi phí và tiến độ dự án trong suốt quá trình giải tỏa mặt bằng và tái định cư, quá trình xây dựng và phát triển dự án. Masan Tài Nguyên có khả năng thu hút mạnh mẽ sự quan tâm của các đối tác đối với dự án, bao gồm các khoản đầu tư 120 triệu USD của Mount Kellett Capital Management L.P. và 28 triệu USD của PENM Partners. Masan Tài Nguyên cũng đã huy động 6.800 tỷ VND trái phiếu từ các ngân hàng trong nước và khoảng 1.780 tỷ VND tín dụng trong nước cho các mục đích phát triển dự án và cấp vốn lưu động cho dự án. Việc quản lý tài chính cẩn trọng và dòng tiền ổn định từ việc bán các sản phẩm theo các hợp đồng bao tiêu từ khi dự án bắt đầu hoạt động thương mại đã cho phép Masan Tài Nguyên duy trì một cơ cấu vốn vững mạnh đáp ứng đủ vốn lưu động.

Khả năng tận dụng sự hỗ trợ tối đa, điều kiện tài chính và vị thế trên thị trường của công ty mẹ, MSN

MSN, công ty mẹ duy nhất của Masan Tài Nguyên, là một trong các công ty tư nhân lớn nhất tại Việt Nam tập trung vào ngành hàng tiêu dùng, tài nguyên và ngân hàng. Nguồn vốn từ MSN là phương tiện để thực hiện Dự Án Núi Pháo. Sự phát triển của Dự Án Núi Pháo, cũng như kế hoạch kinh doanh và các chiến lược tăng trưởng trong tương lai của Masan Tài Nguyên, là phù hợp với tầm nhìn của MSN trong việc hình thành các công ty dẫn đầu thị trường và phát triển quy mô thông qua tập trung và hợp nhất. Masan Tài Nguyên tin rằng Masan Tài Nguyên sẽ có thể tận dụng chuyên môn, nguồn vốn và mối quan hệ của MSN khi Masan Tài Nguyên tìm kiếm các cơ hội để phát triển hoạt động kinh doanh của mình trong các dự án tài nguyên mới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng người lao động trong Dự Án Núi Pháo

Masan Tài Nguyên sử dụng 1.128 lao động tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho Dự Án Núi Pháo.

Bảng dưới đây thể hiện tổng số lao động phân theo trình độ và thời hạn hợp đồng lao động tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2015:

	Số lao động
Trình độ	
Thạc sĩ trở lên	17
Đại học	445
Cao đẳng	88
Trường trung cấp nghề	352
Trung học và thấp hơn	226
Tổng số lao động	<u>1.128</u>
Loại hợp đồng lao động	
Không xác định thời hạn	209
Xác định thời hạn	897
Dưới 12 tháng	22
Tổng số lao động	<u>1.128</u>

9.2 Chính sách đào tạo, lương, thưởng, phụ cấp/phúc lợi

Giờ làm việc, giờ nghỉ ngơi, ca làm việc

Điều kiện làm việc	Ngày làm việc : ngày nghỉ	Số giờ làm việc tiêu chuẩn mỗi ngày	Tổng số giờ làm việc tiêu chuẩn theo tuần
Thông thường	6:1	8	48
Cực kỳ độc hại và nặng nhọc	6:1	6	36

Tuy nhiên, để đảm bảo kế hoạch sản xuất liên tục 24 giờ mỗi ngày, 365 ngày mỗi năm, Masan Tài Nguyên sẽ làm việc với công đoàn và sắp xếp cho người lao động của mình làm việc theo ca và có các ngày nghỉ bù trên cơ sở đảm bảo rằng tổng số giờ làm việc trong một ngày hoặc một tuần sẽ không vượt quá mức sau:

Số	Tổng số giờ	Điều kiện làm việc		
		Bình thường	Độc hại hoặc nặng nhọc	Cực kỳ độc hại hoặc nặng nhọc
1.	Tăng ca cho một ngày	≤ 4 giờ	≤ 4 giờ	≤ 3 giờ
2.	Tăng ca cho một tuần	≤ 16 giờ	≤ 16 giờ	≤ 12 giờ
3.	Tăng ca cho 4 ngày liên tục	≤ 14 giờ	≤ 14 giờ	≤ 10 giờ

Nghỉ hàng năm, phúc lợi/trợ cấp

Số năm làm việc	Ngày nghỉ phép hàng năm theo điều kiện làm việc (ngày)		
	Bình thường	Độc hại hoặc nặng nhọc	Cực kỳ độc hại hoặc nặng nhọc
1-5	12	14	16
6-10	13	15	17
11-15	14	16	18
16-20	15	17	19
20-25	16	18	20
25-30	17	19	21

Trong trường hợp làm việc dưới 12 tháng, ngày nghỉ sẽ được tính theo tỷ lệ tương ứng với số tháng làm việc.

Công thức sau đây được sử dụng để tính ngày nghỉ được hưởng hàng tháng:

$$\left(\begin{array}{c} \text{Tổng ngày nghỉ phép hàng} \\ \text{năm} \end{array} \right) \times \begin{array}{c} \text{Số tháng làm} \\ \text{việc} \end{array} = \begin{array}{c} \text{Ngày nghỉ hàng năm được} \\ \text{hưởng} \end{array}$$

Các biện pháp đảm bảo vệ sinh và an toàn lao động

Y tế

Các mục tiêu

Các mục tiêu y tế của Masan Tài Nguyên là để đảm bảo các công nhân của mình không gặp các rủi ro nghề nghiệp có ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe của họ, và Masan Tài Nguyên có đội ngũ nhân viên y tế có năng lực và được trang bị tốt để sẵn sàng hỗ trợ sức khỏe và thể lực của các công nhân của mình và rộng hơn là cộng đồng (kể cả các trường hợp khẩn cấp).

Thực hiện

Năm 2014, bộ phận y tế và an toàn lao động chăm sóc hơn 3.330 bệnh nhân trong phòng khám, tiếp tục kiểm tra và đảm bảo tính an toàn của môi trường làm việc trong khu vực dự án, nâng cao phát triển chuyên môn và thậm chí hiến máu để tăng cường nguồn cung cấp cho địa phương. Họ cũng tham gia cứu sống hai người dân địa phương bị tai nạn giao thông ở gần dự án.

Masan Tài Nguyên điều hành một phòng khám y tế được trang bị tốt và có đội ngũ nhân viên y tế đầy đủ trong khu vực dự án. Trong năm 2014, hơn 3.330 bệnh nhân được chữa trị tại phòng khám (so với 2.350 bệnh nhân năm 2013) do các bệnh tai, mũi và họng (chủ yếu), nhiễm trùng da, các vấn đề tiêu hóa, vấn đề xương cơ bắp và một loạt các bệnh khác. Đội ngũ nhân viên y tế đã sơ cứu cho 135 bệnh nhân trong năm 2014.

Đội ngũ nhân viên y tế cũng thực hiện “kiểm tra sức khỏe” theo quy định của chính phủ cho hơn 1.000 lao động trong năm 2014.

Hàng quý đội ngũ nhân viên y tế cũng thực hiện việc theo dõi môi trường làm việc trong các khu vực tiềm ẩn rủi ro cao (như nhà máy chế biến và nhà máy APT). Các đợt theo dõi để kiểm tra các rủi ro tiềm ẩn về sức khỏe liên quan đến tiếng ồn, bụi và/hoặc ô nhiễm không khí và nếu kết quả là có rủi ro cao, công tác khắc phục sẽ được thực hiện.

Bộ phận y tế và an toàn lao động hàng tuần cũng thực hiện kiểm tra các khu vực chuẩn bị và tiêu thụ thực phẩm trong năm 2014 và đưa ra các khuyến nghị để cải thiện vệ sinh và hoạt động chế biến, bảo quản và chuẩn bị thực phẩm, tránh bất kỳ việc ngộ độc thực phẩm hoặc bùng phát dịch bệnh ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân.

Masan Tài Nguyên đã liên tục tiêm vắc xin cho những người lao động có nguy cơ cao bị nhiễm khuẩn và bệnh truyền nhiễm như viêm gan A và B, thương hàn, uốn ván, viêm màng não và cúm.

An toàn lao động

Mục Tiêu

Thành lập một bộ phận phụ trách an toàn lao động vững mạnh ngay tại khu vực xây dựng vào năm trước, bộ phận y tế và an toàn lao động tập trung vào việc xây dựng văn hóa an toàn lao động vững mạnh và các công nhân có kỹ năng tiếp thu và áp dụng các yêu cầu an toàn lao động. Mục tiêu đầu tiên của Masan Tài Nguyên – tại thời điểm hiện tại và luôn luôn – là đảm bảo toàn bộ người lao động về nhà an toàn sau mỗi ca làm việc, và Masan Tài Nguyên mong muốn điều tương tự từ các nhà thầu của mình.

Thực hiện

Trong năm 2014, Masan Tài Nguyên đã tiến hành tập huấn thêm về chính sách ‘Tạm Dừng 5 Phút’ để phân tích nguy cơ trong lao động. Buổi tập huấn hướng dẫn người lao động và nhà thầu trong khu vực mô cách xác định các nguy cơ tiềm tàng liên quan đến công việc họ sắp thực hiện, và cách để tránh hoặc giảm thiểu các nguy cơ đó trước khi bắt đầu công việc.

Masan Tài Nguyên đã phát hành 38 thông cáo an toàn lao động (dạng bản tin) được đặt xung quanh khu vực nhà máy và các thông cáo này cung cấp thông tin chi tiết về các sự cố hoặc tình huống cận nguy, để các công nhân có thể rút kinh nghiệm từ các sự kiện này.

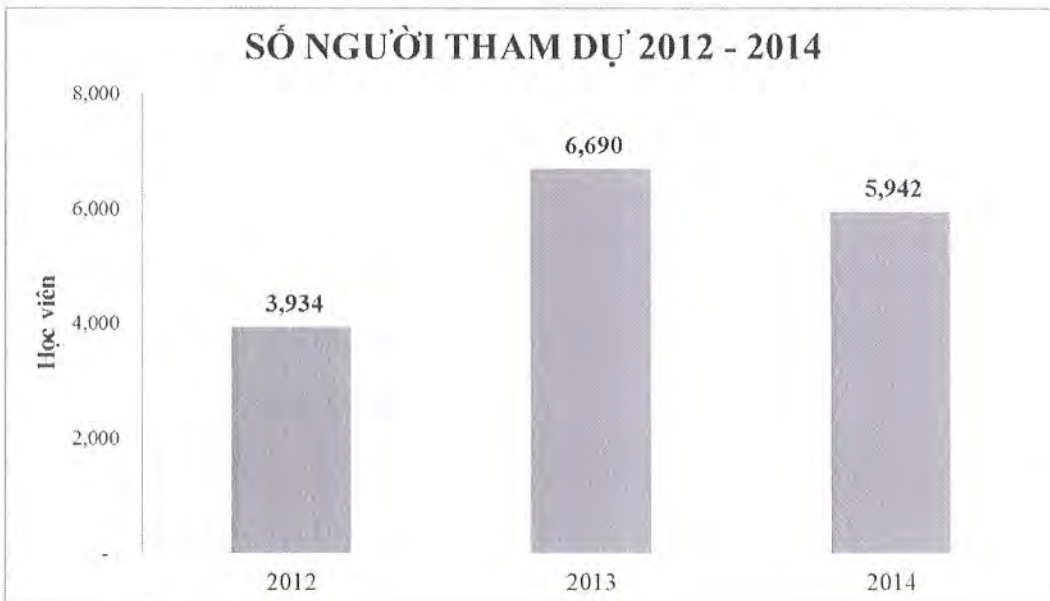
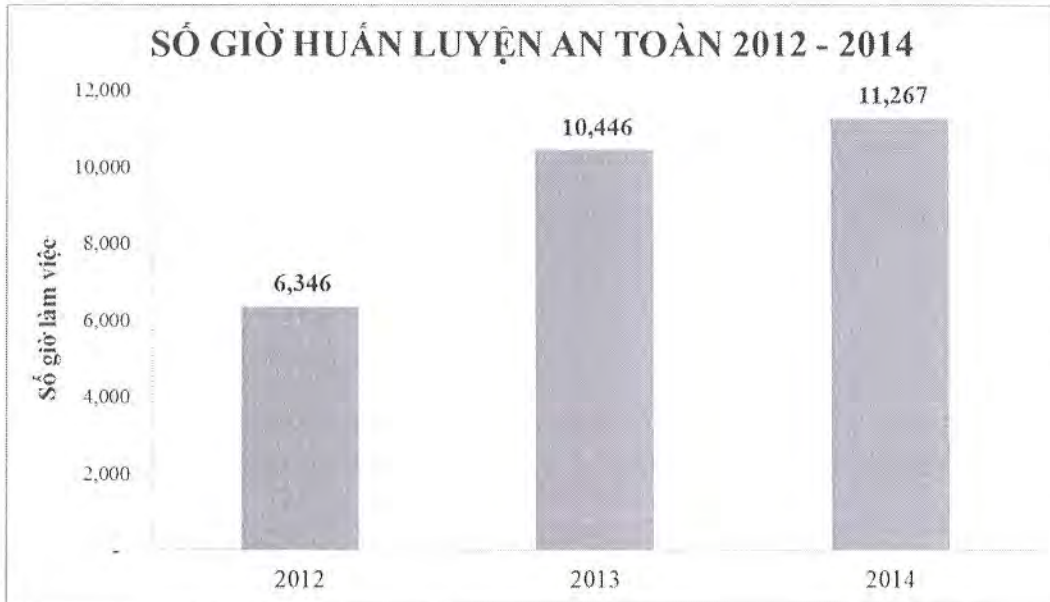
Các công nhân của nhà thầu của Masan Tài Nguyên, Lieogi, đã tìm thấy vũ khí chưa nổ (UXO) bị che lấp. Khu vực này ngay lập tức được di tản và UXO được báo cáo cho ban quản lý trước khi được người có thẩm quyền tháo gỡ.

Masan Tài Nguyên đã đánh dấu Tuần Lễ An Toàn Lao Động vào tháng 3 năm 2014 với một buổi trao tặng mũ bảo hiểm xe máy chất lượng cho 2.500 người lao động, tiếp nối phong trào tặng 2.000 mũ bảo hiểm cho công nhân vào năm 2013.

Vào năm 2013, Masan Tài Nguyên báo cáo đã phát triển 16 tiêu chuẩn quản lý thực hành an toàn lao động và y tế để hướng dẫn người lao động của mình cách thức làm việc an toàn. Trong năm 2014, Masan Tài Nguyên tiến tới áp dụng các tiêu chuẩn này cho dự án. Vào

tháng 2 năm 2014, Masan Tài Nguyên cũng triển khai hệ thống báo cáo tai nạn và sự cố trong phạm vi khu vực mỏ được gọi là OccSafe. Hệ thống điện tử này cho phép bất kỳ người nào trong khu vực báo cáo một tai nạn hoặc sự cố về an toàn lao động, mà sau đó sự cố này được báo cho bộ phận có trách nhiệm liên quan, việc đánh giá mức độ rủi ro sẽ được tiến hành và công tác khắc phục sẽ được thực hiện.

Bộ phận y tế và an toàn lao động đã thực hiện gần 12.500 giờ tập huấn trong năm 2014 cho hơn 5.977 công nhân (so với gần 10.000 giờ tập huấn được thực hiện vào năm 2013 cho gần 6.000 công nhân) về quy trình an toàn lao động và phân tích nguy cơ trong công việc.



Đội phản ứng khẩn cấp đã tham gia hàng loạt các buổi tập huấn chuyên ngành và diễn tập khẩn cấp trong năm 2014 bao gồm cứu hộ bằng dây thừng, phản ứng với tràn chất hóa học,

phòng cháy chữa cháy, di tản, dò tìm khí nổ và sử dụng thiết bị thở độc lập, kiểm soát tài liệu và '5S'.

Masan Tài Nguyên đang chuẩn bị cho Tuần Lễ An Toàn Lao Động 2015 trong đó Masan Tài Nguyên sẽ tổ chức các hoạt động cho Tỉnh Thái Nguyên. Hơn 250 người từ khắp nơi của tỉnh sẽ tham gia các hoạt động, bao gồm cả việc tham quan khu vực mỏ của Dự Án Núi Pháo.

Sự kiện quan trọng năm 2014

- Không có tai nạn và đạt 7,5 triệu giờ làm việc không có chấn thương phải nghỉ việc.
- Tặng 110 phần thưởng an toàn lao động để công nhận những công nhân thực hiện các yêu cầu an toàn lao động.
- Cải thiện hệ thống chữa cháy trong nhà máy.
- Thực hiện hơn 12.500 giờ tập huấn cho hơn 5.977 công nhân.

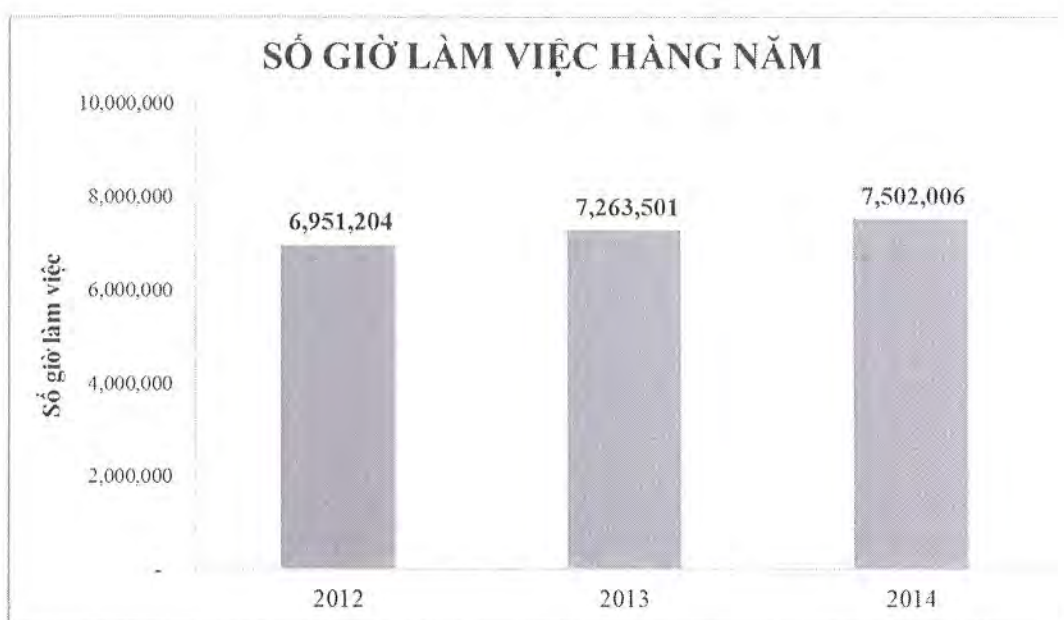
Các thành tựu năm 2014

- Duy trì không có tai nạn chết người nào khi chuyển đổi từ giai đoạn xây dựng sang giai đoạn vận hành – Vào cuối tháng 12 năm 2014, Masan Tài Nguyên vẫn duy trì không có tai nạn chết người nào.
- Duy trì LTIFR ở mức 0 – Vào cuối tháng 12 năm 2014, LTIFR là 0,13 do có một vụ chấn thương phải nghỉ việc vào tháng 2.
- Giảm tổng sự cố được báo cáo (TRI) xảy ra trong khu vực – Vào cuối tháng 12 năm 2014, TRIFP là 1,73, cao hơn năm 2013 (0,96). Masan Tài Nguyên kết thúc năm với TRIFR ở mức 0,96, thấp hơn tháng 6 (1,27), nhưng vẫn khá cao.
- Tiếp tục khuyến khích báo cáo tình huống cận nguy/hành vi không tuân thủ - đã có 24 tình huống cận nguy/hành vi không tuân thủ được báo cáo trong năm 2014. Masan Tài Nguyên tin rằng điều này phản ánh nhận thức về an toàn lao động đang được nâng cao. 32 tình huống cận nguy/hành vi không tuân thủ được báo cáo trong năm 2013. Masan Tài Nguyên muốn xác định các tình huống cận nguy và xử lý các tình huống đó hơn là để sự cố thực sự xảy ra.
- Tiếp tục xác định và tiến hành tập huấn để xử lý các khuynh hướng mới phát sinh có ảnh hưởng tiêu cực đến an toàn lao động – Masan Tài Nguyên đã tổ chức hơn 12.500 giờ tập huấn cho 5.977 công nhân, bao gồm tập huấn về Cách Ly An Toàn Khi Làm Việc và nhận biết chất hóa học. Masan Tài Nguyên đã mở các buổi tập huấn về xác định nguy cơ và báo cáo sự cố cho tất cả các công nhân năm 2013.

Mục tiêu năm 2015

- LTIFR trở về mức 0 và đạt TRIFR < 1.0 vào cuối năm 2015.
- Đạt được 15 triệu giờ làm việc không có chấn thương phải nghỉ việc.

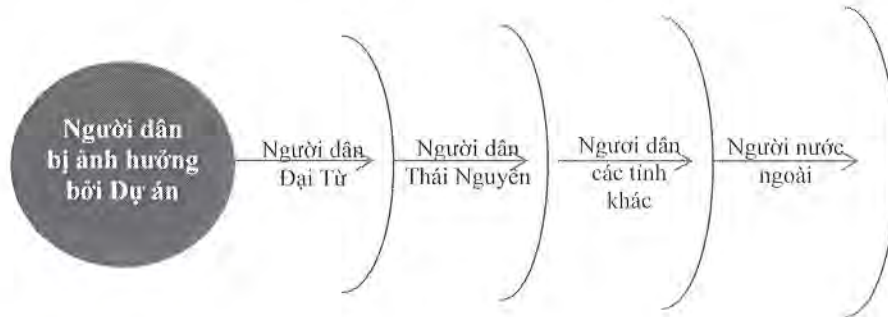
- Thực hiện khoảng 350 lần kiểm tra an toàn xe cơ giới, 5.000 lần kiểm tra nồng độ cồn trong máu và 150 lần kiểm tra ma túy để đảm bảo người lao động phù hợp với công việc.
- Thành lập ủy ban an toàn, sức khỏe, môi trường và cộng đồng và chương trình hợp (hoạt động này thay thế cho các mục tiêu đề ra trong báo cáo năm trước mà các mục tiêu đã không diễn ra).
- Tập huấn các nhân viên được lựa chọn về phân tích nguyên nhân gốc rễ và quản trị rủi ro.
- Khởi động chương trình Quản Trị Thay Đổi Nhận Thức Về An Toàn.



Chính sách tuyển dụng và tập huấn

Chính sách tuyển dụng

Với mục đích tuyển dụng những lao động có chất lượng cho mỗi vị trí, tiết kiệm chi phí nhân công và trách nhiệm xã hội của Masan Tài Nguyên tại địa phương, chính sách tuyển dụng được lập dựa vào tỉ lệ khan hiếm của thị trường lao động được thể hiện theo đồ thị dưới đây:



Chính sách đào tạo

Với mục đích đảm bảo nguồn lao động sẵn có đáp ứng các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn của mình, Masan Tài Nguyên đánh giá cao tầm quan trọng của việc đào tạo và phát triển người lao động, đặc biệt là người lao động Việt Nam. Do vậy, công tác đào tạo được thực hiện theo hai hình thức sau:

- Đào tạo nội bộ; và
- Đào tạo dựa trên các khóa đào tạo chuyên môn.

Theo các chính sách được đề cập trên, Masan Tài Nguyên đã thực hiện một số khóa đào tạo cho người lao động, trong đó:

- Đào tạo dài hạn (trên 2 năm): 2 người lao động;
- Đào tạo trung hạn (từ 12 đến 20 tháng): 230 người lao động; và
- Đào tạo ngắn hạn (03 tháng hoặc ít hơn): hơn 500 người lao động.

Lương, thưởng, phúc lợi cho người lao động

Chế độ lương thưởng

- Lương: Người lao động của Masan Tài Nguyên được trả lương theo giờ làm việc. Để bảo đảm sự công bằng trong nội bộ và khuyến khích lao động, lương thưởng được áp dụng theo phương thức “3P” (Position, Personal Competence, Performance):
 - Trả lương theo **Vị Trí**: Mỗi vị trí được xác định giá trị đóng góp trong công việc, tương ứng với mỗi vị trí sẽ là một mức lương cụ thể;

- Trả lương theo **Năng Lực Cá Nhân**: tương ứng với mỗi kỹ năng cá nhân sẽ là mức lương tương ứng áp dụng cho các cá nhân cụ thể; và
- Trả lương theo **Kết Quả Công Việc**: Kết quả công việc của nhân viên được đánh giá định kỳ mỗi 06 tháng. Việc đánh giá kết quả công việc là yếu tố quan trọng để xem xét lương phù hợp với đóng góp của mỗi cá nhân.
- **Thưởng**: Thưởng theo kết quả công việc cho các mục tiêu đạt được mang tính chất tri ân dựa trên tình hình tài chính và chính sách lương thưởng của Masan Tài Nguyên. Hai (02) hình thức thưởng dành cho nhân viên của Masan Tài Nguyên bao gồm:
 - Thưởng theo kết quả công việc của nhân viên: Phụ thuộc vào kết quả công việc của mình, nhân viên được thưởng như sau:

	Kết Quả Công Việc	Thưởng
1.	Biểu hiện ít hoặc không chuyên nghiệp	Không có thưởng
2.	Biểu hiện chuyên nghiệp ở một mức độ nhất định	Thưởng 0,5 tháng lương
3.	Biểu hiện chuyên nghiệp như mong đợi	Thưởng 1 tháng lương
4.	Biểu hiện chuyên nghiệp hơn mong đợi rất đáng kể	Thưởng 1,5 tháng lương
5.	Biểu hiện chuyên nghiệp vượt trội	Thưởng 2 tháng lương

- **Giải thưởng ngôi sao hàng tháng**: Với mục tiêu công nhận ngay cá nhân có biểu hiện xuất sắc trong tháng, người được trao giải được nhận một khoản tiền không quá 2.000.000 VNĐ cho mỗi lần được thưởng để thanh toán các chi phí cá nhân như thực phẩm, mua sắm hoặc giải trí...
- **Các phúc lợi khác**
 - **Bữa ăn, chi phí chỗ ở và đi lại**: Đối với người lao động được tuyển dụng từ các tỉnh khác để làm việc cho Dự Án Núi Pháo, họ được cung cấp bữa ăn và chi phí chỗ ở tương ứng với vị trí được giao cũng như được trợ cấp chi phí đi lại khi đang làm nhiệm vụ hoặc không làm nhiệm vụ.
 - **Bảo hiểm y tế và tai nạn**: Người lao động và người phụ thuộc của họ có thể được cung cấp bảo hiểm sức khỏe 24 giờ.

Công đoàn, thỏa ước lao động tập thể

Công đoàn của Công Ty Núi Pháo đã được thành lập phù hợp với quy định của pháp luật.

Thỏa ước lao động tập thể của Công Ty Núi Pháo đã được đăng ký với Sở Lao Động, Thương Binh Và Xã Hội Tỉnh Thái Nguyên vào ngày 17 tháng 11 năm 2012.

10. Chính sách cổ tức

Vì Dự Án Núi Pháo chỉ mới bắt đầu sản xuất thương mại vào tháng 3 năm 2014 và yêu cầu xoay vòng vốn trong hoạt động kinh doanh, Công Ty chưa có chính sách chia cổ tức cố định đối với các cổ phần phổ thông. Việc chia cổ tức sẽ phụ thuộc vào hoạt động kinh doanh, kế hoạch đầu tư, doanh thu, điều kiện tài chính, nhu cầu tiền mặt của Masan Tài Nguyên, và những yếu tố khác có thể được cho là liên quan tại thời điểm đó.

Ngay khi bắt đầu chia cổ tức định kỳ, Công Ty sẽ thông qua một chính sách chia cổ tức gia tăng có xem xét đến sự phát triển cơ bản về doanh thu của Masan Tài Nguyên, cũng như là nhu cầu vốn và dòng tiền của Masan Tài Nguyên, trong khi duy trì một mức chia cổ tức phù hợp.

Bất kỳ việc công bố chia cổ tức nào cũng phải được chấp thuận bởi các cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Công Ty sẽ không công bố hoặc thực hiện việc chia cổ tức đối với bất kỳ khoản tiền nào ngoài khoản lợi nhuận và khoản dự trữ có thể phân chia một cách hợp pháp của Công Ty. Mọi công bố chia cổ tức của Công Ty trong tương lai có thể hoặc không thể phản ánh quá trình công bố chia cổ tức của Công Ty trước đây và sẽ theo toàn quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

Cổ tức có thể được trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần hoặc các tài sản khác được các cổ đông chấp thuận. Trường hợp thanh toán bằng tiền mặt, cổ tức sẽ được chia bằng VND.

Công Ty chưa chia bất kỳ cổ tức nào đối với cổ phần phổ thông trong bất kỳ năm nào trong ba năm tài chính trước đó.

Các cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi cổ tức có quyền nhận cổ tức theo tỷ lệ sở hữu của họ cùng với số tiền cổ tức cố định là 3% một năm trên giá đặt mua cổ phần cho năm đầu tiên và 10% một năm trên giá đặt mua cổ phần cho thời hạn còn lại cho đến ngày chuyển đổi. Cổ tức được trả cho cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi trong năm tài chính 2013 là 7.746 triệu VND và trong năm tài chính 2014 là 33.696 triệu VND.

11. Tình hình tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Công Ty tuân thủ các Chuẩn Mục Kế Toán Việt Nam phù hợp với Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính ngày 20 tháng 3 năm 2006, như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, có một số thay đổi trong các chính sách kế toán và trình bày thông tin trên báo cáo tài chính của Tập Đoàn Masan và Công Ty căn cứ vào các hướng dẫn áp dụng của Thông Tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (thay thế Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006) và Thông Tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành.

11.1.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công Ty bắt đầu ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12 của mỗi năm dương lịch.

11.1.2 Trích khấu hao tài sản cố định

Máy móc thiết bị và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản được khấu hao dựa trên trữ lượng khoáng sản theo phương pháp khối lượng. Trữ lượng khoáng sản là sản lượng quặng ước tính có thể khai thác được một cách hợp pháp và có hiệu quả kinh tế từ tài sản khoáng sản của Masan Tài Nguyên. Đối với các tài sản cố định khác, khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản đang tiến hành trong giai đoạn phát triển mỏ và các giai đoạn xây dựng, lắp đặt và vận hành thử của Dự Án Núi Pháo. Khấu hao được tính theo quy định của pháp luật. Chính sách khấu hao không thay đổi trong suốt năm 2014 so với năm trước.

11.1.3 Lương bình quân của người lao động

Lương bình quân và tiền công hàng tháng của Masan Tài Nguyên là 23 triệu VND mỗi người.

11.1.4 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Masan Tài Nguyên đã thanh toán đầy đủ và đúng hạn tất cả các khoản nợ đến hạn.

11.1.5 Các khoản phải nộp theo luật định

Tính đến ngày lập Bản Thông Tin Tóm Tắt này, Masan Tài Nguyên đã thanh toán đầy đủ tất cả các khoản thuế và phí, lệ phí phù hợp với pháp luật áp dụng.

Các mức thuế suất được áp dụng như sau:

- Thuế VAT đối với các ngành hàng kinh doanh: 10%; và
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: 22%.

Bảng dưới đây thể hiện số dư nợ thuế và các khoản khác mà Masan Tài Nguyên phải nộp cho Nhà nước tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 30 tháng 6 năm 2015:

Chỉ tiêu hợp nhất	Đơn vị tính: nghìn VND		
	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
Thuế giá trị gia tăng	60.000	-	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	8.215.685	-	4.022.146
Thuế thu nhập cá nhân	16.129.913	28.294.286	14.847.903
Thuế thu nhập doanh nghiệp	36.945	-	79.277
Thuế tài nguyên	-	70.461.365	-
Các loại thuế khác	17.166.245	7.303.998	-
Tổng cộng	41.608.788	106.059.649	18.949.326

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC sáu tháng đầu năm 2015 của Công Ty.

11.1.6 Trích lập các quỹ theo luật định

Việc khấu trừ các quỹ theo yêu cầu của pháp luật đã được duy trì phù hợp với Điều Lệ và pháp luật áp dụng.

Bảng dưới đây thể hiện số dư các quỹ được Masan Tài Nguyên duy trì tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 30 tháng 6 năm 2015:

Đơn vị tính: nghìn VND

Chỉ tiêu hợp nhất	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(295.683.347)	(295.683.347)	(295.683.347)
Tổng cộng	(295.683.347)	(295.683.347)	(295.683.347)

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC sáu tháng đầu năm 2015 của Công Ty.

11.1.7 Tổng dư nợ vay

Bảng dưới đây thể hiện số nợ của Masan Tài Nguyên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 30 tháng 6 năm 2015:

Đơn vị tính: tỷ VND

Chỉ tiêu	Hợp nhất			Công Ty		
	Năm 2013	Năm 2014	Sáu tháng đầu năm 2015	Năm 2013	Năm 2014	Sáu tháng đầu năm 2015
Khoản vay – nợ ngắn hạn	3.629	1.342	1.781	256	254	-
Vay ngắn hạn	1.563	1.306	1.765	210	231	-
Vay dài hạn đến hạn	2.066	36	16	46	23	-
Khoản vay – nợ dài hạn	2.698	7.352	7.632	216	305	562
Vay dài hạn	4.702	538	935	262	328	562
Trái phiếu	-	6.800	6.667	-	-	-
Thuê tài chính	62	50	46	-	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn	(2.066)	(36)	(16)	(46)	(23)	-
Tổng khoản vay	6.327	8.694	9.413	472	559	562

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC sáu tháng đầu năm 2015 của Công Ty.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Masan Tài Nguyên không có khoản nợ quá hạn nào.

11.1.8 Tình hình công nợ hiện nay

Bảng dưới đây thể hiện các khoản phải thu và các khoản phải trả của Masan Tài Nguyên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 30 tháng 6 năm 2015:

Đơn vị tính: tỷ VNĐ

	Hợp nhất			Công Ty		
	Năm 2013	Năm 2014	Sáu tháng đầu năm 2015	Năm 2013	Năm 2014	Sáu tháng đầu năm 2015
Khoản Phải Thu – ngắn hạn	221	970	1.125	902	85	475
Khoản phải thu từ khách hàng	89	595	728	-	-	-
Trả trước cho bên bán	108	108	51	-	-	420
Các khoản phải thu khác	24	267	346	902	85	55
Nợ Phải Trả	10.227	13.595	14.471	1.653	1.740	1.725
+ Nợ ngắn hạn	3.629	1.342	1.781	256	254	-
++ Phải trả người bán	337	420	644	1	-	-
++ Người mua trả trước	1	11	96	-	-	-
++ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	42	106	19	-	-	-
++ Chi phí phải trả	573	684	738	20	1	1
++ Các khoản phải trả ngắn hạn khác	991	91	55	1,029	127	65
+ Nợ dài hạn	2.698	7.352	7.632	216	305	562
++ Phải trả dài hạn khác	1.205	2.251	2.157	131	1.053	1.097
++ Nghĩa vụ thuế hoãn lại	751	730	717	-	-	-
++ Dự phòng - dài hạn	-	608	632	-	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC sáu tháng đầu năm 2015 của Công Ty.

Bảng dưới đây thể hiện các khoản nợ/trái phiếu tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Masan Tài Nguyên:

Trái phiếu/Nợ	Tiền tệ	Số tiền (VNĐ hoặc khoản tiền tương đương bằng VNĐ)		Đến hạn
		Vốn	Lãi*	
1. Khoản nợ VNĐ có bảo đảm, bao gồm:				
(i) SGS (thuê tài chính)	VNĐ	45.823.640.009	1.058.322.218	2018
(ii) Techcombank (khoản vay trung hạn)	VNĐ	373.200.000.000	530.250.000	2018
(iii) Techcombank (khoản vay ngắn hạn)	VNĐ	63.680.000.000	70.402.500	2015
2. Khoản nợ bằng ngoại tệ, bao gồm:				
(i) Techcombank (vay vốn lưu động)	USD	1.313.734.474.608	1.121.780.485	2015
(ii) 5N Plus Inc.	USD	24.155.628.606	122.693.398	2015
3. Trái phiếu VNĐ có bảo đảm, bao gồm:				
(i) TNTI	VNĐ	6.667.442.141.753	221.000.000.000	2019
4. Khoản vay nội bộ không có bảo đảm:				
(i) MSN	VNĐ	231.000.000.000	12.632.219.178	2017
(ii) MSN	VNĐ	25.485.185.754	991.883.439	2017
(iii) MSN	VNĐ	305.078.167.901	43.023.915.890	2019
5. Khoản vay đối tác liên doanh không có bảo đảm:				
(i) H.C. Starck	USD	364.038.410.000	5.227.438.262	2015

* Ghi chú: Trái phiếu được thể hiện bằng khoản thuần sau khi đã trừ phí thu xếp trái phiếu.

11.2 Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng dưới đây thể hiện các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Masan Tài Nguyên và Công Ty trong hai (2) năm gần nhất:

Chỉ tiêu	Masan Tài Nguyên		Công Ty	
	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014
1. Hệ số thanh khoản				
+ Tỷ lệ thanh toán ngắn hạn:	0,15	0,77	0,73	0,14
+ Hệ số khả năng thanh toán nhanh:	0,08	0,52	0,73	0,14
2. Chỉ tiêu cơ cấu vốn				
+ Hệ số nợ trên tổng tài sản	0,48	0,54	0,15	0,16
+ Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu	0,93	1,18	0,18	0,19
3. Chỉ tiêu hiệu quả hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho:	-	3,84	-	-
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	-	0,12	-	-
4. Chỉ tiêu lợi nhuận				
+ Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-	1,65%	-	-
+ Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	0,11%	0,42%	0,37%	-0,40%
+ Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản bình quân	0,06%	0,20%	0,32%	-0,34%
+ Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	-	1,58%	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 của Công Ty

12. Tài sản

Bảng dưới đây ghi nhận các tài sản của Masan Tài Nguyên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014:

Đơn vị tính: nghìn VND

STT	Loại tài sản cố định	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ (%)
I	Tài sản cố định hữu hình	17.288.013.900	16.648.908.324	96,30%
1	Tòa nhà và công trình xây dựng	2.014.688.557	1.932.101.808	95,90%
2	Máy móc và thiết bị	9.363.681.452	9.012.729.502	96,25%

STT	Loại tài sản cố định	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ (%)
3	Thiết bị văn phòng	32.199.893	12.086.452	37,54%
4	Phương tiện vận chuyển	23.866.764	12.062.682	50,54%
5	Các tài sản khai khoáng khác	5.853.577.234	5.679.927.880	97,03%
II	Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	67.300.000	44.866.667	66,67%
II	Tài sản cố định vô hình	675.161.792	653.858.400	96,84%
1	Phần mềm	86.790.974	70.856.299	81,64%
2	Quyền khai khoáng	588.370.818	583.002.101	99,09%
III	Xây dựng cơ bản dở dang	3.185.593.593	3.185.593.593	-
TỔNG CỘNG		21.216.069.285	20.533.226.984	-

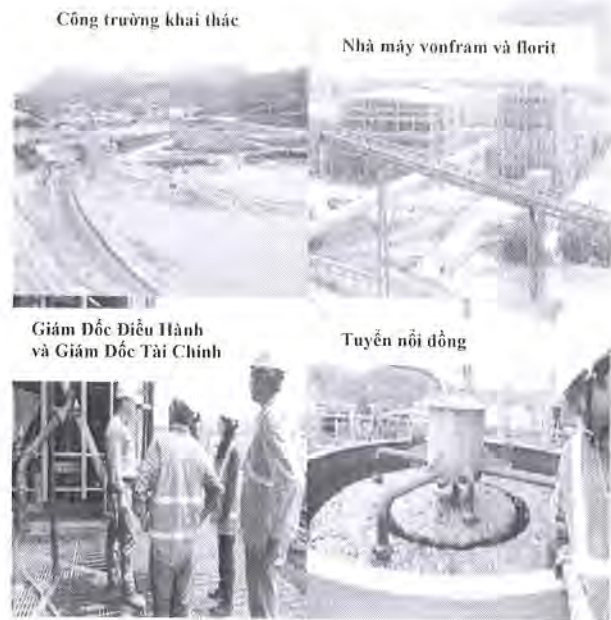
Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 của Công Ty.

Nhà máy

Masan Tài Nguyên đã hoàn thành việc xây dựng nhà máy chế biến tại khu vực dự án với cơ sở hạ tầng hỗ trợ cho hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản của Dự Án Núi Pháo. Nhà máy chế biến sẽ sản xuất tinh quặng vonfram, florit, đồng và tinh quặng bismut từ quặng được khai thác. Nhà máy chế biến được thiết kế với thời gian hoạt động thấp nhất là 25 năm, chế biến 3,5 triệu tấn quặng một năm, có khả năng hoạt động 24 giờ một ngày, 365 ngày một năm, và bao gồm các giai đoạn vận hành sau:



- Nhà máy nghiền hai giai đoạn
- Quy trình nghiền tinh bằng thanh nghiền
- Quy trình tuyển nổi đồng, khử nước cho tinh quặng và đóng gói
- Tuyển nổi sunfua số lượng lớn
- Tuyển nổi bismut, lọc và luyện bismut, và đóng gói bismut
- Thu hồi, làm giàu tinh quặng, sấy và đóng gói vonfram trọng lực
- Tuyển nổi florit, khử nước cho tinh quặng, lưu trữ và chuyển đi
- Trộn thuốc thử và lưu trữ
- Khu vực xử lý nước thải



Masan Tài Nguyên đã hoàn thành việc xây dựng nhà máy chế biến quặng được khai thác từ mỏ Núi Pháo thành sản phẩm đầu ra (tinh quặng vonfram, florit, tinh quặng đồng và bismut tinh luyện). Nhà máy đã bắt đầu sản xuất thương mại vào ngày 1 tháng 3 năm 2014.

Vào ngày 29 tháng 7 năm 2013, H.C. Starck, nhà sản xuất kim loại công nghệ cao hàng đầu thế giới và một trong những công ty lớn nhất trong ngành công nghiệp vonfram toàn cầu, và Công Ty Núi Pháo đã công bố việc ký kết các thỏa thuận chính thức để thành lập liên doanh tinh luyện các sản phẩm vonfram giá trị gia tăng tại Việt Nam.

Công Ty Núi Pháo và H.C. Starck lần lượt sở hữu 51% và 49% trong liên doanh, Núi Pháo – H.C. Starck, mà liên doanh này sẽ chế biến tất cả tinh quặng vonfram của Công Ty Núi Pháo thành các sản phẩm vonfram giá trị gia tăng cao như APT, BTO và YTO. Liên doanh này sẽ có khả năng chế biến sâu trên 10.000 tấn tinh quặng vonfram mỗi năm. H.C. Starck sẽ điều hành liên doanh và đã cam kết mua phần lớn sản phẩm để sử dụng cho nhu cầu nội bộ của H.C. Starck. H.C. Starck cũng sẽ hỗ trợ tiếp thị sản phẩm còn lại ra thị trường cho liên doanh.

Ngày 15 tháng 1 năm 2014, Núi Pháo – H.C. Starck nhận được giấy chứng nhận đầu tư cho nhà máy của Núi Pháo – H.C. Starck. Việc xây dựng các nhà máy tích hợp đang được tiến hành cùng với việc vận hành thử bắt đầu vào tháng 12 năm 2014 và sản xuất thương mại dự kiến sau trong quý II năm 2015.

Máy móc thiết bị

Phần lớn các thiết bị của nhà máy chế biến, bao gồm thùng và máy móc tuyển nổi, lưới rung, hộp số, bàn rung, hệ thống băng tải, khung máy nghiền bi, van và các thiết bị khác đã được chuyển đến khu vực dự án trước khi MSN mua lại dự án. Masan Tài Nguyên đã mua các thiết bị còn lại chủ yếu bao gồm các thiết bị cho quy trình nghiền, máy cô đặc, máy bơm, thiết bị điện và thiết bị điều khiển từ các nhà cung cấp trong nước và quốc tế.

Khu chứa đuôi quặng

Khu chứa đuôi quặng có sức chứa khoảng 61 triệu tấn đuôi quặng sinh ra trong quá trình chế biến khoảng 66 triệu tấn quặng, trữ lượng tại thời điểm tháng 8 năm 2014, trong suốt thời gian hoạt động của dự án đã được thiết kế và xây dựng. Ngoài chức năng chứa đuôi quặng, khu chứa đuôi quặng cũng sẽ lưu trữ tất cả khối lượng đá thải có nguy cơ sinh ra axit và đất phủ bỏ đi trong quá trình phát triển Dự Án Núi Pháo, mà quá trình này dự kiến làm phát sinh khoảng 120 triệu tấn đá thải và đất phủ, trong đó khoảng 65 triệu tấn dự kiến có nguy cơ sinh ra axit và cần được chứa trong khu chứa đuôi quặng và được chôn trong khu mỏ.

Khu chứa đuôi quặng cũng sẽ có các khu riêng biệt để chứa đuôi quặng oxit và sunfua, và có một hồ chứa nước ngọt nằm ở phía thượng nguồn của các khoang chứa đuôi quặng và một bể lắng nằm ở hạ nguồn của các khoang chứa đuôi quặng. Mỗi khoang chứa này sẽ được phân cách bằng các bờ kè đất với lõi đất sét dày, lớp lọc mạnh và vách bằng đá thải. Các đập chứa đuôi quặng chính và phụ và đập phân cách sẽ được xây trong thời gian hoạt động của mỏ bằng các nguyên vật liệu lấy từ mỏ lộ thiên.

Quyền sử dụng đất và công trình

Các công trình xây dựng như nhà kho, văn phòng hành chính, trung tâm y tế, cấp cứu và phòng thí nghiệm đã được xây dựng tại khu vực khai khoáng.

Bảng dưới đây thể hiện các tài sản của Masan Tài Nguyên, là nhà máy và quyền sử dụng đất thuộc mỏ Núi Pháo:

Nhà máy và mỏ

Loại	Vị trí	Diện tích (m²)	Diện tích gắn với quyền sử dụng đất (m²)
Nhà máy	Xóm 2, Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	357.621	284.621
Mỏ	Xóm 2, Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	5.906.021	4.024.338
Tổng cộng		6.263.642	4.308.959

Ghi chú: Nhà máy bao gồm các trang thiết bị hỗ trợ. Mỏ bao gồm khu vực chứa đuôi quặng và vùng đệm.

Quyền sử dụng đất

Vị trí	Diện tích (m²)	Thời hạn
Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	6.263.642	2004 - 2034
Tổng cộng	6.263.642	

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016	
	Kế hoạch (triệu VNĐ)	% Tăng/giảm so với Năm 2014	Kế hoạch (triệu VNĐ)	% Tăng/giảm so với Năm 2015
Vốn Điều Lệ	7.194.473	-	7.194.473	-
Doanh thu thuần	4.181.302	42	6.278.400	50
Lợi nhuận sau thuế	111.910	214	1.142.714	921
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,68%	-	18%	-
Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	1,56%	-	9%	-
Cổ tức	-	-	-	-

Nguồn: Công Ty.

13.1 Cơ sở để đạt lợi nhuận và cổ tức dự kiến

Kết quả tài chính năm 2014 và nửa đầu năm 2015 tương đối thấp do các yếu tố bất lợi sau:

- (i) Thu nhập trong giai đoạn vận hành thử không được thể hiện trong báo cáo lãi lỗ, và các quy trình chế biến của mỏ Núi Pháo đã hoàn thành vận hành thử theo từng giai đoạn trong ba quý năm 2014;
- (ii) Việc chế biến các quặng khai thác từ mỏ Núi Pháo có tính chất phức tạp. Sau khi hoàn thành giai đoạn vận hành thử, các quy trình chế biến bước vào giai đoạn nâng dần công suất để tăng sản lượng đồng thời giảm chi phí hoạt động. Thông thường chi phí hoạt động này cao hơn trong các giai đoạn đầu của vòng đời khai thác mỏ và bao gồm nhiều loại chi phí chi phát sinh một lần;
- (iii) Do tính chất dài hạn của ngành công nghiệp khai khoáng, trong những giai đoạn đầu sản xuất thương mại sẽ có các chi phí cải tiến và nâng cấp tiềm ẩn. Do đó, Công Ty dự kiến giữ lại dòng tiền từ hoạt động sản xuất để thực hiện việc cải tiến và nâng cấp này trước khi trả bất kỳ khoản tiền cổ tức nào. Việc thực hiện cải tiến và các nâng cấp khác đối với nhà máy chế biến dự kiến sẽ tiếp tục đến nửa đầu năm 2016; và
- (iv) Dự báo kinh tế toàn cầu cũng đã bắt đầu sụt giảm từ nửa cuối năm 2014 dẫn đến tình hình thị trường trở nên xấu đi đối với hàng hóa nói chung, và xu hướng này tiếp diễn trong năm 2015.

Các yếu tố này tồn tại đến nửa đầu năm 2015 khiến cho lợi nhuận nửa đầu năm 2015 chỉ đạt mức 35,8 tỷ VNĐ.

Tuy nhiên, các yếu tố bất lợi nêu trên không còn ảnh hưởng hoặc giảm ảnh hưởng trong thời gian sắp đến. Quan trọng hơn cả là từ nửa sau năm 2015, nhiều yếu tố tích cực sẽ xuất hiện:

- (i) Việc hoàn thành các giai đoạn vận hành thử, xử lý công đoạn chế biến tắc nghẽn, nâng dần công suất và cải tiến quy trình chế biến sẽ đóng vai trò quyết định thành công của kế hoạch năm 2015 - 2016, cho phép sản xuất các sản phẩm chất lượng cao, giảm cơ cấu chi phí hoạt động và tăng doanh số bán hàng từ tất cả các dòng sản phẩm, cho phép Công Ty đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức dự kiến; và
- (ii) Nhà máy sản xuất APT, BTO và YTO do công ty liên doanh Núi Pháo – H.C. Starck xây dựng dự kiến sẽ hoàn thành giai đoạn vận hành thử trong nửa sau năm 2015, đánh dấu việc bắt đầu sản xuất vonfram giá trị gia tăng và tạo ra doanh thu. Tương tự như vận hành mỏ Núi Pháo, sau khi hoàn thành giai đoạn vận hành thử, nhà máy liên doanh Núi Pháo – H.C. Starck sẽ chuyển sang giai đoạn xử lý công đoạn chế biến tắc nghẽn và nâng dần công suất để có thể đạt được công suất vận hành tối đa trong nửa đầu năm 2016 đồng thời giảm chi phí hoạt động của nhà máy. Các yếu tố này đặt Masan Tài Nguyên vào một vị trí thuận lợi để tận dụng điều kiện thị trường khi có sự cải thiện.

Nhờ vậy, Công Ty tin tưởng mình có thể đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 2015 – 2016 nêu trên.

13.2 Xác định kế hoạch đầu tư và dự án do ĐHCĐ, Hội Đồng Quản Trị phê duyệt

Thực hiện các giao dịch liên quan đến hợp nhất và sáp nhập các cơ sở kinh doanh/công ty chế biến các nguồn tài nguyên và/hoặc khoáng sản với giá trị hợp nhất không nhiều hơn 2.200 tỷ VNĐ đối với giá mua.

13.3 Kế hoạch tăng vốn điều lệ (nếu có)

Tính đến ngày lập Bản Thông Tin Tóm Tắt này, Công Ty chưa có kế hoạch tăng vốn điều lệ.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Masan Tài Nguyên

Vui lòng xem bảng thể hiện các khoản nợ/trái phiếu tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Masan Tài Nguyên tại phần có tiêu đề “*Tình hình công nợ hiện nay*” để biết thêm thông tin chi tiết về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Masan Tài Nguyên.

15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

15.1 Định hướng phát triển của Masan Tài Nguyên

Masan Tài Nguyên mong muốn tối đa hóa giá trị cổ đông và theo đuổi một chiến lược tăng trưởng lợi nhuận bằng cách tập trung vào ba lĩnh vực chính:

Kiến thức và hiểu biết mang tính địa phương để tạo điều kiện thực hiện dự án

Masan Tài Nguyên tin rằng sự hiểu biết mang tính địa phương đối với các mối quan tâm của cộng đồng và các vấn đề nhạy cảm của địa phương có ý nghĩa thiết yếu trong việc phát triển thành công các dự án. Bằng cách chủ động làm việc với cộng đồng địa phương, Masan Tài Nguyên đã có thể tạo ra một môi trường hoạt động kinh doanh thuận lợi để phát triển và vận

hành mỏ Núi Pháo và có được nguồn vốn lớn từ các cổ đông, cho phép thực hiện các hoạt động trên công trường nhanh chóng và hiệu quả.

Tận dụng khả năng tiếp cận vốn và dòng tiền để mua lại và phát triển các dự án giá trị

Masan Tài Nguyên dự định tận dụng khả năng tiếp cận vốn và dòng tiền của mình để mua lại và phát triển các dự án có tiềm năng cao. Masan Tài Nguyên tin rằng việc bổ sung thêm vốn được yêu cầu không chỉ để hoàn thành việc phát triển các tài sản sẵn có được mua lại, mà còn để mở rộng các hoạt động, giúp tối ưu hóa năng lực sản xuất về lâu dài.

Giảm thiểu rủi ro của các dự án thông qua nền tảng của Masan

Masan Tài Nguyên giảm thiểu các rủi ro từ nền kinh tế vĩ mô bằng cách thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro một cách tự nhiên để phòng ngừa biến động giá hàng hóa đối với lượng kim loại và khoáng sản đa dạng của Masan Tài Nguyên. Rủi ro tài chính của Masan Tài Nguyên thấp nhờ khả năng tiếp cận dòng vốn và mạng lưới nhà đầu tư ổn định của Tập Đoàn Masan, trong khi đó các rủi ro trong vận hành của Masan Tài Nguyên được giảm thiểu nhờ khả năng tiếp cận các đối tác thương mại, các khách hàng và kiến thức quản trị chuyên nghiệp của Tập Đoàn Masan.

15.2 Đánh giá sự phù hợp giữa định hướng phát triển của Masan Tài Nguyên trong bối cảnh định hướng của ngành công nghiệp, và với chính sách Nhà nước và xu hướng toàn cầu

Masan Tài Nguyên cam kết mang lại giá trị cổ đông bằng cách tận dụng bốn lợi thế phát triển trụ cột, mà bốn lợi thế phát triển trụ cột này không chỉ giúp tăng cường sự tham gia của Masan Tài Nguyên vào ngành công nghiệp khai khoáng Việt Nam mà còn vào ngành công nghiệp vonfram toàn cầu trên tổng thể.

Tăng trưởng tự thân và tăng trưởng thông qua mua bán và sáp nhập

Là một phần kế hoạch tận dụng tất cả các tài sản của mình, Masan Tài Nguyên không ngừng tìm cách tăng trưởng tự thân để tối ưu hóa cơ sở vật chất hiện có của mình để tối đa hóa năng suất và hiệu quả trong khi thiết lập cho giai đoạn tiếp theo của hoạt động kinh doanh. Bằng cách tận dụng các nguồn lực và cơ sở hạ tầng hiện có của mình, Masan Tài Nguyên mong muốn sản xuất với chi phí thấp hơn. Với các tài sản của Công Ty Núi Pháo, Masan Tài Nguyên đã chứng minh một cách thành công khả năng của mình trong việc phát triển cơ sở tài nguyên và trữ lượng với tốc độ nhanh hơn so với tốc độ hao mòn tài sản kể từ khi bắt đầu hoạt động.

Masan Tài Nguyên đang tìm cách xác định và hướng đến việc mua lại các nền tảng và cơ hội kinh doanh thuộc Loại 1 (có giá trị cao, vị trí chiến lược, dài hạn, và chi phí sản xuất thấp) trong giai đoạn suy thoái giá mang tính chu kỳ. Masan Tài Nguyên cũng đang xem xét nâng cao chất lượng danh mục đầu tư của mình và hướng đến các đối tác kém thu hút đầu tư trong ngành công nghiệp và loại trừ các tài sản không cốt lõi nhất định từ các đối tác hợp nhất lớn hơn, để giúp đáp ứng nhu cầu tiêu thụ ngày càng cao của thế giới đối với kim loại và khoáng chất chiến lược. Lợi thế cạnh tranh mũi nhọn của Masan Tài Nguyên khi thực hiện các hoạt động trong tương lai này chính là các vị thế chiến lược hiện tại của Masan Tài Nguyên cả ở Việt Nam và trong ngành công nghiệp.

Tập trung nhất quán vào việc quản lý chi phí và tăng năng suất

Khai khoáng là một ngành công nghiệp cần thời gian lâu dài. Việc Masan Tài Nguyên tập trung nhất quán vào việc quản lý chi phí kết hợp với mong muốn tăng năng suất sẽ đảm bảo dòng tiền mạnh phát sinh từ các dự án hiện tại của Masan Tài Nguyên, tăng cường khả năng của Masan Tài Nguyên trong việc đưa ra các quyết định đầu tư dài hạn và cho phép Masan Tài Nguyên đương đầu với biến động thị trường và biến động giá. Trong môi trường bất ổn, điều này sẽ bảo vệ một cách đáng kể vị thế dẫn đầu của Masan Tài Nguyên.

Nguồn vốn dài hạn

Masan Tài Nguyên hướng đến việc bảo đảm hình thức vốn dài hạn thích hợp để có thể tiếp cận các nguồn tài nguyên chiến lược. Việc chuyển đổi Masan Tài Nguyên thành công ty đại chúng là một bước tiến trong định hướng đảm bảo nguồn vốn thích hợp để hỗ trợ chiến lược dài hạn của Masan Tài Nguyên. Ngoài việc tạo ra loại tiền tệ linh động dưới hình thức chứng khoán được giao dịch trên thị trường UPCOM, việc giao dịch trên thị trường UPCOM có thể giúp đa dạng hóa nền tảng cổ đông của Masan Tài Nguyên bằng cách thu hút các nhà đầu tư chiến lược là tổ chức quan tâm đến hoạt động khai khoáng và chiến lược phát triển của Masan Tài Nguyên. Giao dịch trên thị trường UPCOM có thể giảm chi phí huy động vốn của Masan Tài Nguyên nhằm mục đích mua lại các tài sản sẵn có và đang được khai thác để tăng cường hơn nữa vị thế của Masan Tài Nguyên như một nhà sản xuất và tiên phong hàng đầu thế giới đối với các khoáng sản do Masan Tài Nguyên khai thác và chế biến. Masan Tài Nguyên khuyến khích hoạt động quản lý bằng chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) và giao dịch trên thị trường UPCOM giúp tất cả cổ đông đồng thuận với tầm nhìn dài hạn của Masan Tài Nguyên trong việc phát triển Công Ty cùng với giá trị cổ đông luôn được ghi nhận.

Năng lực lãnh đạo

Masan Tài Nguyên, với tư cách là một doanh nghiệp chiến lược quan trọng tại Việt Nam và trong ngành công nghiệp vonfram, sẽ tiếp tục tận dụng quy mô của mình như một lợi thế cạnh tranh. Điều này sẽ mang đến nhiều cơ hội phát triển hơn, và thu lại các lợi ích về chi phí và sản xuất có được từ lợi thế kinh tế về quy mô. Masan Tài Nguyên cũng sẽ tìm cách tác động một cách tích cực đến sự phát triển chính sách hỗ trợ của nhà nước và thực tiễn ngành bằng cách giành lấy vai trò lãnh đạo trong cả nhóm ủng hộ của ngành công nghiệp địa phương và ngành công nghiệp quốc tế. Với vị thế hàng đầu của mình trong ngành công nghiệp, Masan Tài Nguyên cũng có sứ mệnh làm cầu nối để đưa các thế mạnh và khả năng của Việt Nam ra thị trường toàn cầu. Masan Tài Nguyên đang tham gia tích cực vào các diễn đàn công nghiệp vonfram toàn cầu và tự tin đăng cai Hội Nghị Hiệp Hội Công Nghiệp Vonfram Quốc Tế (ITIA) năm 2015.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công Ty

Công Ty Núi Pháo đã tiến hành các thủ tục khởi kiện thương mại đối với nhà thầu công trình liên quan đến các quyền theo hợp đồng vào tháng 9 năm 2014.

Liên quan đến các thủ tục kiện tụng có khả năng phát sinh trong tương lai, khó có thể ước tính bất kỳ khoản tiền nào được thu hồi do khoản có khả năng phải trả dao động rất lớn. Công Ty Núi Pháo sẽ cố gắng đạt được:

- (i) khoản hoàn trả cho các khoản mà Công Ty Núi Pháo đã thanh toán cho các dịch vụ bị thực hiện sai hoặc không hiệu quả đã được chứng minh;
- (ii) khoản bồi hoàn cho các thiệt hại phát sinh từ các dịch vụ được cung cấp không đúng với thoả thuận của các bên và/hoặc quy định của pháp luật đã được chứng minh; và
- (iii) các khoản hoàn thuế, các khoản chi trả do chênh lệch tỷ giá và các chi phí khác có liên quan mà Công Ty Núi Pháo phải gánh chịu.

Trong phạm vi hiểu biết của Công Ty, thủ tục nêu trên một cách hợp lý sẽ không có ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến hoạt động của Dự Án Núi Pháo.

III. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội Đồng Quản Trị

Hội Đồng Quản Trị chịu trách nhiệm điều hành và quản lý chung đối với Công Ty. Hội Đồng Quản Trị họp khi có yêu cầu, nhưng ít nhất mỗi quý, để xem xét và giám sát tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công Ty.

Hội Đồng Quản Trị hiện tại bao gồm 4 thành viên. Nhiệm kỳ của mỗi thành viên là năm năm, và có thể được bầu lại khi hết nhiệm kỳ. Hội Đồng Quản Trị có thể bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.

1.1 Danh sách Hội Đồng Quản Trị

Các thành viên Hội Đồng Quản Trị hiện tại như sau:

Tên	Chức vụ trong Công Ty	Thành viên độc lập/điều hành/không điều hành	Ngày bổ nhiệm
TS. Nguyễn Đăng Quang	Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị	Thành viên điều hành	18/2/2013
Ông Chetan Prakash Baxi	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	Thành viên điều hành	20/12/2013
Ông Nguyễn Thiều Nam	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	Thành viên điều hành	18/2/2013
Ông Jonathan David Fiorello	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	Thành viên điều hành	6/11/2014

1.2 Sơ yếu lý lịch Hội Đồng Quản Trị

1.2.1 Ông Nguyễn Đăng Quang - Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

Họ và tên:	Nguyễn Đăng Quang
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	23/8/1963
Nơi sinh:	Quảng Trị
Số CMND:	022948090
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh

Địa chỉ thường trú:	79/12B Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn:	Tiến sỹ Khoa học Kỹ thuật
Quá trình công tác:	
1991 - 1994:	Cán bộ - Viện Khoa học Việt Nam
1995 - 1998:	Phó tổng giám đốc – Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
1999 - 2000:	Phó chủ tịch hội đồng quản trị – Techcombank
2000 - 2007:	Chủ tịch hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc – Công ty CP TM Ma San
2000 – nay:	Chủ tịch hội đồng quản trị – Công Ty Cổ Phần Ma San
2000 – nay:	Chủ tịch hội đồng quản trị – Công Ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Ma San
2004 – nay:	Chủ tịch hội đồng quản trị – MSN
7/2013 – nay:	Tổng giám đốc – MSN
2008 – nay:	Phó chủ tịch thứ nhất hội đồng quản trị – Techcombank
2010 – nay:	Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên – Công Ty Núi Pháo
2013 – nay:	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị của Công Ty
2008 – nay:	Chủ tịch hội đồng thành viên – Công Ty TNHH Ma San (US) (Masan (US) LLC Ltd. Co)
Chức vụ đang nắm giữ tại Công Ty:	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác trong Tập Đoàn Masan:	<p>Chủ tịch hội đồng quản trị – Công Ty Cổ Phần Ma San</p> <p>Chủ tịch hội đồng quản trị – Công Ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Ma San</p> <p>Chủ tịch hội đồng quản trị và Tổng Giám Đốc – MSN</p> <p>Chủ tịch hội đồng thành viên – Công Ty Núi Pháo</p>

	Chủ tịch hội đồng thành viên – Công Ty TNHH Ma San (US) (Masan (US) LLC Ltd. Co)
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Phó chủ tịch thứ nhất hội đồng quản trị – Techcombank
Tổng số Cổ Phần nắm giữ (tại thời điểm ngày 6 tháng 8 năm 2015) trong đó:	523.355.270 cổ phần phổ thông, chiếm 72,74% Vốn Điều Lệ
+ Đại diện Masan Tâm Nhìn sở hữu:	523.355.270 cổ phần phổ thông, chiếm 72,74% Vốn Điều Lệ
+ Cá nhân sở hữu:	Không
Số lượng Cổ Phần nắm giữ của Người Có Liên Quan:	Không
Những khoản nợ đối với Công Ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công Ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty:	Không

1.2.2 Ông Chetan Prakash Baxi – Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Họ và tên:	Chetan Prakash Baxi
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	31/10/1971
Nơi sinh:	Ấn Độ
Số Hộ chiếu:	510734058
Quốc tịch:	Vương quốc Anh
Dân tộc:	Không
Địa chỉ thường trú:	125 Arthur Road, Singapore
Trình độ chuyên môn:	Chứng chỉ kế toán được Hiệp Hội Kế Toán Công Chứng Anh Quốc (ACCA) cấp
Quá trình công tác:	
1995 – 2009:	Tập đoàn tài chính Deutsche Bank AG – Giám đốc Điều hành
2009 – 2013:	SC Lowy

30/9/2013 – nay:	Thành viên hội đồng thành viên – Núi Pháo – H.C. Starck
12/2013 – nay:	Thành viên Hội Đồng Quản Trị – Công Ty
6/2014 – nay:	Thành viên Hội Đồng Thành Viên – Công Ty Núi Pháo
Chức vụ đang nắm giữ tại Công Ty:	Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác trong Tập Đoàn Masan:	Thành viên hội đồng thành viên – Núi Pháo – H.C. Starck Thành viên hội đồng thành viên – Công Ty Núi Pháo
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Tổng số Cổ Phần nắm giữ (tại thời điểm ngày 6 tháng 8 năm 2015) trong đó:	Không
+ Đại diện sở hữu:	Không
+ Cá nhân sở hữu:	Không
Số lượng Cổ Phần nắm giữ của Người Có Liên Quan:	Không
Những khoản nợ đối với Công Ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công Ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty:	Không

1.2.3 Ông Nguyễn Thiệu Nam – Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Họ và tên:	Nguyễn Thiệu Nam
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	11/12/1970
Nơi sinh:	Quảng Trị
Số CMND:	025222887
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh

Địa chỉ thường trú:	25/13 Hậu Giang, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Thương Mại
Quá trình công tác:	
1993 – 1997:	Giám đốc Công Ty CP Dạ Mỹ
1997 – 2002:	Tổng giám đốc Công Ty CP Việt Tiến
2002 – 2008:	Thành viên hội đồng quản trị – Công ty Thương Mại Ma San
2002 – 2009:	Thành viên hội đồng quản trị của Công Ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Ma San
2003 – 2005:	Phó tổng giám đốc – Công Ty Đầu Tư Ma San
2005 – nay:	Thành viên hội đồng quản trị – Công Ty Cổ Phần Ma San
11/2008 – nay:	Phó tổng giám đốc – Công Ty Cổ Phần Ma San
2009 – nay:	Thành viên hội đồng quản trị và phó tổng giám đốc – MSN
2009 – nay:	Chủ tịch công ty – Công Ty TNHH Một Thành Viên MasanConsumerHoldings
2009 – nay:	Chủ tịch công ty – Công Ty TNHH Masan Brewery
2010 – nay:	Thành viên Hội Đồng Thành Viên – Công Ty Núi Pháo
2013 – nay:	Thành viên Hội Đồng Quản Trị – Công Ty
2011 – nay:	Chủ tịch hội đồng quản trị – Công Ty Cổ Phần Bất Động Sản Ma San
2011 – nay:	Chủ tịch công ty – Công Ty TNHH Một Thành Viên Xây Dựng Hoa Hướng Dương
9/2014 – 8/2015:	Chủ tịch công ty – Công Ty TNHH LamKa Master Brewer
2/2015 – 8/2015:	Chủ tịch công ty – Công Ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery HG
3/2015 – 8/2015:	Chủ tịch công ty – Công Ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery PY



2/2015 – nay:	Chủ tịch công ty – Công Ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery Distribution
2007 – nay:	Thành viên hội đồng quản trị – Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Số 3 Hải Phòng
2011 – nay:	Thành viên hội đồng quản trị – Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Baltic Titan
Chức vụ đang nắm giữ tại Công Ty:	Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác trong Tập Đoàn Masan:	Thành viên hội đồng quản trị và phó tổng giám đốc – Công Ty Cổ Phần Ma San
	Thành viên hội đồng quản trị và phó tổng giám đốc – MSN
	Chủ tịch công ty – Công Ty TNHH Một Thành Viên Masan Consumer Holdings
	Chủ tịch công ty – Công Ty TNHH Masan Brewery
	Thành viên Hội Đồng Thành Viên – Công Ty Núi Pháo
	Chủ tịch hội đồng quản trị – Công Ty Cổ Phần Bất Động Sản Ma San
	Chủ tịch công ty – Công Ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery Distribution
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Thành viên hội đồng quản trị – Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Số 3 Hải Phòng
	Thành viên hội đồng quản trị – Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Baltic Titan
Tổng số Cổ Phần nắm giữ (tại thời điểm ngày 6 tháng 8 năm 2015), trong đó:	714.286 cổ phần phổ thông, chiếm 0,10% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	Không
+ Cá nhân sở hữu:	714.286 cổ phần phổ thông
Số lượng Cổ Phần nắm giữ của Người Có Liên Quan:	Không
Những khoản nợ đối với Công Ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công Ty:	Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty: Không

1.2.4 Ông Jonathan David Fiorello – Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Họ và tên:	Jonathan David Fiorello
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	15/8/1976
Nơi sinh:	Greenwich
Số Hộ chiếu:	431204029
Quốc tịch:	Hoa Kỳ
Dân tộc:	Hoa Kỳ
Địa chỉ thường trú:	1 Grove Lane, Greenwich, Connecticut, USA 08631
Trình độ chuyên môn:	Đại học
Quá trình công tác:	
<i>1998 – 2008:</i>	Giám đốc Điều hành, Bộ Phận Xử Lý Các Tình Huống Đặc Biệt Toàn Cầu – Goldman Sachs & Co.
<i>2008 – 2010:</i>	Trưởng Phòng Ngân Hàng Đầu Tư Đồng Trưởng Phòng Thị Trường Tài Chính – Ngân hàng Aozora
<i>2010 – nay:</i>	Giám đốc Điều hành – Mount Kellett Capital Management L.P.
<i>11/2014 – nay:</i>	Thành viên Hội Đồng Quản Trị – Công Ty
Chức vụ đang nắm giữ tại Công Ty:	Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác trong Tập Đoàn Masan:	Không
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Giám đốc Điều hành – Mount Kellett Capital Management L.P.
Tổng số Cổ Phần nắm giữ (tại thời điểm ngày 6 tháng 8 năm 2015) trong đó:	144.166.284 cổ phần phổ thông, chiếm 20,04% Vốn Điều Lệ
+ Đại diện MRC Ltd. sở hữu:	144.166.284 cổ phần phổ thông, chiếm 20,04% Vốn Điều Lệ

+ Cá nhân sở hữu:	Không
Số lượng Cổ Phần nắm giữ của Người Có Liên Quan:	Không
Những khoản nợ đối với Công Ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công Ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty:	Không

1.3 Kinh nghiệm và chuyên môn của các thành viên Hội Đồng Quản Trị

Các thông tin chi tiết khác về hoạt động kinh doanh và kinh nghiệm làm việc của các thành viên Hội Đồng Quản Trị được trình bày dưới đây:

TS. **Nguyễn Đăng Quang** nắm giữ vị trí Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị từ năm 2013. Ông cũng là chủ tịch hội đồng quản trị của MSN từ năm 2004 và chủ tịch hội đồng quản trị của Công Ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Ma San và chủ tịch hội đồng quản trị của Công Ty Cổ Phần Ma San từ năm 2000. Ngoài ra, ông hiện là phó chủ tịch thứ nhất hội đồng quản trị Techcombank từ năm 2008. Từ năm 1999 đến 2002, ông Quang là phó chủ tịch hội đồng quản trị của Techcombank. Trước đó, ông là phó tổng giám đốc Techcombank từ năm 1995 đến 1998. TS. Quang nhận bằng tiến sĩ Khoa Học Kỹ Thuật từ Viện Vật Lý Ứng Dụng thuộc Học Viện Hàn Lâm Khoa Học Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Xô Viết Belarus và bằng thạc sĩ Quản Trị Và Quản Lý Kinh Doanh từ Trường Đại Học Kinh Tế Nga Plekhanov.

Ông **Chetan Prakash Baxi** nắm giữ vị trí thành viên Hội Đồng Quản Trị từ năm 2014. Ông cũng là thành viên Hội Đồng Thành Viên Công Ty Núi Pháo từ năm 2014. Ông Baxi là Kế Toán Viên Được Công Nhận (Chartered Certified Accountant) tại Anh. Ông có kiến thức chuyên sâu về hoạt động thương mại và đầu tư, và đã xây dựng và quản lý về mặt tuân thủ, chính sách, pháp lý, tài chính, thuế và nhân sự. Ông có hơn 20 năm làm việc tại các tổ chức tài chính toàn cầu tại Luân Đôn và Hong Kong.

Ông **Nguyễn Thiệu Nam** nắm giữ vị trí thành viên Hội Đồng Quản Trị từ năm 2013. Ông cũng là thành viên hội đồng quản trị và phó tổng giám đốc của MSN từ năm 2009 và thành viên Hội Đồng Thành Viên Công Ty Núi Pháo từ năm 2010. Ông từng là thành viên hội đồng quản trị của Công Ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Ma San từ năm 2002 đến 2009. Ông là thành viên hội đồng quản trị của Công Ty Cổ Phần Ma San từ năm 2005 và phó tổng giám đốc của Công Ty Cổ Phần Ma San từ năm 2008. Ông Nam có bằng Cử Nhân Kinh Tế của Đại Học Thương Mại, Việt Nam.

Ông **Jonathan David Fiorello** nắm giữ vị trí thành viên Hội Đồng Quản Trị từ năm 2014. Ông Fiorello cũng là giám đốc vận hành và giám đốc tuân thủ của Mount Kellett Capital Management L.P., cổ đông lớn của Công Ty. Trước đó ông Fiorello từng là giám đốc điều hành cấp cao và trưởng bộ phận đầu tư toàn cầu của Ngân hàng Aozora. Ông từng là giám đốc điều hành bộ phận xử lý các tình huống đặc biệt toàn cầu tại Goldman Sachs. Ông làm việc tại Goldman Sachs vào năm 1998 với tư cách là chuyên gia phân tích. Ông làm việc cho Structured Finance Group trước khi chuyển sang Asian Special Situations Group ở Hong Kong vào năm 2000, và quay lại Mỹ năm 2004 khi ông làm việc cho Americas Special Situations Group tại New York. Ông Fiorello từng là giám đốc của Aozora Investment Co., Ltd. Ông từng là giám đốc của Triad Financial SM LLC (Triad Financial Corporation) và

các công ty mẹ của Triad Financial SM LLC (Triad Financial Corporation) từ ngày 14 tháng 2 năm 2007 đến ngày 14 tháng 11 năm 2007.

2. Ban Kiểm Soát

2.1 Danh sách thành viên Ban Kiểm Soát

Thông tin chi tiết về thành viên Ban Kiểm Soát được trình bày dưới đây:

Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên	Trưởng Ban Kiểm Soát	5/5/2015
Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên	30/9/2013
Ông Đặng Ngọc Cả	Thành viên	30/9/2013

2.2 Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Kiểm Soát

2.2.1 Đoàn Thị Mỹ Duyên – Trưởng Ban Kiểm Soát

Họ và tên:	Đoàn Thị Mỹ Duyên
Giới tính:	Nữ
Ngày sinh:	9/5/1985
Nơi sinh:	Bình Định
Số CMND:	215000512
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Không
Địa chỉ thường trú:	Hồ Chí Minh, Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kế toán
Quá trình công tác:	
2007 – 2011:	Phó trưởng nhóm kiểm toán – Công Ty TNHH KPMG Việt Nam
2011 – 2012:	Quản lý tài chính – MSN
2012 – nay:	Kế toán trưởng – MSN
8/2012 – nay:	Thành viên ban kiểm soát – Công Ty CP Việt Pháp Sản Xuất Thức Ăn Gia Súc

4/2013 – nay:	Thành viên ban kiểm soát – Công Ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Ma San
5/2015 – nay:	Trưởng Ban Kiểm Soát – Công Ty
Chức vụ đang nắm giữ tại Công Ty:	Trưởng Ban Kiểm Soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác trong Tập Đoàn Masan:	Kế toán trưởng – MSN
	Thành viên ban kiểm soát – Công Ty CP Việt Pháp Sản Xuất Thức Ăn Gia Súc
	Thành viên ban kiểm soát – Công Ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Ma San
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Tổng số Cổ Phần nắm giữ (tại thời điểm ngày 6 tháng 8 năm 2015) trong đó:	Không
+ Đại diện sở hữu:	Không
+ Cá nhân sở hữu:	Không
Số lượng Cổ Phần nắm giữ của Người Có Liên Quan:	Không
Những khoản nợ đối với Công Ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công Ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty:	Không

2.2.2 Lê Thanh Tùng – Thành viên Ban Kiểm Soát

Họ và tên:	Lê Thanh Tùng
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	05/12/1976
Nơi sinh:	Hà Nội
CMND:	011836303
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh

Địa chỉ thường trú:	45 Phan Bá Vành, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ luật
Quá trình công tác:	
2004 – 2005:	Cán bộ dự án – Dự án Luật Thủy sản – Vụ Pháp Chế, Bộ Thủy Sản
2006 – 2007:	Chuyên viên tư vấn – Công ty Luật Hợp Danh Luật Việt
2008 – 2011:	Luật sư – Công ty Luật TNHH Baker & McKenzie (Việt Nam)
2011 – nay:	Phó Giám Đốc – Pháp Lý – MSN
9/2013 – nay:	Thành viên Ban Kiểm Soát – Công Ty
Chức vụ đang nắm giữ tại Công Ty:	Thành viên Ban Kiểm Soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác trong Tập Đoàn Masan:	Phó Giám Đốc – Pháp Lý – MSN
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Tổng số Cổ Phần nắm giữ (tại thời điểm ngày 6 tháng 8 năm 2015) trong đó:	135 cổ phần phổ thông
+ Đại diện sở hữu:	Không
+ Cá nhân sở hữu:	135 cổ phần phổ thông
Số lượng Cổ Phần nắm giữ của Người Có Liên Quan:	Không
Những khoản nợ đối với Công Ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công Ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty:	Không

2.2.3 Đặng Ngọc Cả – Thành viên Ban Kiểm Soát

Họ và tên:	Đặng Ngọc Cả
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	27/4/1983

Nơi sinh:	Thành phố Hồ Chí Minh
CMND số:	023760701
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	83/107 Năm Châu, Phường 11, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân luật
Quá trình công tác:	
2006 – 2008:	Luật sư – Công Ty Luật Hợp Danh Luật Việt
2008 – 8/2009:	Luật sư – Allens Arthur Robinson, Chi nhánh Hồ Chí Minh
8/2009 – nay:	Cán bộ pháp lý – MSN
10/2011 – nay:	Thành viên Ban kiểm soát – Ma San Tâm Nhìn
8/2012 – nay:	Thành viên Ban kiểm soát – Công Ty CP Việt Pháp Sản Xuất Thức Ăn Gia Súc
9/2013 – nay:	Thành viên Ban Kiểm Soát – Công Ty
Chức vụ đang nắm giữ tại Công Ty:	Thành viên Ban Kiểm Soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác trong Tập Đoàn Masan:	Cán bộ pháp lý – MSN Thành viên Ban kiểm soát – Ma San Tâm Nhìn Thành viên Ban kiểm soát – Công Ty CP Việt Pháp Sản Xuất Thức Ăn Gia Súc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Tổng số Cổ Phần nắm giữ (tại thời điểm ngày 6 tháng 8 năm 2015) trong đó:	Không
+ Đại diện sở hữu:	Không
+ Cá nhân sở hữu:	Không
Số lượng Cổ Phần nắm giữ của Người Có Liên Quan:	Không
Những khoản nợ đối với Công Ty:	Không

Lợi ích liên quan đối với Công Ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty: Không

2.3 Kinh nghiệm và chuyên môn của các thành viên Ban Kiểm Soát

Các thông tin chi tiết khác về hoạt động kinh doanh và kinh nghiệm làm việc của các thành viên Ban Kiểm Soát được trình bày dưới đây:

Bà **Đoàn Thị Mỹ Duyên** là kế toán trưởng của MSN, phụ trách báo cáo về tình hình tài chính, công bố và quản lý các vấn đề tài chính. Trước khi tham gia MSN, bà Duyên làm việc tại Công Ty TNHH KPMG Việt Nam. Bà Duyên có bằng Thạc Sĩ Kế Toán của Đại Học Kinh Tế Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và là thành viên Hiệp Hội Kế Toán Công Chứng Anh Quốc (ACCA).

Ông **Lê Thanh Tùng** là Phó Giám Đốc – Pháp Lý của MSN, phụ trách các vấn đề pháp lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty. Trước khi tham gia Công Ty, ông Tùng làm luật sư cho Baker & McKenzie và các hãng luật trong nước. Ông Tùng có bằng Thạc Sĩ Luật của Đại Học Panthéon-Assas, Pháp và bằng Cử Nhân Luật của trường Đại Học Quốc Gia Hà Nội (Khoa Luật), Việt Nam.

Ông **Đặng Ngọc Cả** là luật sư của MSN, phụ trách các vấn đề pháp lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty. Trước khi tham gia MSN, ông Cả đã làm việc cho hãng luật Allens Arthur Robinson và Công Ty Luật Hợp Danh Luật Việt. Ông Cả tốt nghiệp trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

3. Ban Giám Đốc

3.1 Danh sách thành viên Ban Giám Đốc

Ban Giám Đốc chịu trách nhiệm quản lý và điều hành hoạt động hàng ngày của Công Ty. Thông tin cụ thể về các thành viên Ban Giám Đốc được quy định dưới đây:

Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Dominic John Heaton	Tổng Giám Đốc	1/11/2010
Ông Wayne Frank Apted	Giám Đốc Tài Chính	1/9/2014

3.2 Sơ yếu lý lịch Ban Giám Đốc

3.2.1 Ông Dominic John Heaton – Tổng Giám Đốc

Họ và tên: **Dominic John Heaton**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 28/2/1967

Nơi sinh: Darwin

Số Hộ chiếu:	E4032963
Quốc tịch:	Úc
Dân tộc:	Caucasian
Địa chỉ thường trú:	79 Veivers Road, Palm Cove, Cairns, Úc
Quá trình công tác:	
1988 – 1990:	Trưởng phòng thí nghiệm, Phòng thí nghiệm Úc
1990 – 1996:	Chuyên gia nghiên cứu khoáng sản tại dự án, Placer Pacific
1996 – 2002:	Quản đốc Nhà máy khai thác vàng, Aurora Resources/PT Indo Muro Kencana
2002 – 2007:	Phó Tổng Giám đốc, Oxiana/LXML
2007 – 2009:	Giám đốc, Oz Minerals/PT Agincourt Resources
2009 – 2010:	Giám đốc, MMG/LXML
2010 – nay:	Tổng Giám đốc – Công Ty
Chức vụ đang nắm giữ tại Công Ty:	Tổng Giám Đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác trong Tập Đoàn Masan:	Không
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Tổng số Cổ Phần nắm giữ (tại thời điểm ngày 6 tháng 8 năm 2015) trong đó:	8.420.857 cổ phần phổ thông, chiếm 1,17% Vốn Điều Lệ
+ Đại diện sở hữu:	Không
+ Cá nhân sở hữu:	8.420.857 cổ phần phổ thông
Số lượng Cổ Phần nắm giữ của Người Có Liên Quan:	Không
Những khoản nợ đối với Công Ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công Ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty:	Không

3.2.2 Ông Wayne Frank Apted – Giám Đốc Tài Chính

Họ và tên:	Wayne Frank Apted
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	04/2/1968
Nơi sinh:	Caringbah
Số Hộ chiếu:	E4080302
Quốc tịch:	Úc
Dân tộc:	Caucasian
Địa chỉ thường trú:	Villa 18, C7, Ciputra, Hanoi, Vietnam
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân thương mại, chứng chỉ kế toán Anh được Hiệp Hội Kế Toán Công Chứng Anh Quốc (ACCA) cấp
Quá trình công tác:	
1/1989 – 12/1994:	Chuyên gia tư vấn thuế cao cấp – Perth, Mann Judd
1/1995 – 7/1997:	Giám đốc tài chính – Perth, Công ty Khai thác Khoáng sản Normandy
7/1997 – 10/2000:	Giám đốc tài chính – Indonesia, Aurora Gold Ltd.,
11/2000 – 12/2001:	Giám đốc tài chính – SE Asia, Công ty Khai thác Khoáng sản Normandy
1/2002 – 8/2014:	Giám đốc tài chính – Glencore Plc/Xstrata Plc
9/2014 – nay:	Giám Đốc Tài Chính – Công Ty
Chức vụ đang nắm giữ tại Công Ty:	Giám Đốc Tài Chính
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác trong Tập Đoàn Masan:	Không
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Tổng số Cổ Phần nắm giữ (tại thời điểm ngày 6 tháng 8 năm 2015) trong đó:	Không
+ Đại diện sở hữu:	Không

+ Cá nhân sở hữu:	Không
Số lượng Cổ Phần nắm giữ của Người Có Liên Quan:	Không
Những khoản nợ đối với Công Ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công Ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty:	Không

3.3 Kinh nghiệm và chuyên môn của các thành viên Ban Giám Đốc

Các thông tin chi tiết khác về hoạt động kinh doanh và kinh nghiệm làm việc của các thành viên Ban Giám Đốc được trình bày dưới đây:

Ông **Dominic John Heaton** là Tổng Giám Đốc của Công Ty. Ông phụ trách phát triển Dự Án Núi Pháo, lãnh đạo hoạt động thăm dò khoáng sản của Masan Tài Nguyên và xây dựng Công Ty thành một công ty tài nguyên quy mô lớn với tài sản đa dạng. Trong suốt 25 năm làm việc trong ngành công nghiệp khai khoáng, ông Heaton đã giữ các vị trí quản lý tại các khu vực xa xôi tại Úc, Papua New Guinea, Indonesia và CHDCND Lào. Ông Heaton có bằng Cử Nhân Khoa Học tại Đại Học James Cook, Townsville, Úc và bằng Diploma Sau Đại Học về Công Nghệ Chế Biến Khoáng Sản của Đại Học La Trobe, Úc. Ông cũng đã hoàn thành Chương Trình Quản Lý Nâng Cao tại cơ sở Mt Eliza của Melbourne Business School, Úc.

Ông **Wayne Frank Apted** là Giám Đốc Tài Chính của Công Ty. Ông cũng là giám đốc tài chính của Công Ty Núi Pháo. Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm về tài chính trong lĩnh vực khai khoáng. Ông đã từng là giám đốc tài chính cho Glencore Plc and Xstrata Plc tại Châu Âu, Trung Đông và Đông Nam Á. Ông là Kế Toán Viên Được Công Nhận (Chartered Accountant) và tốt nghiệp Đại Học Curtin, Úc.

4. Kế toán trưởng

Họ và tên:	Nguyễn Thị Hải Yên
Giới tính:	Nữ
Ngày sinh:	04/04/1972
Nơi sinh:	Ninh Bình
CMND số:	011794969
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Phòng 4, B13 Tập thể Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

1997 – 2006:	Trợ lý Giám đốc tài chính – Công Ty TNHH Apple Tree
2007 – 2009:	Kế toán trưởng – Công Ty TNHH Quốc Tế Tam Sơn
2010 – 2011:	Kế toán trưởng – Công Ty TNHH Thương Mại Trần Hồng Quân
2011 – nay:	Kế toán trưởng – Công Ty
7/2011 – nay:	Kế toán trưởng – Công Ty Núi Pháo
9/2012 – nay:	Kế toán trưởng – MRTN
Chức vụ đang nắm giữ tại Công Ty:	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác trong Tập Đoàn Masan:	Kế toán trưởng – Công Ty Núi Pháo Kế toán trưởng – MRTN
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Tổng số Cổ Phần nắm giữ (tại thời điểm ngày 6 tháng 8 năm 2015) trong đó:	20.000 cổ phần phổ thông
+ Đại diện sở hữu:	Không
+ Cá nhân sở hữu:	20.000 cổ phần phổ thông
Số lượng Cổ Phần nắm giữ của Người Có Liên Quan:	Không
Những khoản nợ đối với Công Ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công Ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty:	Không

5. Cán bộ quản lý khác

Không áp dụng.

6. Kế hoạch tăng cường quản trị của Công Ty

Công Ty cam kết tuân thủ các quy định hiện hành về quản trị công ty. Bên cạnh đó, Công Ty cũng tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động của Ban Giám Đốc và bộ máy tổ chức của Công Ty, bảo đảm thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua trong các nghị quyết của ĐHĐCĐ và Hội Đồng Quản Trị. Công Ty sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng công tác kiểm tra nội bộ, kiểm soát chặt chẽ việc thực thi công việc theo sự phân bổ nhiệm vụ

hay sự phân cấp từ Hội Đồng Quản Trị; chỉ đạo, chấn chỉnh kịp thời các hoạt động của Ban Giám Đốc, đặc biệt là trong công tác quản lý, hoạt động đầu tư và kinh doanh của Công Ty.

7. Thù lao

Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Kế Toán Trưởng không nhận thù lao trong năm 2014 và 2015.

Thù Lao Của Các Thành Viên Ban Giám Đốc

Các thành viên Ban Giám Đốc hưởng thù lao theo quy định của Công Ty.

Thưởng theo kết quả công việc cho các thành viên Ban Giám Đốc

Phụ thuộc vào việc xem xét và chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị, thưởng theo kết quả làm việc cho các thành viên Ban Giám Đốc là tối đa 40% gói thù lao xác định hàng năm với điều kiện đạt được các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh và chỉ tiêu kết quả công việc của cá nhân.

IV. PHỤ LỤC

1. Phụ Lục I: Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. Phụ Lục II: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014; và
3. Phụ Lục III: Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015.

TP.HCM, ngày __ tháng 0, năm 2015

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ
CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TS. NGUYỄN ĐĂNG QUANG

TỔNG GIÁM ĐỐC

A handwritten signature in blue ink.

DOMINIC JOHN HEATON

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

A handwritten signature in blue ink.

ĐOÀN THỊ MỸ DUYÊN

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

A handwritten signature in blue ink.

WAYNE FRANK APTED

KÊ TOÁN TRƯỞNG

A handwritten signature in blue ink.

NGUYỄN THỊ HẢI YẾN

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT**



TÔ HẢI

